



**QUỐC TẾ CỘNG SẢN &
CỘNG SẢN QUỐC TẾ**
(Một Biên Khảo Về Buổi Đầu Của Cộng Sản)



[Trang này để trống]

QUỐC TẾ CỘNG SẢN & CỘNG SẢN QUỐC TẾ

(Một Biên Khảo Về Buổi Đầu Của Cộng Sản)

MỤC LỤC

-----ooooooooOoooooooo-----

A. Thư giới thiệu của Độc giả *(trang 1)*

B. Lời Tác giả *(trang 5)*

Bài 1. 236 NĂM TRƯỚC KHI TƯ TƯỞNG “QUỐC TẾ CỘNG SẢN” RA ĐỜI *(trang 11)*

Bài 2. SỰ THAI NGHÉN BAN ĐẦU CỦA CÁI QUÁI THAI CỘNG SẢN *(trang 17)*

Bài 3. “CỘNG SẢN Ở VIỆT NAM LÀ AI? LÀ MỘT HỘI KÍN ĐÃ CHIẾM TRỌN MỘT QUỐC GIA”! *(trang 31)*

Bài 4. MỘT CÁI NHÌN KHÁI QUÁT VỀ HỘI KÍN Ở ÂU CHÂU THỜI TRUNG CỔ *(trang 35)*

Bài 5. SỰ RA ĐỜI CỦA QUÁI VẬT QUỐC TẾ CỘNG SẢN *(trang 43)*

Bài 6. KẾT LUẬN *(trang 69)*

[Trang này để trống]

A
Thư giới thiệu của Độc giả
By Văn Nguyên Dưỡng

----- Forwarded Message -----

From: Van Nguyen Duong
To: hoang duoc thao
Cc: hononuoc
Sent: Thursday, May 31, 2012 7:07 PM
Subject: Fw: Gởi anh Dưỡng bài viết Cộng Sản Quốc Tế.

BS Nghĩ mến,

Trước đây BS có gởi cho tôi một vài bài viết đề cập đến... hội kín. Hôm nay tôi gởi đến BS một bài viết truy tìm nguồn gốc của hội kín của một nhà biên khảo ẩn danh. Ông ta trước khi miền Nam sụp đổ là một binh nhì Biệt Động Quân. Nhưng khi sang định cư ở HK đã trở thành một người có kiến thức sâu rộng, đọc rất nhiều sách ngoại ngữ. Ông ta là sự kiện toàn quý báu của tri thức QĐVNCH. Chẳng riêng tướng, tá hay úy trong hàng ngũ sĩ quan ra hải ngoại đã thành danh trên mọi mặt, từng chứng tỏ là những đại biểu xứng đáng của một quân đội mà tiếng nói còn vọng xa mặc dù đã bị bức tử từ gần bốn thập niên qua. Trong hàng ngũ binh sĩ cũng có những người kiến thức uyên bác. Đó là giá trị của mọi quân nhân đã từng chống CS trên chiến trường máu lửa. Nay họ vẫn tiếp chiến đấu trên chiến trường khác, rộng lớn hơn. Xin BS đọc bài dưới đây. Bài này đã được đăng trên website của Dân Văn Tap Chí ở Đức, chia làm nhiều kỳ trong tháng vừa qua.

Thân mến,

Văn Nguyên Dưỡng

----- Forwarded Message -----

From: Nghia Vo
To: Van Nguyen Duong
Cc: hononuoc; tran hoai thu; song nhi; vuong trung duong; Dan Van Tap Chi; Doan Dinh (USADC)
Sent: Sunday, June 3, 2012 3:28 AM
Subject: Re: Bài viết về Hội Kín và Cộng Sản Quốc Tế

Cảm ơn Ô. Dưỡng

Bài này khá hay. Không ngờ BĐQ có tài như thế. Tôi sẽ cho in trên SACEI tuần sau với bình luận sau đây.

Nghĩa

<http://www.sacei07.org>

This is a fascinating, comprehensive, and lengthy collective review of International Communism by the group spearheaded by former ARVN Ranger Do Nhu Quyen, a private who fought against communism in Vietnam in the 1960-70s and now continues his fight in the US with his pen.

In order to effectively fight communism, the author stresses the need to understand it. He leads us through the last 2.5 centuries when communism slowly emerges, begins its ascent, and reaches its apogee before finally coming down crashing when people begins to realize that communism is a scourge, an evil utopia that was born in the minds of a few deranged intellectuals and put into practice by no less evil men who use the occasion to build up their empires. The result was simply frightening: communism has killed more than 100 million people worldwide and more than 3M Vietnamese. The author stresses the need to read the review in its totality in order to understand the dangers and threats of communism.

In summary, communism, which begins as a power struggle rapidly degenerates into evil actions: that power struggle led a few arrogant and self serving men to use people to build their own empires on earth. The difference between thien-ac, angel-devil is rather tiny. What is a devil, if not a fallen angel?

*Fw: Bài viết về Hội Kín và Cộng sản Quốc Tế
Đường Nguyễn*

To hononuoc, Doan Dinh (USADC), Dan Van Tap Chi, T 242, song nhi, tran hoai thu, vuong trung duong, Xay Dung, hoang duoc thao, chiensiconghoavn, cong pham

Em ĐNQ mến,

Anh chuyển nguyên đến Em lần nữa nguyên văn hồi âm của BS VÕ M. NGHĨA, một trong những vị sáng lập và điều hành cơ quan ngôn luận của nhóm trí thức Saigon -- hay tiêu biểu cho cả miền Nam tự do-- vẫn tiếp tục chống CSVN và đề cao phổ biến văn hóa, học thuật của dân tộc trên diễn đàn hội thảo ở Washington của tổ chức gọi là SACEI hay Saigon Arts, Culture & Education Institute, rất nhiều lần trong hơn 5 năm qua. Mỗi năm, SACEI đều tổ chức hội thảo về một đề tài chuyên biệt, sau đó xuất bản một quyển sách ghi lại các bài tham luận về forum đó. Mỗi tháng, có một bản văn Anh ngữ thông tin và thông báo về tin tức về các nhân vật miền Nam cũ hay hậu duệ có những cống hiến lớn gây tiếng thơm cho tổ quốc và dân tộc. Tổ chức này có qui mô rộng rãi, chặt chẽ và rất có uy tín. Thành viên của SACEI nguyên thủy phần lớn là các Bác sĩ Quân Y cũ của QLVNCH. Nay thì tổ chức bất vụ lợi này đã và đang mở rộng. Anh rất hoan nghênh và ủng hộ SACEI.

Thân mến,

Văn Nguyên Dương

[Trang này bỏ trống]

B

Lời Tác giả

oOo

Kính thưa bạn đọc,

Kể từ đầu thế kỷ thứ 20, sau lúc cộng sản ở Nga thành công trong việc làm sụp đổ cả một đế chế rộng lớn vào năm 1917, sau đó họ thiết lập một “nhà nước” mang sắc thái mới lạ và rất “hấp dẫn” mà những người lãnh đạo phong trào “cách mạng” này gọi đó là chính quyền của nhân dân, chính quyền của tầng lớp nghèo khổ là công nhân và nông dân, hoặc ngắn gọn hơn thì gọi đây là “chính quyền của giai cấp vô sản”. Từ năm 1917 cho tới khi Chiến Tranh Thế Giới Lần 2 kết thúc trong năm 1945, hình mẫu của chính quyền “vô sản” ở Nga là niềm mơ ước của biết bao con tim đang khát khao tìm sự độc lập, tự do, bình đẳng, v.v. cho quê hương mình, lúc đó vẫn còn nằm dưới sự cai trị của chế độ vua quan phong kiến hoặc bị xâm lăng và thống trị bởi chủ nghĩa thực dân đến từ Âu Châu, có người còn nuôi chí hướng xa hơn là mong được mang lá cờ của chính quyền “vô sản” đến khắp nơi trên thế giới. Trong vô số những người nuôi mộng ước đó, tầng lớp được cho là “trí thức, khoa bảng” đã bị thu hút mãnh liệt nên giới này không ngần ngại sự dấn thân. Họ đến với “lý tưởng cộng sản” một cách chân thành, coi lý thuyết “xã hội chủ nghĩa” như một cứu cánh cao cả nhất để mang lại hạnh phúc, thịnh vượng không những cho tổ quốc mà cho cả toàn nhân loại. Chính họ là những người đi đầu khơi dậy ngọn lửa chống áp bức, bất công, nghèo đói đang âm ỉ và dồn nén trong tầng lớp nông dân và thợ thuyền. Kết quả là từ năm 1917 đến khi các chế độ cộng sản lần lượt sụp đổ vào năm 1990, đã có rất nhiều xứ sở trải qua các cuộc bạo loạn “cách mạng”, chiến tranh “giải phóng” v.v. để xoá bỏ thể chế cũ và thiết lập nên chính quyền “vô sản”, và những lá cờ đỏ “búa-liềm” đã tung bay ngạo nghễ trên gần một nửa diện tích đất đai của quả địa cầu trong giai đoạn đó.

Chỉ đến khi các thành lũy cộng sản lần hồi tan rã (trừ Việt Cộng; Trung Cộng; Bắc Hàn; Cuba), giới trí thức, khoa bảng từng nuôi ảo tưởng về “chủ nghĩa đại đồng” mới giật mình tỉnh ngộ khi vô số các tội ác tàn bạo của cộng sản bị phơi bày. Lúc đó họ mới biết nhiều thế hệ có ăn học, có bằng cấp như mình đã bị lừa bịp một cách nham hiểm bởi các đảng viên cộng sản lão luyện trong lãnh vực tuyên truyền. Lúc họ sáng mắt ra, dù sao, cũng đã muộn rồi. Sự sám hối của họ bây giờ chắc chắn không thể làm sống lại hàng trăm triệu nạn nhân đã bị cộng sản giết hại bằng đủ loại hình thức, trong đó cũng có rất nhiều trí thức từng can đảm lên tiếng tố cáo tội ác của cộng sản. Sự ăn năn thống hối của họ cũng không thể nào khóa lấp hoặc hàn gắn được những tan vỡ, những mất mát chia lìa của biết bao nhiêu gia đình đang sống trong ác mộng vì những người thân yêu ra đi trong tức tưởi. Và họ cũng chẳng thể một sớm, một chiều tẩy rửa được hết các “di căn” hậu họa do cộng sản để lại trong lối sống của thế hệ trẻ hôm nay như sự dối trá, lừa đảo, vô luân lý, phi đạo đức, ích kỷ, độc ác, xảo quyệt để tiến thân và nhất là bị mù

lòà về văn hóa, kiến thức v.v. Nhưng phải lấy công tâm để nhìn nhận, sự thức tỉnh và biết đền đáp lại những ngu muội của mình trong giới trí thức, khoa bảng một thời lầm lạc vì cộng sản, ít ra cũng xoa dịu một phần nào đó trong nỗi đau đớn chung của xã hội loài người trước thảm họa cộng sản. Tuy nhiên, không phải tất cả các trí thức, khoa bảng đều tỉnh ngộ hay biết phục thiện sau khi các sự thật ê chề của cộng sản bị đưa ra ánh sáng, trái lại có một số vẫn lì lợm tiếp tục làm công cụ cho cộng sản, chấp nhận đem tài năng và trí tuệ của mình phục vụ cho tội ác, đó là trường hợp của những “con ruồi” trí thức đang vo ve bên bốn “đồng rác” xú uế của cộng sản còn sót lại hôm nay gồm Việt Cộng; Trung Cộng; Bắc Hàn và Cuba. Đối với những người biết nhận xét, họ có thể hiểu và thông cảm phần nào cho lớp trí thức đang còn bị kẹt trong bộ máy man rợ của cộng sản tại bốn quốc gia nêu trên. Có thể họ vì an toàn cho tính mạng cá nhân, cho gia đình, vì cơm ăn áo mặc, v.v. nên đành ngậm miệng cúi đầu làm thân “trâu ngựa” cho chế độ. Nhưng bên cạnh đó, lại có những vị khoa bảng, học giả, trí thức, v.v. (không kể giới “nghệ sĩ”) bằng cấp đầy mình đáng sống ở những quốc gia không cộng sản đã cố tình bất chấp dư luận, mang “tài cao học rộng” của mình đến với chế độ cộng sản, nhất là những kẻ đó lại nói cùng một ngôn ngữ, có chung một huyết thống dân tộc tại nơi mình đến “kiếm ăn nhờ bằng cấp”. Chẳng lẽ họ mù lòa đến mức không thấy nỗi khổ đau của đồng bào mình?

Trong phạm vi của bài biên khảo hôm nay, chúng tôi chỉ đề cập đến trường hợp Việt Nam, vì đảng cộng sản đang thống trị trên quốc gia này được chúng tôi xác định là một tổ chức tội phạm hung hiểm nhất, quỷ quyết xảo trá nhất, vô học và tàn bạo nhất trong lịch sử loài người với những gì tồi tệ nhất mà thế giới cộng sản trước khi chết đã gom lại và dồn hết vào cho nó. Ngoài ra, chúng tôi cũng được biết đã từ lâu lắm cho tới tận hôm nay, 2012, cộng sản Việt Nam sở dĩ còn kéo dài được sự thống trị sắt máu là do có sự chống lưng giúp đỡ từ một nhóm “siêu quyền lực” đang giấu mặt và có nguồn gốc tại Âu Châu.

Để tìm hiểu sự nghịch lý về hiện tượng trí thức Việt Nam ở hải ngoại đang tiếp tay cho tội ác ngay trên quê hương mình, chúng tôi, những người từng là quân nhân Biệt Động Quân / Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, có một thời chiến đấu không khoan nhượng với cộng sản trên chiến trường và hôm nay vẫn tiếp tục chiến đấu bằng ngòi bút trên mặt trận văn hóa. Vì xuất thân là những người lính, chúng tôi chẳng mong gì có được những học vị cao sang như phần lớn giới học giả, trí thức, khoa bảng v.v. trong cộng đồng người Việt lưu vong hiện nay. Tuy nhiên, chúng tôi đã cố gắng tìm đọc lại nhiều sách, báo, tài liệu v.v. về nguồn gốc sự hình thành nên “triết thuyết” cộng sản, qua những gì được tham khảo chúng tôi mới biết rằng đồng bào mình nói chung, giới trí thức khoa bảng Việt Nam nói riêng đều hoàn toàn mù tịt về nguồn gốc ban đầu của cộng sản. Nếu có sự tìm hiểu về cộng sản từ giới trí thức, phần lớn các nghiên cứu của họ dù sâu rộng lắm cũng chỉ bắt đầu từ hai ông Karl H. Marx và Friedrich Engels trở về sau mà thôi. Đây là một thiếu sót lớn, và cũng từ khởi điểm này mà giới trí thức người Việt đang tiếp

tay với cộng sản hôm nay thực sự bị che mắt về những mưu kế độc ác của cộng sản đối với trí thức. Vì thiếu hiểu biết nên họ không biết rằng, bên cạnh những vị khoa bảng, học giả, trí thức v.v. từ những ngày đầu hồn nhiên đem trái tim và kiến thức của mình đến với cộng sản (như đã viết ở phần trên), thì cũng có những kẻ vô lại, vô học, côn đồ, du thủ du thực v.v. đi lạc đường vào vòng ảnh hưởng của cộng sản. Chính những thành phần này mới dễ bị tuyên truyền và nhồi sọ hơn thành phần có ăn học, và họ sẽ tuyệt đối trung thành với tổ chức khi đã có quyền lực ở trong tay. Và con số đảng viên thuộc thành phần hạ cấp đó luôn đông hơn số đảng viên được gọi là “trí thức”. Khi một đảng cộng sản còn hoạt động trong bóng tối, khởi thủy những kẻ thành lập tổ chức tự coi là những cái đầu của đảng, sau đó giới trí thức ngây thơ sẽ được chọn đưa ra ngoài công khai để thu hút công chúng bằng những bài diễn văn rực lửa. Cùng lúc đó trong bóng tối, thành phần côn đồ sẽ tung ra các hoạt động gây xáo trộn xã hội bằng đủ loại khủng bố, gây áp lực tâm lý và buộc những người yếu bóng vía phải chấp nhận đứng vào hàng ngũ của chúng. Giai đoạn này được coi như nhằm tạo ra hai bàn chân để đưa “cách mạng” đi tới mục đích sau cùng. Khi đã cướp được chính quyền thì thành phần đảng viên trí thức sẽ bị loại dần ra khỏi những vị trí, chức vụ quan trọng trong cơ cấu tổ chức đảng, tệ hại hơn có thể bị thanh trừng, tù đày, thủ tiêu v.v. với cả ngàn lý do mà bọn vô lại ở chóp bu đưa ra. Sau đó là việc thành lập công an, mật vụ, tuyên-giáo v.v. để theo dõi và trấn áp những bất mãn, chống đối từ trong nội bộ ra ngoài xã hội, gọi là an ninh (chính trị). Tiếp theo là hình thành nên lực lượng vũ trang (quân sự) để tăng thêm sức mạnh cho đảng và cũng để răn đe đối phương bên ngoài biên giới. Hai cấu trúc sau cùng được xem như hai cánh tay thép để bảo vệ sự tồn tại của đảng. Và luôn luôn nhớ rằng, chỉ có thành phần hạ cấp, vô học, tàn nhẫn, trung thành nhất mới lọt được vô nơi cao nhất trong đảng là “bộ chính trị”. Còn lớp đảng viên tâm thường mới vào đảng, “quần chúng”, trí thức v.v. luôn bị “cái đầu” ở trên coi như hai bàn chân bên dưới, bọn vô lại ở chóp bu lợi dụng vào đó để đưa “đảng” đi tiếp trên con đường độc quyền thống trị mà thôi! Xin thử hỏi những vị trí thức, khoa bảng người Việt ở hải ngoại lâu nay đang giao du với Việt Cộng: “Đối với lớp trí thức gốc đảng viên từng theo họ từ ngày lập đảng, hoặc được đào tạo ngay tại những ngôi trường do chúng lập ra, những kẻ đó còn bị chúng coi rẻ như vậy thì quý vị, những người có bằng cấp ở ngoại quốc và cũng chưa từng ném mùi “nội bộ” đảng thì họ khinh rẻ quý vị đến mức nào”? “Bị coi khinh và nghi ngờ như vậy, làm sao thiện chí (nếu có) của quý vị thực sự giúp được nổi thống khổ của đồng bào”? “Quý vị nào biết cộng sản tàn độc đến mức chúng ngó lơ hết tất cả các khổ đau của xã hội, từ thiên tai, dịch bệnh, đói nghèo v.v. Vì sao chúng không quan tâm? Bởi cộng sản biết rõ sẽ có quý vị lo giùm điều đó cho họ, vì tình cảm con người xuất thân những nơi dư ăn, dư mặc khó thể quay lưng trước thảm cảnh đó của đồng bào. Còn đảng cộng sản thì sao? Xin đừng hỏi điều nhân nghĩa và đạo đức với một bọn vô lại, hạ cấp, vốn xuất thân từ căn bã của xã hội và đang ở tột đỉnh của quyền lực!” Đây là một đòn cân não mà Việt Cộng đã đánh trúng vào điểm yếu nhất của người Việt Nam lưu vong hiện nay trong vấn đề tình nghĩa, máu chảy ruột mềm. Bởi vậy bọn lưu manh mới

nhờn nhờ tại vị, ngồi trên đầu cả một dân tộc và được kẻ yếu lòng cho không mỗi năm cả chục tỷ đô la.

Những người nghiên cứu về Karl H. Marx; Friedrich Engels thường dành nhiều nhất thời gian để tìm hiểu về bộ sách đồ sộ là “Tư Bản Luận”. Những ai càng chú tâm vào đó thì càng lún sâu vào âm mưu lừa bịp của một bọn lưu manh đã mượn Karl H. Marx viết ra bộ sách đó. Nội dung của nó được sắp đặt rất công phu, cùng với những phân tích, con số, nhận xét rất hợp lý về nền kinh tế (nói chung) của “tư bản” vào thời kỳ mà giai đoạn “cách mạng kỹ nghệ” mới bộc phát. Trong thực tế câu trả lời đích thực về mục đích của bộ sách ấy là gì? Xin lập lại là không có gì cả, chỉ là sự dàn dựng bằng một rình chữ nghĩa rất uyên thâm, mục đích của nó là hớp hồn giới trí thức, làm cho họ phải say mê nghiên cứu và hy vọng đem áp dụng vào cuộc sống nhưng rồi... tất cả chỉ là ảo tưởng, là màn lừa bịp tinh vi nhất bằng sách vở. Vậy ai là kẻ bỏ tiền ra mượn K. Marx ngồi viết nên “tác phẩm” lừa đảo đó? Xin thưa. Đó là một hội kín có tên Hội Cộng Sản (the Communist League), và cái hội cộng sản đó lại mới đổi tên từ một hội bí mật có tên là Hội Của Những Người Công Chính (the League of Just Men), chưa hết, cái hội “công chính” đó chỉ là một trong nhiều cái nhánh của... một cành cây lớn hơn có tên là Hội Dân Ba Lê Ngoài Pháp Luật (the Parisian Outlaws League). Vậy làm sao biết được “cái cây” đó? Xin thưa. Chúng tôi sẽ đưa bạn đọc đi xa hơn, tìm về một con người, là đầu mối gây ra thảm họa cộng sản cho nhân loại. Nhân vật này đã viết ra các nền tảng ban đầu về cộng sản. Tất cả chỉ vì lòng hận thù đối với giáo hội Công Giáo, mà mục tiêu là Đức Giáo Hoàng. Con người này không ít thì nhiều cũng đã một thời làm điều đứng cả tòa thánh Vatican, và những bậc thầy của ông ta trước đó cũng gây tai tiếng khá nhiều cho giáo hội Công Giáo. Để tìm hiểu tường tận hơn, chúng tôi sẽ đưa bạn đọc đi ngược thời gian đến năm 1540, là năm mà Đức Giáo Hoàng Paul Đệ III cho phép sự thành lập một dòng tu, nhưng ngài không ngờ, chính dòng tu này là đầu mối tạo ra mầm mống cộng sản gần 200 năm sau đó. Phải chăng đây là một thử thách đốn đau mà Thượng Đế dành cho giáo hội Công Giáo La Mã trước các quyền lực của ma quỷ đang có mặt khắp trần gian?

Chúng tôi khi đưa ra bài biên khảo này, trước hết chỉ mong muốn giúp bạn đọc nói chung, giới trí thức thiếu trách nhiệm trước sự tồn vong của tổ quốc nói riêng, có thêm chút hiểu biết rõ ràng hơn về các mưu kế hèn hạ và nham hiểm của cộng sản, nhất là loại cộng sản cận bã, rác rến như bọn vô lại đang chiếm đoạt quê hương chúng ta. Tuy nhiên, vì vấn đề tế nhị của bản biên khảo, nội dung có nói đến sự sa ngã của các tu sĩ trong một giai đoạn lịch sử, chúng tôi đã liên lạc và trình bày riêng với các vị đàn anh Biệt Động Quân để xin ý kiến, nhất là những vị Ki-tô hữu trong binh chủng. Quyết định sau cùng của các đàn anh là chấp nhận cho đăng bài biên khảo này trên diễn đàn Biệt Động Quân. Dù sao, chúng ta cũng không thể che giấu được sự thật của lịch sử, hơn nữa đây là vấn đề có liên đới đến công cuộc đấu tranh chung của chúng ta trước một quê hương đang còn bị ngã nghiêng vì cộng sản.

Chúng tôi mong rằng trong bạn đọc sẽ không có người lợi dụng các chi tiết, sự kiện v.v. hay cắt xén nội dung của biên khảo này cho mục đích chia rẽ tôn giáo. Là một người Việt Nam, chúng ta đều biết hành động gây rẽ chia giữa các tôn giáo là một tội ác mà truyền thống đạo nghĩa của dân tộc không bao giờ chấp nhận. Quý vị có quyền trích dẫn cho mục đích học thuật, nghiên cứu hoặc sáng tác và xin ghi rõ nguồn trích dẫn.

Xin cảm tạ những ý kiến thiết thực, những tài liệu bổ xung đến từ nhiều đàn anh Biệt Động Quân để biên khảo này được hoàn tất.

*“Biện chứng pháp Mác xít là phương pháp làm cho một tên đần độn ăn nói như một nhà thông thái”...
... “The Marxian dialectics is a method which enable an idiot to sound extremely clever”...*

(Arthur Koestler (1905-1983), trích từ “The Invisible Writing”, Second Volume..., 1932-1940).

***Thay mặt nhóm biên soạn.
BĐQ Đỗ Như Quyên.***

[Trang này bỏ trống]

BÀI 1
**236 NĂM TRƯỚC KHI TƯ TƯỞNG
“QUỐC TẾ CỘNG SẢN” RA ĐỜI**

oOo

Ngày 27/9/1540: Trước sự hoang mang của cộng đồng Ki-tô hữu khắp Âu Châu vì sự chỉ trích và nhạo báng của giới trí thức cùng những tu sĩ phản đạo, để cứu vãn danh dự của tòa thánh và phục hồi đức tin, Đức Giáo Hoàng Paul III (29/2/1468 - 10/11/1549) thuận cho phép một tu sĩ là ông Inigo Lopez de Onaz y Loyola (24/12/1491 - 31/7/1556) thành lập một dòng tu có danh xưng là Dòng Giê-su (Societas Jesu, dòng tu này còn được gọi bằng những tên khác trong tiếng Anh như Society of Jesus; Company of Jesus v.v., riêng Giáo Hội Công Giáo Việt Nam thì chính thức gọi là Dòng Tên, kể từ đoạn này, chúng tôi sẽ gọi là Dòng Tên như đã biết. Ông Inigo Lopez de Onaz y Loyola còn được biết là Ignatius of Loyola; Pedro de Arrupe y Gondra, ông được phong thánh vào ngày 12/3/1622).

(Dòng Tên được lập ra theo sáng ý của ông Inigo.L.O. Loyola nhằm giữ uy tín cho giáo hội, cũng như tăng thêm kỷ cương giềng mối của giáo luật. Lúc bấy giờ có không ít các tu sĩ mang tư tưởng cấp tiến, họ muốn thoát ra khỏi nhiều giáo điều nghiêm khắc được thiết lập từ thời đầu trung cổ mà tới lúc đó vẫn còn duy trì dù xã hội Âu Châu đã có nhiều thay đổi. Một biến cố gây chấn động khắp trời Âu là sự kiện ông Christopher Columbus (1451-1506) tìm đến được một vùng đất mới (Mỹ Châu) ngày 21/10/1492 (có vài sách ghi sai thành ngày 12/10). Ông này quay trở lại Tây Ban Nha báo tin làm dân Âu Châu sững sờ và dư luận nóng lên như cơn sốt. Những giáo dân ngoan đạo chỉ còn biết cúi đầu cầu nguyện và chờ tòa thánh đưa ra câu trả lời cho câu hỏi nhức nhối: “Nếu thánh kinh đúng tuyệt đối thì “ai” là người đã tạo ra giống dân nơi vùng đất mới tìm được”?

Năm 1517, một biến cố khác cũng làm tòa thánh Vatican điêu đứng khi linh mục Martin Luther (10/11/1483 - 18/2/1546) đã lập ra giáo phái Cải Cách (Tin Lành) sau khi đưa ra 95 điều để kết án giáo hội và các giáo hoàng vương quá sâu vào trần tục. Kết quả sau biến cố Martin Luther là sự rạn nứt, chia rẽ trầm trọng đã xảy ra ngay bên trong tòa thánh và nhiều xứ đạo cấp quốc gia đã vĩnh viễn quay lưng với giáo hội.

Năm 1527, triều đình đế quốc Tây Ban Nha ngang nhiên đưa một hải đội đến cướp phá vùng La Mã (Rome) và ngay cả đòi Vatican. Điều này nói lên uy tín của hội thánh đã giảm sút thật nhiều. Những vương triều trước kia vốn kính cẩn thần phục nay đã bắt đầu chỉ trích tòa thánh quá cứng nhắc, khư khư giữ những điều luật không còn hợp thời trước một xã hội có lắm sự đổi thay. Những sự kiện vừa nêu, là vài trong nhiều nguyên nhân đưa đến sự ra đời của Dòng Tên.

Xấp hồ sơ dày cộm về tổ chức, lề luật, hoạt động v.v. của Dòng Tên do ông Inigo. L. O. Loyola biên soạn được trình lên giáo hoàng. Sau khi đọc và xét duyệt, Đức Giáo Hoàng Paul Đệ III chính thức cho đặt tên hồ sơ này bằng ba chữ la tinh là “Regimini Militantis Ecclesiae” (Chiến Quân Tu Sĩ Nhà Thờ). Dòng Tên ngày đầu sáng lập chỉ có 60 tu sĩ, mặc áo chùng đen, có một đời sống tu hành rất khắc khổ, người thường khó thể chịu đựng nổi. Tuy nhiên, các tu sĩ của Dòng Tên từ các vị khởi lập đến những vị sau này hầu hết đều là những người có một trình độ học thức rất cao, kiến thức uyên bác trong nhiều lĩnh vực, từ thần học, triết học, sử học cho tới thiên văn, toán học v.v. Nói gọn hơn, mỗi tu sĩ của Dòng Tên là một học giả tinh thông nhiều vấn đề trong xã hội. Nhìn bên ngoài, những tu sĩ Dòng Tên cũng giống như bao tu sĩ của dòng tu khác. Chăm lo việc giữ gìn đạo hạnh, nghiên cứu kinh, sách, làm điều phước thiện v.v. Nhưng than ơi! Tất cả mọi người đều lầm. Kể cả Giáo Hoàng Paul III ban đầu cũng bị lầm! Ông Inigo L. O. Loyola cũng vì đức tin quá mãnh liệt, mang niềm tin muốn duy trì danh dự của hội thánh cũng quá nhiệt thành nên ông đã bí mật cho lập ra bên trong Dòng Tên một tổ chức tựa như hội kín có tên là Thông Tuệ (the Alumbrados, đồng nghĩa với Sáng Ngộ; Sáng Tuệ... tựa như sự được mở mắt trong tâm thức). Chính cái cơ cấu nhỏ bé và bí mật ấy mới là trái tim của Dòng Tên, là nơi nghiên cứu, soạn thảo, quyết định hết tất cả các hoạt động của dòng tu khổ hạnh này. Hơn nữa, không phải tất cả các tu sĩ của Dòng Tên đều biết đến sự tồn tại của nó. Chỉ trừ giáo hoàng, vài tu sĩ ưu tú thuộc hàng cao cấp nhất trong dòng, và vài người “có chí lớn” ngoài xã hội mới được phép biết mà thôi! Chỉ trong vòng 10 năm sau ngày được lập ra, Dòng Tên đã phát triển thật nhanh như vệt dầu loang. Uy tín lẫn ảnh hưởng của dòng lan tỏa khắp chôn ở Âu Châu, và đồng thời cũng gây sóng gió tứ bề cùng với sự lớn mạnh của nó. Màu áo chùng đen của các tu sĩ Dòng Tên thấp thoáng khắp nơi, từ những trung tâm nuôi trẻ em mồ côi, kẻ tật nguyền, những cụ già cô độc v.v. cho tới bên trong chôn cung đình của các vương triều tại Âu Châu. Tu sĩ Dòng Tên cũng xông pha đi theo những con tàu thám hiểm vượt đại dương đầy bất trắc, kể cả tàu buôn, chiến thuyền để tới các vùng đất xa xăm mà người dân Âu Châu chưa từng nghe nói đến... như vương quốc Đại Việt chẳng hạn, nơi thời Nhà Hậu Lê (1428-1788) ông Inigo L. O. Loyola đã ghé thăm vào năm 1553. Một tu sĩ khác của Dòng Tên cũng đến Đại Việt năm 1619 là ông Alexandre de Rhodes (1591-1660), ông tới vương quốc này gặp lúc các chúa Nguyễn (Nam), chúa Trịnh (Bắc) sắp đưa sông núi nước Nam vào 148 năm máu lửa (Nam-Bắc Phân Tranh Lần I, 1627-1775). Tại Âu Châu, tu sĩ Dòng Tên đã thao túng quyền chính của nhiều vương triều. Họ theo dõi để tìm xem ông vua nào dám ương ngạnh với giáo hoàng, nếu tìm ra bằng cứ họ sẽ lập kế hoạch lật đổ ông vua “cứng đầu” đó, đưa lên ngai vàng những vị vua tỏ ra biết phục thiện với giáo hội. Tu sĩ Dòng Tên bắt đầu đi vào con đường của sự cám dỗ, sa ngã khi họ làm luôn cả nghề đi buôn, kể cả buôn... lậu, cho vay tiền, mua bán đất đai, hối lộ quan chức, làm gián điệp, bắt người tra khảo v.v. Họ đã khởi sự gieo rắc một nỗi kinh hoàng, mối sợ hãi lan rộng khắp chôn của xã hội Âu Châu. Tiếng oán than, trách móc của dư luận bắt đầu vang vọng, dân chúng lên lút gọi tu sĩ Dòng Tên là “Jesuit” với nghĩa xấu xa. Sau cùng, các việc làm lộng hành đó cùng sự oán trách của dân chúng rồi cũng tràn ngập khắp lối của Rome. Trước khi tòa

thánh Vatican thẳng tay vung lên lần roi sắt để trừng phạt, các nước ở Âu Châu tự ý đưa ra các biện pháp để đối phó).

Kể từ tháng 4/1759 đến cuối năm 1761: Tất cả các tu sĩ của Dòng Tên ở Bồ Đào Nha bị triều đình nước này ra lệnh lùng bắt. Nhà thờ, nhà ở, nhà phước, trường học v.v. của dòng tu ấy đều bị đóng cửa hay tịch thu vĩnh viễn. Hải quân Bồ Đào Nha tập trung hơn 2,000 tu sĩ Dòng Tên, sau đó chở họ thẳng đến bờ biển nước Ý Đại Lợi rồi đuổi hết lên bờ.

Ngày 6/8/1762: Triều đình Pháp tuyên bố: “Vì hạnh phúc và sự yên bình của nước Pháp. Yêu cầu (bắt buộc) tất cả tu sĩ Dòng Tên phải mau chóng rời khỏi lãnh thổ”. Ngay sau đó, Pháp ra lệnh đóng cửa toàn bộ các cơ sở, bao gồm trường học của Dòng Tên, rồi cho đem hết những loại sách vở của họ ra đường và đốt cháy rụi. Tính từ năm 1762 đến 1764, có hơn 3,000 tu sĩ Dòng Tên trốn khỏi nước Pháp đi lánh nạn nơi khác.

Ngày 31/3/1767: Tất cả các nơi làm việc hoặc ăn ở của Dòng Tên tại Tây Ban Nha đều bị triều đình đưa lính tới bao vây chặt chẽ. Toàn bộ cửa ngõ đều bị đóng kín và tu sĩ bị cấm bước ra ngoài. Nửa đêm ngày 2 rạng ngày 3/4/1767, toàn bộ các tu sĩ Dòng Tên khắp lãnh thổ Tây Ban Nha cũng như tại các thuộc địa của đế quốc này đều bị bắt giữ tại chỗ. Hải quân Tây Ban Nha đã huy động một hạm đội, chở tất cả hơn 6,000 tu sĩ Dòng Tên thẳng tới bờ biển Ý Đại Lợi rồi đuổi hết lên bờ và họ gọi hành động đó là: “Trả lại cho thượng đế món quà không nên có”! Thảm thương thay! Trong số đó có nhiều người bị chết vì đói, những tu sĩ già yếu chết vì bệnh hoặc không lết nổi do bị giam kín quá lâu dưới hầm tàu. Có nhiều tu sĩ mang thương tích nặng nề vì bị đánh đập bằng roi da, hoặc do bị đâm bằng mũi giáo của quan binh Tây Ban Nha. Các tu sĩ quần áo rách nát, máu me đầy người, nghiêng ngã xiêu vẹo diu nhau bước lên những bãi cát nóng cháy hoặc các ghềnh đá sắc bén giữa tiếng la ó, chửi bới hay cười đùa đầy độc ác của quan binh trên tàu. Những hình ảnh nêu trên chỉ là một trong hàng trăm thảm cảnh khác mà các tu sĩ của Dòng Tên phải gánh chịu. Họ còn bị đẩy hàng loạt xuống giữa biển khơi, bị trói chân, tay hay cột đá rồi ném xuống nước, bị chém đầu, treo cổ hoặc thiêu sống. Tu sĩ Dòng Tên đã bị chết trong đống đau tức tưới không những chỉ tại Châu Âu, mà còn ở các thuộc địa của bọn đế quốc nơi Phi Châu; Mỹ Châu. Họ còn bị truy sát ở Gia Nã Đại; Nhật Bản; Đại Hàn; Trung Hoa; Ấn Độ... và ngay cả trên quê hương Việt Nam của chúng ta. Nói tóm lại, ở đâu có dấu chân của các tu sĩ Dòng Tên thì ở đó đất cũng thấm máu của họ. Kẻ thù của dòng tu này đã độc ác đổ vấy lên đầu họ mọi thứ xấu xa, ti tiện nhất vì bị đụng chạm đến quyền lợi. Chúng sợ bị nhân loại khám phá ra những tội ác tày trời, những lối sống trụy lạc phía sau cánh cửa của những vương triều phong kiến sắp hết thời.

Ngày 2/2/1769: Đức Giáo Hoàng Clement XIII (7/3/1693) qua đời. Trước khi các hồng y sắp bước vào phòng kín để bầu giáo hoàng mới thì các đại sứ tại Vatican của những đế quốc như Pháp; Tây Ban Nha; Bồ Đào Nha đã nói thẳng với các hồng y rằng: ... “chúng

tôi chỉ công nhận một giáo hoàng không dính dáng chi tới Dòng Tên”.... Lời nói sỗ sàng ấy chỉ có mỗi Hồng Y Lorenzo Ganganelli (31/10/1705 - 22/9/1774) gương gao tán thành. Kết quả sau cuộc bầu kín thì vị hồng y đó được bầu chọn và trở thành Giáo Hoàng Clement XIV.

Năm 1772: Giáo Hoàng Clement XIV bắt đầu cho lần lượt đóng cửa các trường học của Dòng Tên. Sau đó đến những nhà thờ của dòng tu này cũng bị đóng cửa. Lệnh này chỉ áp dụng trên lãnh thổ Ý Đại Lợi mà thôi.

Ngày 21/7/1773: Dòng Tên chính thức bị giải tán bởi một Giáo Lệnh (Dominus ac Redemptor) của Giáo Hoàng Clement XIV. Khi nghe tin này, các đế quốc như Pháp; Tây Ban Nha; Bồ Đào Nha; Áo mừng ra mặt nhưng cũng có ba đế quốc là Anh; Nga; Phổ (Prussia, sau là Đức) ra mặt chống lại giáo lệnh này. Cả ba nước chống lệnh giáo hoàng còn thách thức Vatican bằng cách tuyên bố mở rộng cửa biên giới, sẵn sàng đón nhận các tu sĩ Dòng Tên nào muốn đến sống ở nước họ.

Vậy là có hàng ngàn tu sĩ Dòng Tên đang bị xua đuổi lũ lượt kéo đến nương náu tại ba nước đó. Riêng những người không thể đi được vì bận bịu chăm sóc người nghèo ở các bệnh viện (do họ lập nên), hoặc không nỡ bỏ rơi hàng chục ngàn trẻ em mồ côi sẽ bị bỏ đói v.v. nên số tu sĩ này vẫn ở nguyên tại chỗ. Và để yên phận trước bọn quan lại ở địa phương, cũng như được duy trì công việc cứu người, họ lập ra một số hội mới. Những hội này tuy nhỏ và ít ồn ào hơn, nhưng dù sao cũng có nơi gặp mặt, tập trung cầu nguyện và chờ... phép lạ. Đó là các hội tiêu biểu như Hội Thánh Tâm Của Chúa Jesus (the Society of the Sacred Heart of Jesus); Hội Những Người Cha Của Đức Tin (the Society of Fathers of the Faith); Hội Đức Tin Của Chúa Jesus (the Society of the Faith of Jesus) v.v. Riêng ở Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, có rất nhiều hội nhỏ được lập ra vì đường đến Anh; Nga; Phổ hơi xa và nhiều tốn kém (Hơn 41 năm sau, vào ngày 7/8/1814 Đức Giáo Hoàng Pius VII đã ký lệnh cho phép Dòng Tên được tái lập với đủ các quyền mà dòng tu này từng có trước kia. Khi hay tin sự hoạt động trở lại của Dòng Tên, sóng gió đã âm ỉ nổi lên nhiều nơi tại Âu Châu để phản đối và chỉ trích tòa thánh Vatican tới bời. Phần đông những kẻ chống lại quyết định này là các ông hoàng, bà chúa, lớp quý tộc, địa chủ giàu có và dĩ nhiên không thể thiếu các trí thức, triết gia, giáo sư thần học, linh mục, giám mục, chủ nhà băng, tài phiệt kỹ nghệ v.v. Số chống đối này tự xưng là “Người Bên Núi” (Cis-Montanes), tức phía Bắc dãy núi Alps. Còn phe ở phía Nam núi Alps thì bị họ gọi là “Kẻ Bên Kia Núi” (Ultra-Montanes) gồm các nước thường trung thành với tòa thánh như Ý Đại Lợi; Hy Lạp; Nam Tư v.v. Sau khi được cho hoạt động trở lại, các tu sĩ Dòng Tên liền xông xáo, hăng say hoạt động còn hơn cả trước kia. Thế là quyền lợi của vương quyền lại bị đụng chạm. Kẻ thù của Dòng Tên lại có cơ kết án Vatican đã cố tình che chở và dung túng “đứa con hư hỏng” của mình. Nhiều năm sau đó nữa, vài tu sĩ Dòng Tên lại gây thêm tai tiếng khi họ trực tiếp giúp đỡ cho các phong trào cộng sản tại Châu Phi và Trung-Nam Châu Mỹ. Trước những bằng chứng rành rành khó lòng chối cãi,

ngày 28/2/1982, đích thân Giáo Hoàng John Paul II (18/5/1920 - 2/4/2005) phải công khai lên tiếng cảnh cáo các tu sĩ Dòng Tên nên tránh xa các hoạt động chính trị, nên tôn trọng truyền thống đạo lý của giáo hội Công Giáo. Nhưng đó là những chuyện sau này, chúng ta hãy trở lại vào thời điểm sau năm 1773).

[Trang này để trống]

SỰ THAI NGHÉN BAN ĐẦU CỦA CÁI QUÁI THAI CỘNG SẢN

oOo

Ngày 1/5/1776: Một tu sĩ cũ của Dòng Tên, nguyên giáo sư dạy môn Giáo Luật (Canon Law) tại trường đại học Ingolstadt University ở tỉnh Bavaria thuộc đế quốc Phổ, ông Adam Weishaupt (7/2/1748 - 18/11/1830) đã thành lập một hội kín có tên Sáng Tuệ (Illuminati, chữ này đồng nghĩa với chữ Alumbrados mà người sáng lập Dòng Tên là ông Inigo. L. O. Loyola trước kia đã dùng để lập một hội kín bên trong dòng tu đó). Hội kín Sáng Tuệ còn được biết dưới một tên khác là Toàn Bích (Perfectibilist, tuyệt hảo hoàn toàn, không tì vết, không khuyết điểm). Khi lập Hội Sáng Tuệ, ông này đã mang trong lòng một mối hận thù sâu thẳm đối với giáo hội Công Giáo nói chung, đối với những người chủ chăn của tòa thánh Vatican nói riêng, vì ông ta không thể tha thứ chuyện Giáo Hoàng Clement XIV ra lệnh giải tán Dòng Tên vào năm 1773. Hơn thế nữa, ông ta còn thề không đội trời chung với tất cả các triều đại vương quyền lúc đó, bởi đã dám coi các tu sĩ Dòng Tên như những kẻ thù. Để nói rõ lòng mình, ông Adam Weishaupt lấy bí danh Spartacus (? - 71 BC), là tên một người nô lệ làm nghề giác đấu (gladiator) từng bỏ trốn rồi mộ quân đánh với đế quốc La Mã gần 3 năm (từ 73 tới 71 trước lịch Tây). Hội Sáng Tuệ có một bản cương lĩnh hoạt động rất mới lạ, phải nói là rất hấp dẫn nếu so với hàng trăm hội kín khác đang hoạt động tại Âu Châu vào lúc ấy. Vì vậy hội của ông đã mau chóng thu hút nhiều người. Hội viên (bí mật) tăng lên ào ào, nhiều nhất là giới quý tộc hết thời, tu sĩ bị đuổi khỏi nhà thờ, giáo sư, triết gia, khoa học gia, chủ nhà băng, kỹ nghệ gia v.v. và kể cả bọn du thủ du thực, đâm thuê chém mướn, bọn cơ hội, bọn sẵn sàng đi ám sát, khủng bố nếu được trả tiền.

Cương lĩnh chính yếu của Hội Sáng Tuệ có 6 điểm quan trọng như sau:

- (1): *Lật đổ hết tất cả các triều đại quân chủ trên toàn cầu. Trấn áp hết các hình thức chính phủ nào khác nếu có trong tương lai (Vô chính phủ).*
- (2): *Tước bỏ quyền làm chủ đất đai và những gì có trên mặt đất của người dân (Vô tài sản, chống tư hữu).*
- (3): *Bỏ luôn quyền thừa kế gia tài (Vô đạo đức).*
- (4): *Cấm tiệt lòng yêu thương quê hương đất nước của riêng mình, xóa bỏ những khái niệm về quốc gia, dân tộc (Vô tổ quốc).*
- (5): *Thiết lập một nền giáo dục chung cho trẻ em (tuyên truyền. Vô văn hóa), dẹp luôn sự tôn kính trong gia đình, cấm hẳn vấn đề lễ lạc, cưới hỏi (Vô gia đình).*

(6): Xóa bỏ hết tất cả các thứ tín ngưỡng, tôn giáo đang có trên thế giới (Vô tôn giáo).

Biểu tượng của hội kín Sáng Tuệ là hình tam giác không có đỉnh nhọn, thay vào điểm đỉnh đó là con mắt tỏa sáng, nghĩa như trên cao thấy hết, biết hết tất cả.

Tháp có 13 tầng (xin bạn đọc lưu ý đến con số 13, cũng như con số 9) đếm từ dưới lên, chi tiết này cho biết rằng đó là 13 đẳng cấp trong nội bộ của hội kín Sáng Tuệ.



Chú ý nơi cái tháp đá, hội kín Sáng Tuệ đã vẽ ra biểu tượng này, về sau hội kín ở Mỹ đã công khai lấy đưa vào tờ giấy bạc

Nếu đếm số đá trong tháp thì tổng số là 72 viên (kết số của 9). Đáy tháp rộng, càng lên cao càng nhỏ dần có nghĩa hội viên cấp thấp càng đông thì nền tảng của tổ chức càng vững chắc và không thể thấy hoặc biết những gì ở cấp cao hơn bên trên, và hội viên ở cấp cao hơn tuy ít nhưng là đầu não, nhìn xuống thấy hết tất cả mọi sự.

Ngay phía trên tháp là hình một con mắt mở lớn nằm trong một hình tam giác đang tỏa sáng, có nghĩa lãnh đạo tối cao thông suốt hết mọi sự nhưng công việc vẫn chưa hoàn tất. Hàng đá dưới cùng của tháp khắc 9 chữ số La Mã gồm: MDCCLXXVI (là con số 1776, năm lập hội kín Sáng Tuệ, cũng là năm chúng lập

ra nước Mỹ với 13 tiểu bang, sẽ nói kỹ hơn ở trang kế tiếp). Phía trên tháp là hai hàng chữ la tinh có tổng số 13 chữ cái: ANNUIT COEPTIS, có nhiều nghĩa như: người khởi đầu mọi sự, sự tuyên bố, sự ra đời, sự kết tụ dững cảm (của phe nhóm, bè đảng v.v)... nhưng cách hiểu đúng nhất là “Tuyên Bố Sự Ra Đời”. Vòng quanh dưới tháp có hàng chữ la tinh: NOVUS ORDO SECLORUM, Trật Tự Mới Của Thời Đại (dịch qua tiếng Anh thì có đúng 13 chữ cái là: New World Order, Trật Tự Mới Của Thế Giới). Bây giờ lại gom hết hai câu trên - dưới quanh cái tháp rồi dịch sang tiếng Anh sẽ có đúng 36 (9) chữ cái của câu: ANNOUNCING THE BIRTH OF THE NEW WORLD ORDER, Tuyên Bố Sự Ra Đời Của Trật Tự Mới Thế Giới. Dễ sợ chưa! “Qua Mỹ - Quý Ma”... nó đã sắp đặt trước hết cả rồi! Nhưng chưa hết đâu. Vẫn còn dài dài các mật mã trên hai mặt của tờ giấy bạc... nghĩa bạc bạc... tình đó (Xin tiết lộ thêm cho hai giới “Công-Nông” ở mấy nước “xã hội chủ nghĩa” biết thêm chuyện này: Các đảng cộng sản thường to mồm nói họ ăn mừng ngày lễ “Quốc Tế Lao Động” vào ngày 1 tháng 5. Thật ra chúng nó ăn mừng ngày sinh nhật “môn phái” chúng nó ra đời là hội kín Sáng Tuệ, ngày 1/5/1776 đó bà con a!).

Trong năm 1777: Ông Adam Weishaupt được Tổng Bộ hội kín Thợ Đá Tự Do (the Free Mason) ở thành phố Munich thuộc Phổ chính thức mời gia nhập, ông này được ưu ái trao ngay một vị trí rất cao trong hội kín này (chữ Free Mason còn được hiểu là Thợ Xây, Thợ Hồ Tự Do, nguồn gốc của hội xuất phát từ Ai Cập cách nay hơn 4,000 năm. Gần 2,000 năm sau đó, đế quốc Hy Lạp xâm chiếm Ai Cập rồi thừa hưởng trọn vẹn các bí mật của hội này. Sau cùng, đế quốc La Mã chiếm gọn hết và vẫn duy trì sự hoạt động bí mật của hội kín này cho tới hôm nay. Bởi vậy xin bạn đọc khắp năm châu đừng ngạc nhiên khi thấy các công thự của “chủ phỉnh”... à quên... “chính phủ” Mỹ xây ở thủ đô họ đều giống y chang các kiến trúc cổ của đế quốc La Mã. Riêng hai chữ “tổng bộ” và “chi bộ”, chúng tôi dịch từ chữ “grand lodge” và “lodge”).

Kính thưa bạn đọc,

Để giúp cho quý vị mau chóng hiểu rõ hơn mục đích của bài biên khảo này. Chúng tôi tạm cắt ngang sự hoạt động tiếp ở các năm sau đó của hội kín Sáng Tuệ, tạm thời đưa bạn đọc vô ngay phần nói thêm các bí ẩn mà hội kín giấu trên tờ 1 đô la Mỹ. Qua phần này, các bạn sẽ thấy rõ hơn về chân tướng thật sự của “chính phủ” Mỹ, sẽ hiểu thấu đáo hơn về sự “khác nhau nhưng giống nhau” giữa quốc tế cộng sản (trước kia) và cộng sản quốc tế (hiện nay). Bên cạnh đó, người đọc cũng sẽ biết thêm phần nào “ai” mới là kẻ thực sự điều khiển chính trường quốc gia này. Thế sự đảo điên điên đảo, thấy vậy mà không phải vậy. Chúng tôi chỉ hy vọng vào sự nhận thức từ trái tim và khối óc của các bạn mà thôi.

Ngày 10/6/1782, Liên Bang Mỹ: Quốc hội nước này nhóm họp để chọn lựa và thông qua quyết định chọn quốc huy chính thức cho liên bang. Lợi dụng thời điểm này, có bốn người đề nghị nên chọn cái tháp và con mắt (của hội kín Sáng Tuệ) làm quốc huy phụ thứ hai. Bốn vị đó là các ông: John Adam (30/10/1735 - 4/7/1862), Đại Diện Ngoại Giao Liên Bang Mỹ tại Âu Châu (1778-1788, ông này trong bí mật là hội viên cao cấp của hội kín Thợ Đá Tự Do); Thomas Jefferson (13/4/1743 - 4/7/1826), cựu Thống Đốc tiểu bang Virginia (1779-1781, cũng thuộc hội Thợ Đá Tự Do); Benjamin Franklin (17/1/1706 - 17/4/1790), cựu Phó Tổng Quản Đốc Bru Cục Thuộc Địa (thời còn Anh), Đại Diện Ngoại Giao Liên Bang Mỹ ở Âu Châu (1778-1780, hội Thợ Đá Tự Do); Alexander Hamilton (11/1/1757 - 12/7/1804), Đại Tá, Phụ Tá Tham Mưu cho Tổng Tư Lệnh Quân Đội Đại Lục (the Continental Army), hội Thợ Đá Tự Do (Tổng Tư Lệnh Quân Đội Đại Lục là ông George Washington (22/2/1732 - 14/12/1799), là một hội viên cao cấp của hội kín Thợ Đá Tự Do, sau thành tổng thống thứ nhất (1789 - 1797) của Liên Bang Mỹ).

Đại Quốc Huy Liên Bang Mỹ (the Great Seal of the United States of America) được “họa” ra bởi hai hội viên cao cấp của hội kín Thợ Đá Tự Do là ông Charles Thomson (29/11/1792 - 16/8/1824) và ông William Barton (11/4/1754 - 21/10/1817). Ban đầu, quốc huy Mỹ là hình một chim Phượng Hoàng ngồi trên một cái tổ rục rữa. Ở phía trên

đầu chim có 13 ngôi sao (đùng tưởng bở như họ nói là biểu tượng của 13 tiểu bang buổi đầu, lúc đó họ có thể chia đất lập ra 12, 14, hoặc 15 tiểu bang cũng được. Hà có chi lại cứ phải là 13? Thật ra con số 13 là con số “thiên liêng” nhất của hai hội kín Sáng Tuệ và Thợ Đá Tự Do. Ở đâu có hai hội này hoạt động thì nơi đó sẽ có con số 13 xuất hiện, chúng tôi sẽ nói rõ thêm về con số này ở phần khác). Cái mỏ của chim Phượng Hoàng nêu trên ngậm một tua vải xòe ra hai bên, trên vải có hàng chữ la tinh gồm 13 chữ cái ghi câu: E PLURIBUS UNUM (Một Trong Sự Nhiều hoặc Nhiều Trong Sự Một, nghĩa của nó là “dù trên thế giới có nhiều quốc gia, nhưng rồi tất cả sẽ quy tụ thành một quốc gia duy nhất trên thế giới, hay dù là một quốc gia duy nhất trên toàn cầu thì bên trong của nó vẫn có những quốc gia khác”. Tức là quyền lực tuyệt đối sẽ được gom về một mối, về tay siêu hội kín, siêu quyền lực đó mà! Đó là ước mơ mà đế quốc La Mã ngày xưa chưa làm được). Phía trước ngực của chim là một tấm khiên bằng sắt, nghĩa là sự che chắn, che đậy sự bí mật ở phía sau và bên trong (nội bộ), tấm khiên đó có 13 vạch nằm ngang nếu đếm luôn vạch bì (xem hình chim trên tờ 1 đô la), phía dưới có 7 vạch thẳng đứng màu trắng và 6 vạch có sọc nhỏ bên trong ($6 + 7 = 13$), và nếu đếm hết 3 vạch nhỏ hơn nằm trong 6 vạch thẳng đó thì sẽ có con số chung là $3 \times 6 = 18$ (9).

Hai chân chim, một bên nắm 13 mũi tên, một bên nắm nhánh mọng (berry) có đúng 13 chiếc lá và 13 quả mọng nằm xen kẽ với nhau (tiếng lóng của dân Mỹ gọi tiền đô là “berry”), phần dưới của chim có 9 cái lông đuôi.

Ngày 15/9/1789: Quốc hội Mỹ thuận thông qua bản “hiến pháp”. Trong dịp này họ cũng chấp nhận lấy luôn cái tháp với con mắt (của hội kín Sáng Tuệ) làm quốc huy phụ thứ hai. Tới năm 1841, họ vịn cứ rằng dân Mỹ cứ nhạo báng cái quốc huy của Mỹ nhìn giống con gà tây (turkey) đang bị nướng hơn là chim Phượng Hoàng, quốc hội lại họp rồi quyết định cho họa sĩ vẽ con chim ó thể hình con “gà tây” đó (thực ra chim ó, hay đại bàng chính là biểu tượng của đế quốc La Mã). Sau rốt, hình con chim ó được “họa” xong, đầu nó chỉ có một mắt và nhìn về phía không có trái tim (vô tâm, bất nhân, bất nghĩa và bội phản).

Năm 1934: Ông Henry Agard Wallace (7/10/1888 - 18/11/1965), nguyên hội viên cao cấp của hội kín Thợ Đá Tự Do kiêm... Bộ Trưởng Nông Nghiệp, “yêu cầu” Tổng Thống Franklin Delano Roosevelt (30/1/1882 - 12/4/1945, hội viên cao cấp Thợ Đá Tự Do) cho phép Bộ Trưởng Ngân Khố, ông Henry Morgenthau, Jr (11/5/1891 - 6/2/1967) được in cả hai cái quốc huy đó (của hội kín) vào tờ giấy 1 đô la! Sau khi được tổng thống cho phép, ông bộ trưởng H. Morgenthau (cũng thuộc hội kín nốt) cho làm ngay... và dĩ nhiên cũng không quên đưa thêm “mật hiệu” của hội kín vào tờ giấy 1 đô như: Hai vòng tròn lớn của hai quốc huy, ở giữa ngoài rìa của hai cái có hai chuỗi hạt, mỗi cái có đúng 13 hạt nằm ngang. Ở trên chính giữa tờ giấy có 12 chữ cái: IN GOD WE TRUST, Chúng Ta Tin Nơi Thượng Đế, nhưng ngay dưới hàng chữ đó lại có chữ ONE (1) thật lớn, nghĩa rằng $12 + 1 = 13$ đó bà con ạ (quả là buôn bán trời... có văn tự đàng hoàng)! Ở phía dưới lại có 9

chữ cái khá lớn: ONE DOLLAR. Còn gì nữa? Vẫn còn nhiều lắm! Nếu ai chịu khó đếm hết tất cả những mẫu tự nằm trong hai quốc huy đó, sẽ đếm được 72 chữ, cũng là 9... nút (ANNUITCOEPTISNOVUSORDOSECLORUMTHEGREATSEAL (hình cái tháp) EPLURIBUSUNUMOF THEUNITEDSTATES (bên hình chim)... và nếu cố gắng tính luôn hàng chữ số La Mã dưới chân tháp, sẽ có tổng số mẫu tự là... 81 chữ (9). Lật qua phía bên kia tờ 1 đô, nếu bỏ công đếm hết số lá và quả mọng nơi hai bìa và hai góc dưới hình ông George W, sẽ có được con số 54 (9).

Ngay ở trên cùng, có hàng chữ thập thò... lấp ló với 18 (9) chữ cái là: FEDERAL RESERVE NOTE, Biên Nhận Lưu Dụng Liên Bang, xin lập lại lần nữa: “Biên Nhận Lưu Dụng Liên Bang” (cũng có thể gọi là “Phiếu Tư Dụng Liên Bang”). Còn cái gọi là Federal Reserve mà có ai đó dịch rằng: “Quỹ Dự Trữ Liên Bang” thì người đó học quá thuộc bài qua lối chơi chữ của... hội kín rồi đó! Vì lẽ Liên Bang Mỹ chẳng có cái quỹ nào dự trữ tiền cả bởi hiến pháp nước Mỹ cấm chính phủ lập ngân hàng và làm chủ tiền bạc. Nếu có, tại sao chính quyền Mỹ không in luôn mấy chữ “money” hoặc “currency” lên tờ giấy bạc của họ mà lại ghi là “note”? Thật ra, trong lịch sử nước Mỹ đã có người muốn chính phủ có tiền riêng để điều ốn kinh tế quốc gia. Nhưng người đó đã bị “siêu quyền lực” qua tay hội kín bắn chết ngay, đó là vị tổng thống thứ 16 của Liên Bang Mỹ là ông Abraham Lincoln (12/2/1809 - 15/4/1865). Những tờ giấy màu xanh mà ai cũng tưởng là tiền “tệ” (hại) của Mỹ thật ra nó có mặt “bất hợp pháp” vì vi hiến. Ngày 23/12/1913, giới chủ ngân hàng (tức siêu tài phiệt, hội kín) sau nhiều cuộc họp bí mật, kể cả họp ngoài đảo, đã lợi dụng lúc hơn một nửa nghị sĩ, dân biểu đang nghỉ lễ cuối năm (giáng sinh), họ đã vận động phần còn lại của quốc hội (mà hầu hết là phe của họ) tổ chức hội họp và gấp rút ký thông qua Đạo Luật Lưu Dụng Liên Bang (Federal Reserve Act) vào ngày tháng nêu trên. Đạo luật ký kiểu “chạy tang” đó cho phép chính phủ được quyền nắm giữ của ngân hàng tư nhân một số VÀNG thế chân, và chấp thuận cho họ được quyền lập ra một hệ thống điều hành, kiểm soát vấn đề tài chánh quốc gia, hệ thống đó gồm toàn các “ngân hàng hội viên” (member banks) với nhau và chính phủ chớ dự vào. Nói trắng ra, vì có giữ vàng thế chân (do cái luật vi hiến nêu trên) của tư nhân, nên chính phủ mới cho in cái “giấy biên nhận” là có giữ vàng của họ nhưng không dám nói toạc ra vì vi hiến. Còn cái tờ giấy gọi là “note” đó, nó có giá trị lưu hành dưới sự bảo đảm của chính phủ. Ai có bao nhiêu cũng được, giữ bao lâu cũng được, muốn trao đổi (mua-bán) bất cứ cái gì cũng được nên mới gọi là “lưu dụng” hoặc “tư dụng” (reserve). Còn cái chữ “Federal” ăn có được in trên cái “biên lai giữ vàng” đó là do tài phiệt lấu cá in vô nhằm mập mờ đánh lận con đen và nó chẳng có dính dáng chi tới Liên Bang Mỹ cả! Xứ “tự do” phát biểu mà! Ví dụ như ai đó có cái “mặt nạ”, họ có quyền gọi đó là “Federal Mask” cũng không sao! Bởi thế nên mới có chuyện ngược đời: Chính phủ của một nước “hùng cường” như Mỹ mà “nợ như chúa Chôm” với các ngân hàng tư).

Trở lại với hai đại quốc huy của Mỹ. Chúng tôi xin được nói rõ hơn về vấn đề này vì ngay từ đầu, những người thiết kế nên cấu trúc của chính phủ Mỹ đã cố tình nhấn gởi đến

công chúng những thông điệp quan trọng, được sắp đặt có chủ đích trong hai quốc huy đó. Ngay trong ngày bản “Tuyên Ngôn Độc Lập” được công bố, 4/7/1776, Quốc Hội Đại Lục (Continental Congress) đã chỉ định một ủy ban gồm ba người chịu trách nhiệm việc chọn đại quốc huy của Mỹ, đó là các ông John Adams; Thomas Jefferson và Benjamin Franklin. Cả ba vị này đều là hội viên của hội kín Free Mason, đại quốc huy thứ nhất được họ đưa ra có khắc cảnh ông Moses dắt dân Do Thái vượt qua Biển Hồng (Hồng Hải) và đoàn quân Ai Cập đang chống chọi trước sóng nước dâng cao. Vòng quanh quốc huy này có hàng chữ: “REBELLION TO TYRANTS IS OBEDIENCE TO GOD” (Chống Lại Bạo Chúa Là Làm Theo Lời Thượng Đế). Nhưng chỉ sáu năm sau, có lẽ thấy được sự lộ liễu quá đáng vì hình ảnh Do Thái nằm ngay trên quốc huy, quốc hội lại nhóm họp vào ngày 10/6/1782 để chọn mẫu quốc huy mới, tới ngày 20/6/1782 thì mới có quyết định cuối cùng như đã kể ở trên (cùng với sự chấp thuận quốc huy phụ thứ hai là hình tháp và con mắt của hội kín Sáng Tuệ). Tuy nhiên, những người đưa ra mẫu mới vẫn cố tình sắp đặt 13 ngôi sao trên đầu chim là hai hình tam giác đối nghịch. Nếu vạch những đường thẳng thì sẽ thấy hình một ngôi sao có sáu góc (ngôi sao David, trên cờ Do Thái ngày nay). Ngôi sao này còn được biết là dấu hiệu của một hội kín thờ Satan tức hội Sáng Tuệ. Sáu cạnh, sáu mặt phẳng, sáu chi tiết chính trong đại quốc huy (chim, bó tên, nhánh lá, tấm khiên, tua vải, hình tròn trên đầu chim) là sự nhân mạnh đến ba con số 666, một con số mà các nhà tiên tri cho rằng thuộc về kẻ chống lại thượng đế trong cuộc chiến sắp đến giữa “thiện, ác và ngày tận thế”. Đọc tới đây có thể bạn đọc đã thấy rõ ai mới là người làm chủ nước Mỹ từ những ngày đầu lập quốc. Và qua đó cũng thấy được “bạo chúa” mà họ chống lại không phải là đế quốc Anh, mà Vatican mới là thế lực mà họ tuyên chiến. Thực tế cho thấy suốt chiều dài lịch sử của Liên Bang Mỹ, hầu hết các tổng thống đều theo giáo phái Cải Cách (tức đạo Tin Lành), duy nhất chỉ có một người theo đạo Thiên Chúa Giáo là Tổng Thống John F. Kennedy (29/5/1917 - 22/11/1963), và cuộc đời vị tổng thống này kết thúc ra sao bạn đọc cũng đã tỏ tường.

Nổi bật hơn hết trong số tổng thống Mỹ có liên đới đến nhiều hội kín nhất chính là vị tổng thống thứ 42, William Jefferson “Bill” Clinton (tên cúng cơm William Jefferson Blythe III, 19/8/1946). Ông này tham gia Ủy Hội Tam Điểm (the Trilateral Commission); Hội Đồng Về Các Quan Hệ Đối Ngoại (the Council on Foreign Relations, CFR) và hội kín Bilderbergers (hội này chưa ai biết được tên thật là gì, những người nghiên cứu tạm gọi Bilderbergers vì đó là tên một khách sạn ở Oosterbeek, Hòa Lan, nơi công chúng khám phá ra một cuộc họp bí mật của hội vào năm 1954. Vợ của “Bill” Clinton cũng là hội viên CFR và Bilderbergers). Ngoài ra bố con cựu tổng thống George H. W. Bush cũng thuộc các hội Tam Điểm và CFR, riêng ông con còn là là hội viên Dòng Hội Xương và Sọ (the Order of Skull and Bones). Riêng ở cấp bộ trưởng, đại sứ, giám đốc v.v. thì từ các ông như Henry Cabot Lodge, Jr (5/7/1902 - 27/2/1985); Henry Alfred Kissinger; Robert Strange McNamara (9/6/1916 - 6/7/2009) cho tới anh em nhà John Foster Dulles (25/2/1888 - 25/5/1959); Allen Dulles (7/4/1893 - 29/1/1969); Dean David Rusk (9/2/1909 - 20/12/1994); Conein E. Lucien (29/11/1919 - 3/6/1998), anh em nhà

Edward Rolan Noel Harriman (24/12/1895 - 16/2/1978); William Averell Harriman (15/11/1891 - 26/7/1986) v.v. tất cả đều là hội viên của hội kín. Có tới 95% trong tổng số tổng thống Mỹ, 99.9% các bộ trưởng ngoại giao, quốc phòng, giám đốc CIA; FBI đều nằm trong hội kín. Trong tổng số 56 người ký vào bản Tuyên Ngôn Độc Lập (ngày 7/6/1776) thì 53 người là hội viên hội kín (một tài liệu khác cho biết chỉ có một người). Riêng về Vương Quốc Anh thì 100% những thủ tướng đều thuộc hội kín (Anh cũng là nơi đặt “tổng hành dinh” của hội kín toàn cầu). Ông Winston Leonard Spencer Churchill (30/11/1847 - 24/1/1965) là một hội viên hội kín thuộc hạng “gộc”, là một trong vài người hiếm hoi được hội kín thời hiện đại tôn vinh nhiều nhất vì có công trong việc dàn dựng nên Đệ Nhất Thế Chiến (1914-1918); Đệ Nhị Thế Chiến (1939-1945); cuộc “cách mạng vô sản” ở Nga (1917); Chiến Tranh Đại Hàn (1950-1953) và Chiến Tranh Việt Nam (gồm hai giai đoạn, từ 1945 đến 1975). Vào ngày 8/2/1920, tờ báo Illustrated Sunday Herald (ở Anh) cho đăng một bài viết của ông ta, trong đó có những lời lẽ như sau: ... “From the days of Spartacus - (Adam) Weishaupt to those of Karl Marx; Trotsky... this... world - wide conspiracy for the overthrow of civilization... has been steadily growing”... (tạm dịch: “Từ những ngày của Spartacus - (Adam) Weihaupt cho tới Karl Marx; Trotsky... âm mưu... toàn cầu nhằm lật đổ (các nền) văn minh (nhân loại)... đang lớn mạnh một cách vững vàng”...). Quả là có “nằm trong chăn mới biết chăn có rận”, âm mưu này đã có và được sắp đặt từ thời đế quốc La Mã, mộng làm bá chủ toàn cầu của phương Tây. Vào ngày 23/9/1950, một nghị sĩ Mỹ là ông Joseph Raymond McCarthy (14/11/1908 - 2/5/1957) đã tố cáo trước quốc hội về âm mưu của ba “lãnh tụ” Nga; Anh; Mỹ tại Hội Nghị Yalta (từ 4/2 tới 11/2/1945, ở bán đảo Crimea của Ukraine). Trong hội nghị này, ba ông “Churchill; Stalin; Roosevelt” đã bí mật chia trước đất đai thế giới sau khi chiến tranh kết thúc: phần Đông-Âu Châu sẽ thuộc cộng sản Nga, phần Trung-Đông-Á Châu và Ấn Độ Dương giao cho Anh, toàn vùng Thái Bình Dương và Đông-Nam-Á Châu sẽ thuộc về Mỹ. Ông nghị sĩ này còn kết án họ đã bí mật bàn thảo trước cho các cuộc chiến tranh sắp tới, nguyên văn: ... “Here (Yalta) was signed the death warrant of the young men who are dying today in the hills and valleys of Korea.... Here was signed the death warrant of the young men who will die tomorrow in the jungles of Indochina”... (... “Nơi đây (Yalta) đã ký giấy báo tử cho những người trai trẻ hôm nay đang gục ngã tại các ngọn đồi và thung lũng của Đại Hàn.... Nơi đây đã ký giấy báo tử cho những người trẻ khác mà ngày mai sẽ chết trong rừng sâu của vùng Đông Pháp”...). Một nhân vật khác cũng được hội kín tôn vinh hết mực là vị tổng thống thứ 32 của Mỹ, ông Franklin Delano Roosevelt (30/1/1882 - 12/4/1945). Vào ngày 23/11/1933, ngay sau khi biết tin mình “được bầu” làm tổng thống, ông ta viết thư cho một ông trùm hội kín từng làm đại tá, kiêm “cố vấn” cho ba đời tổng thống là ông Edward Mandell House (26/7/1858 - 28/3/1938, từng làm “cố vấn” cho tổng thống thứ 28 Woodrow Wilson (29/12/1856 - 3/2/1924), là người đã âm mưu với W. Churchill dàn dựng nên Thế Chiến 1 và “cách mạng vô sản” ở Nga). Tổng thống F. D. Roosevelt viết thư thế này: ... “*The real truth of the matter is: as you and I know, that a financial element in the large centers has owned the government ever since the days of Andrew Jackson*”... (“*Sự thật rõ ràng*

của tình thế là, ông cũng biết như tôi, một cơ cấu tài chính ở một trung tâm bao quát đã làm chủ chính phủ này kể từ thời Andrew Jackson” (15/3/1767 - 8/6/1845, vị tổng thống thứ 7). Khi Thế Chiến Thứ 2 vừa xảy ra, ông F. D. Roosevelt đã “phán” một câu làm dân Mỹ nổi da gà: ... “In politics, nothing happens by accident. If it happens, you can bet it was planned that way” ... (Trong chính trị, chẳng có gì xảy ra ngẫu nhiên. Nếu nó xảy ra, bạn cứ tin chắc nó được sắp đặt như thế). Chưa hết, trong một lần khác ông ta “tuyên bố” một câu cũng làm dân Mỹ dựng tóc gáy: ... “I do not believe in communism any more than you do but there is nothing wrong with the communist in this country, several of the best friend I have got are communists” (“Tôi chẳng còn tin chủ nghĩa cộng sản cũng như bạn nhưng thấy không có gì sai với người cộng sản trên đất nước này (Mỹ), vài người bạn thân nhất mà tôi quen đều là những người cộng sản” (Hồ Sơ Lưu Quốc Hội ngày 22/9/1950, trang A 6832).

Kính thưa bạn đọc,

Nói tóm lại, tất cả những nhân vật (Âu và Mỹ) mà lâu nay dư luận cho là “xuất chúng”, là “lỗi lạc”, là “có công lớn đối với nhân loại” trong các lĩnh vực, chính trị, quân sự, ngoại giao, tài chính v.v. thật ra họ chẳng có gì gọi là tài giỏi, là anh hùng chi cả. Họ cũng chỉ là những người bình thường. Nếu có khác thì họ là những kẻ lọt vô các hội kín, được tổ chức đó đưa vào nắm giữ những chức vụ then chốt trong các chính phủ. Nhờ có chân trong, chân ngoài nên họ biết trước các kế hoạch mà hội kín (siêu quyền lực, nói chung) đã thiết kế và sẽ có những dự định như thế nào. Họ chỉ là người thừa hành, có quyết định hoặc tuyên bố này nọ nhờ đã biết trước và nhận chỉ thị phải nói, phải làm như kế hoạch mà hội kín đã hoạch định mà thôi (anh hùng tận là như vậy). Trong bóng tối họ dàn dựng nên các xáo trộn khắp năm châu, ngoài ánh sáng họ cử người của họ (khoác áo chính khách) đi dàn xếp “hòa bình” với mục đích có lợi nhất cho thế lực trong bóng tối. Tiếc thay, thủ đoạn này của hội kín quá cao siêu nên nhân loại từ người nghèo khổ, thiếu học cho đến tầng lớp trí thức, khoa bảng, lãnh đạo tôn giáo v.v. đều bị làm dài dài nên xã hội cứ triền miên trong khổ loạn. Cho dù có người biết được sự thật, nếu nói ra thì sẽ gặp những cái chết bí ẩn, may mắn còn sống thì cuộc đời họ sẽ rất khốn đốn trong công ăn việc làm. Nhưng phần lớn trí thức, khoa bảng, học giả v.v. lại không can đảm nói ra dù đã biết phần nào sự thật. Họ vì tiếc nuôi công lao ăn học, vì danh vọng mời chào, vì quyền lợi vật chất cám dỗ, vì sợ chết hoặc phải sống trong lo âu nên họ đành chấp nhận tiếp tay với sự dữ, kéo dài sự sống no đủ của bản thân trên nỗi khổ đau chung của nhân loại. Trường hợp của hai nhân vật W. Churchill và F. Roosevelt cũng thế mà thôi, chẳng là “anh hùng, xuất chúng” gì hết! Ông W. Churchill được hội kín đưa vào ghế thủ tướng nước Anh hai lần (1940 - 1945 và 1951 - 1955) cũng do kế hoạch “phát động chiến tranh và tái thiết sau chiến tranh” của hội kín. Ông F. Roosevelt cũng được họ sử dụng như vậy, được hội kín giữ yên trên ghế tổng thống hơn ba nhiệm kỳ (1933-1945), lâu như vậy vì họ không muốn âm mưu của họ bị trắc trở.

Kế hoạch đó là gì?

- (1) Là tàn phá tối đa Âu Châu và Á Châu già nua bằng bom đạn, sau này họ sẽ bỏ tiền ra xây dựng lại qua hình thức viện trợ, vay mượn v.v. để buộc các quốc gia khốn khổ đó phải đi vào vòng ảnh hưởng của họ.
- (2) Làm kiệt quệ ý chí quật cường của người dân thuộc các chế độ cộng sản sau này.
- (3) Làm trì trệ, chậm lại tốc độ phản công của “đồng minh” để chờ cộng sản Nga chiếm đủ số đất đã phân chia, đồng thời gia tăng mức độ viện trợ kỹ thuật quân sự, khoa học cho Nga nhằm giúp nước cộng sản này có đủ điều kiện trở thành một cường quốc quân sự, biến thành một đối cực với Âu Mỹ, hội kín ở giữa sẽ thủ đắc tất cả vì các nước nhỏ sẽ cần sự “bảo vệ” của họ, nghĩa là chịu mua vũ khí và chấp nhận viện trợ có ràng buộc của họ.

Ngày 25/6/1942, hai “vĩ nhân” nói trên đã âm mưu với nhau khi hoãn lại kế hoạch đổ quân lên lục địa Âu Châu trong năm 1943 qua năm 1944, mục đích là chờ cộng sản Nga soạn xong bản kế hoạch về lâu dài sẽ cai trị vùng Đông-Âu Châu như thế nào. Sau ngày ông Charles Andre Joseph Marie de Gaulle (23/11/1890 - 9/11/1970) theo chân “đồng minh” tiến vào thủ đô Ba Lê ngày 26/8/1944, lực lượng quân sự thuộc Quân Đoàn 7 của Mỹ được lệnh phải “thong thả” tiến quân vào lãnh thổ Đức cũng như thủ đô Bá Linh, họ phải chờ để Hồng Quân Nga tiến vô trước cho đúng với kế hoạch mà hội kín đã vạch ra. Ở phía Nam, Tư Lệnh Quân Đoàn 3 của Mỹ (thiết giáp là chính), Trung Tướng George Smith Patton, Jr (11/11/1885 - 21/12/1945) cũng nhận được lệnh quái gở đó, nhưng ông vẫn phớt lờ và tung ra nhiều cánh quân thiết giáp tiến ào ạt với ý định chiếm toàn vùng Tiệp Khắc. Tuy nhiên lệnh từ cấp cao hơn buộc ông phải ngưng lại, nhường vùng đất đó cho quân Nga đến chiếm đóng! Lệnh ấy được đưa xuống bởi hai hội viên cao cấp của hội kín,... kiêm... Thống Tướng Tổng Tư Lệnh Quân Đội Đông Minh là ông Dwight David Eisenhower (14/10/1890 - 28/3/1969) và ông George Catlett Marshall (31/12/1880 - 16/10/1959), Đại Tướng Tư Lệnh Quân Đội Mỹ ở Âu Châu (người sau đó là Bộ Trưởng Ngoại Giao của Mỹ (1947-1949) rồi nắm toàn quyền kế hoạch tái thiết Âu Châu của hội kín. Chưa hết, để chắc ăn và kiếm lời nhiều hơn, hội kín đã trao ông ta chức Bộ Trưởng Quốc Phòng (1950-1951), tới năm 1953, tổ chức “ngụy văn hóa” của hội kín ở Thụy Điển còn trân trọng tặng ông ta giải “Nobel hòa bình” (hệt như Henry A. Kissinger sau này).

Tin tức về lệnh nhường đất cho “đồng minh” Nga Sô đã gây một cú sốc và lăm bặt binh cho quân đội Mỹ vào lúc đó. Hơn nữa, sự kiện này còn làm chấn động cả chính trường nước Mỹ nên sự vụ bị đem ra điều tra trước quốc hội. Trong tháng 7/1948, sau khi kết tội giới tướng lãnh cao cấp đã âm mưu tiếp tay với cộng sản trên chiến trường Âu Châu, nghị sĩ Joseph Raymond McCarthy đã nói một câu ngắn sau đây mà chúng tôi xin ghi lại

nguyên văn để bạn đọc nhìn rõ hơn bộ mặt thật của hai nước Anh và Mỹ: ... “*We now come to what was without question the most significant decision of the war in Europe: The decision by Marshall to concentrate on France and leave the whole of Eastern Europe to the Red Armies*”... (Chúng ta bây giờ đã tới chỗ chẳng cần đặt câu hỏi về quyết định trọng đại nhất của cuộc chiến tại Âu Châu: Quyết định của (tướng) Marshall là nhằm cô lập nước Pháp và dành toàn vùng Đông Âu cho Đoàn Quân Đỏ”). Cả hai “vĩ nhân” tiêu biểu nêu trên cũng như những “tai to mặt lớn” khác của chính trường Âu-Mỹ, phần đông là hội viên của các hội kín như Sáng Tuệ; Tam Điểm; Thọ Đá Tự Do; Xương và Sọ; Hội Đồng Về Các Quan Hệ Đối Ngoại - CFR v.v. và v.v. **Và cũng chính họ, trước khi Thế Chiến 2 chấm dứt, đã dàn dựng nên hai cuộc chiến thảm khốc trên quê hương Việt Nam chúng ta với sự thông đồng tiếp tay của Nguyễn Sinh Cung (198? - 2/9/1969, tức Nguyễn Tất Thành; Hồ Chí Minh sau này), kéo dài từ 1945 đến 1975 và tới nay 2012 vẫn chưa thực sự kết thúc (ông HCM cũng là hội viên Tam Điểm, chúng tôi sẽ nói thêm ở một trang khác).**

Ngày 13/9/1945: Quân đội Anh đưa quân đến Sài Gòn để giải giới quân đội Nhật Bản (đã đầu hàng từ ngày 14/8/1945) theo quyết định của “Hội Nghị” Potsdam, tổ chức gần Bá Linh, Đức từ ngày 16/7 tới 2/8/1945, riêng miền Bắc thì trách nhiệm giải giới giao cho Quân Đội Trung Hoa Dân Quốc. Không phải ngẫu nhiên mà “hội nghị” đó lại chọn quân đội Anh vào miền Nam bày trò “giải giới”, dù ở xa tấp tận Ấn Độ. Lúc đó Mỹ có binh lực ở Phi Luật Tân, ở đảo Guam v.v. là các nơi rất gần nhưng Mỹ phải tránh mặt vì đây là giai đoạn đầu của âm mưu ma quỷ. Họ đưa quân Anh đến đó chỉ với mục đích gây xáo trộn, tạo thêm căng thẳng, kích thích lòng cuồng nhiệt của người dân, giúp phe cộng sản của ông Hồ có điều kiện đẩy mạnh các hoạt động và chắc chắn dân chúng sẽ tham gia vào lực lượng của ông ta để hình thành dần dần một quân đội sau này. Lực lượng đó sẽ trở thành một đối trọng mà Pháp rồi Mỹ mới có cơ đem quân vào tham chiến. Lực lượng quân sự của Anh đến miền Nam Việt Nam đông vào khoảng 26,000 người, phần lớn các chiến binh thuộc nhiều sắc dân của Ấn Độ, lính gốc người Anh chỉ có khoảng 1,400 tay súng. Lực lượng này gồm: Sư Đoàn 20 Bộ Binh; Thiết Đoàn 16 Thiết Vận Xa, hai phi đội máy bay khu trục và vận tải, ba khu trục hạm hạng trung v.v. đặt dưới quyền chỉ huy của Thiếu Tướng Douglas D. Gracey (1894 - 1964), một hội viên cao cấp của Thọ Đá Tự Do, Ủy Hội Tam Điểm thuộc Tổng Bộ Luân Đôn.

Ngày 17/9/1945, lấy cớ rằng lực lượng giải giới cần có sự an ninh, cần hạn chế số vũ khí thất thoát vào tay dân và để dễ dàng hơn trong việc tập trung binh lính Nhật vào một chỗ, tướng D. D. Gracey ra lệnh cho dân chúng Sài Gòn phải giao nộp tất cả vũ khí cho lực lượng của ông ta. Vậy là làn sóng bất bình bắt đầu nổi lên.

Ngày 21/9/1945, nhận thấy dân chúng không chấp nhận lệnh này cũng như sự hỗn loạn bắt đầu xảy ra, viên tướng Anh này đã chọc giận thêm dân chúng khi trả tự do và trang bị vũ khí cho khoảng 200 tù binh Nhật, để họ tự do đi khắp Sài Gòn dán Bản Tuyên Cáo Số

1 của ông ta với những điều như sau: Thiết Quân Luật không những ở Sài Gòn mà còn trên toàn miền Nam Việt Nam. Cấm dân chúng không được tự vũ trang. Cấm không được mang vũ khí ngoài đường. Cấm tụ tập đông người tại những nơi công cộng v.v. Sự uất ức của dân chúng tăng cao thêm qua bản tuyên cáo này.

Ngày 22/9/1945, tướng D. D. Gracey lại châm thêm dầu vô lửa khi cho phát súng đạn vào tay khoảng 1,700 người dân Pháp ở Sài Gòn.

Ngày 23/9/1945, ông tướng này lại cho lệnh hơn 3,000 lính của ông ta, gần 2,000 dân Pháp có vũ khí, hơn 600 tù binh Nhật Bản được vũ trang tỏa ra khắp Sài Gòn để tấn công, đập phá các văn phòng Ủy Ban Kháng Chiến (của dân lập ra, không phải của cán bộ cộng sản), đập nát những trạm gác do dân chúng dựng lên nhằm canh chừng sự trở lại của Pháp.

Ngày 26/9/1945, lúc 10 giờ tối, nhằm tăng thêm sự phẫn nộ của dân chúng, tướng D. D. Gracey cho thả thêm hơn 1,000 tù binh Nhật và phát súng đạn cho họ, những tù binh này được tăng cường cho lực lượng trước đó để cùng nhận lệnh tung ra một cuộc càn quét quy mô khắp đường phố Sài Gòn. Vậy là làn sóng cuồng nộ của dân chúng nổ bùng ra khi ước mơ được Độc Lập của dân tộc bị tước đoạt bởi chính “đồng minh”. Người dân không còn sự chọn lựa nào khác bằng con đường chiến đấu... và tổ chức Việt Minh là nơi họ chấp nhận đứng vào hàng ngũ, rất ít người biết tổ chức đó đã bị cộng sản cướp quyền lãnh đạo. Chỉ thời gian ngắn sau đó, những người hiểu biết thì thấy được bàn tay cộng sản trong tổ chức Việt Minh nên đã thoái lui, nhưng đó là một con số rất nhỏ. Phần đông vẫn ở lại tiếp tục chiến đấu vì lòng yêu nước, và họ đã vô tình trở thành vật hy sinh lót đường cho “*quốc tế cộng sản và cộng sản quốc tế*” trong âm mưu gây chiến, thôn tính toàn lãnh thổ nước Việt Nam và toàn thế giới trong tương lai.

Nhìn lại các hành vi của viên tướng Douglas D. Gracey, chúng ta mới thấy sự vi phạm trắng trợn của ông này nói riêng, của hai chính phủ Anh và Mỹ nói chung, đối với cơ hội được Độc Lập cho Việt Nam trước cơn ác mộng xiềng xích thực dân của Pháp. Viên tướng này chỉ là người được ủy nhiệm đến để giải giới quân đội Nhật Bản. Ông ta chỉ nên làm công việc đó, còn những vấn đề khác xảy ra trên lãnh thổ Việt Nam là thuộc quyền của người dân, ông ta không được phép xen vào... trừ khi đó là âm mưu, thủ đoạn của hội kín mà Anh và Mỹ là hai đầu sỏ dàn dựng nên tất cả. Xa tít tận thủ đô Đông Kinh của một nước Nhật bại trận, Tư Lệnh Đồng Minh ở Á Châu - Thái Bình Dương là Đại Tướng Douglas MacArthur (26/1/1880 - 5/4/1964) khi biết tin về những gì xảy ra ở Sài Gòn, ông đã lớn tiếng chửi thề và nói ra những lời nhận xét xác đáng trong tư cách của một người lính, nguyên văn: ... *“If there is anything that makes my blood boil, it is to see our allies (English) in Indochina... deploying Japanese troops to reconquer... the people we promised to liberate. It is the most ignoble kind of betrayal”* ... (“*Nếu có chuyện gì đó làm tôi phải sôi máu lên, là chuyện nhìn đồng minh của mình đã huy động*

lính Nhật đi chinh phục lại những người mà chúng ta đã hứa giải thoát họ. Đó là một loại phản bội hèn hạ nhất”..., (The Viet Nam Experience, cuốn Passing the Torch, trang 17).

Hơn 18 năm sau, vào tháng 11/1963 hội kín lại qua tay chính phủ Mỹ sát hại Tổng Thống Ngô Đình Diệm (3/1/1901 - 2/11/1963) và ông Ngô Đình Nhu (7/10/1910 - 2/11/1963), cũng như làm lơ để ông Ngô Đình Cẩn (1912 - 9/5/1964) bị đem ra xử bắn. Trước đó vào ngày 30/10/1963, lúc biết kế hoạch đảo chánh và giết luôn anh em ông N. Đ. Diệm của chính phủ Mỹ đã sẵn sàng qua sự trực tiếp giám sát của Đại Sứ Henry Cabot Lodge, Đại Tướng Paul D. Harkins (15/5/1904 - 21/8/1984), Tư Lệnh/Bộ Tư Lệnh Yểm Trợ Quân Sự - Việt Nam (Military Assistance Command - Viet Nam, MAC-VN) đã gửi một công điện về cho Chủ Tịch Tham Mưu Liên Quân là Đại Tướng Maxwell Davenport Taylor (26/8/1901 - 19/4/1987), bức công điện đã có những lời lẽ trách móc như sau: ... *“After all, rightly or wrongly, we have backed Diem for eight long hard years. To me it seems incongruous now to get him down, kick him around and get rid of him. The U.S has been his mother superior and father confessor since he's been in office and he has leaned on us heavily. Leaders of other under-developed countries will take a dim view of our assistance if they too were led to believe the same fate lies in store for them”*... (“Cuối cùng thì, dù đúng hay sai, chúng ta cũng đã giúp Diệm suốt tám năm dài đầy khó nhọc. Đối với tôi, thật chẳng có đạo nghĩa chút nào bởi bây giờ chúng ta đang hạ nhục ông ta, hành hạ đủ điều rồi bỏ rơi ông ấy. Nước Mỹ như là song thân kẻ tội và kêu căng từ lúc ông ta đảm trách công việc và đã dựa vào chúng ta khá nhiều. Giới lãnh đạo các nước kém phát triển sẽ có cái nhìn đầy hắc ám ở sự giúp đỡ của chúng ta và tin rằng một cảnh ngộ như thế cũng sẽ xảy ra với họ”... (The Pentagon Papers, trang 221. Neil Sheehan; Hedrick Smith; E.W. Kenworthy. Fox Butterfield, Bantam Book, 1971).

Và còn những gì nữa của một đất nước Việt Nam khốn khổ đối [với] những “đồng minh trong thế giới tự do” như Mỹ-Anh-Pháp v.v.? Lịch sử đã trả lời.

Đến đây chúng tôi xin ngưng phần này. Trước khi mời bạn đọc quay về thế kỷ thứ 18 để tìm nguồn gốc cái quái thai cộng sản, chúng tôi ghi thêm vài chi tiết của Hội Đồng Về Các Quan Hệ Đối Ngoại và việc ông Nguyễn Tất Thành (HCM) gia nhập Hội Tam Điểm tại Pháp.

Ngày 30/5/1919: Ủy Hội Tam Điểm Tổng Bộ Châu Âu (the Trilateral Commission, Europe Grand Lodge) tổ chức một cuộc họp bí mật trong khách sạn Majestic ở Ba Lê, Pháp. Cuộc họp này đi tới quyết định thành lập một tổ chức hoạt động ngoài công khai, tầm vóc quốc tế, có tên Viện Quốc Tế Sự Vụ (the Institute of International Affairs, IIA), đồng thời lập chi nhánh thứ nhất nằm tại Luân Đôn, nước Anh với tên Học Viện Hoàng Gia Quốc Tế Sự Vụ (the Royal Institute of International Affairs, RIIA).

Ngày 21/7/1921, hội Tam Điểm lập thêm chi nhánh thứ hai ở Nữ Ước, Mỹ, có tên Hội Đồng Về Các Quan Hệ Đối Ngoại (the Council on Foreign Relations, CFR). Chi nhánh ở Mỹ có một tờ báo mang tiếng nói thuộc loại “nặng ký” là tạp chí Đối Ngoại (Foreign Affairs Magazine, FAM). Điểm đặc biệt ở chỗ là hội viên của CFR ở Mỹ có cả tổng thống, bộ trưởng, giám đốc các cơ quan chính phủ v.v. cho tới khoa học gia, kỹ nghệ gia, chủ nhân ngân hàng và lãnh vực truyền thông, báo chí, điện ảnh v.v.

Ngày 29/11/2011 tại Ba Lê, Pháp một “hội trắng đóng kín” (tenue blanche fermee) tổ chức một buổi họp tại trụ sở Grand Orient de France (GODF), gần khu Metro Cadet. Họ đã thuyết trình và chứng minh tài liệu liên quan việc ông Hồ Chí Minh từng gia nhập hội Tam Điểm. Thuyết trình viên cho biết Nguyễn Ái Quốc được “khai thị” (initie) vào ngày 14/6/1922, ở trụ sở của chi hội La Federation universelle, hệ phái GODF, số 94 Av de Sufferen. Tài liệu lưu trong văn khố là một văn thư do hội viên Tam Điểm Roger Boulanger giới thiệu thầy ghi như sau:

: *Nom et Prenom: Nguyen Ai Quac (tên họ).*

: *Lieu et Date de Naissance: An Nam 15 fevrier 1895 (nơi và ngày sanh).*

: *Profession ou Qualite civile: Retoucher Photographe dessinateur (nghề nghiệp dân sự).*

: *Adresse: Impasse Compoint E.v 17e (địa chỉ).*

: *Nom des FF Presentateurs: frere Boulanger Roger 2e (tên họ những huynh đệ giới thiệu).*

Chúng ta trở lại ngày 1/5/1776.

[Trang này để trống]

BÀI 3
**CỘNG SẢN Ở VIỆT NAM LÀ AI?
LÀ MỘT HỘI KÍN ĐÃ CHIẾM TRỌN MỘT QUỐC GIA!**
oOo

Kính thưa bạn đọc,

Xem lại 6 điểm chính trong bản cương lĩnh của hội kín Sáng Tuệ, chúng tôi cũng như bạn đọc, thấy ngay rằng đảng cộng sản ở Việt Nam gần như thực hiện đủ 6 điều này từ năm 1930 tới nay, 2012, và đang tiếp tục duy trì các hành động đó của một hội kín có từ thế kỷ thứ 18. Suy ra, lịch sử cũng thật công bằng vì song song với sự có mặt, tồn tại dai dẳng của cộng sản trên đất nước chúng ta thì cũng có tinh thần đối kháng cộng sản xuất hiện trong xã hội, tạo được một sức mạnh vô hình và chiến đấu bền bỉ từ năm 1930 đến hôm nay. Cộng Việt tuy lấn lướt gần một thế kỷ qua nhưng không còn hy vọng sẽ thắng được đối lực này. Phía những người chống cộng nói chung, dù đã đối đầu với cộng sản Việt Nam cũng khá lâu trên nhiều lãnh vực như văn hóa, chính trị tới quân sự, tôn giáo, nhân quyền v.v. nhưng chưa bao giờ có được một lợi thế áp đảo hẳn thế lực ma quái đó. Tại sao? Có thể vì quan niệm rằng... “người có chính nghĩa” thì phải hành động chính trực ngoài ánh sáng, công khai lập đoàn thể, hội họp, nói ra lý tưởng, kế hoạch, tổ chức nội bộ, địa chỉ v.v. vì phải để công chúng biết nhằm thu hút sự ủng hộ”. Trái lại, cộng sản ở Việt Nam là một hội kín trá hình, nấp trong bóng tối dưới cái tên như một đảng chính trị nên họ thấy hết, biết hết các hội, đoàn hoạt động ngoài công khai. Bởi là hội kín, thu nhận “hội viên” dĩ nhiên phải kín đáo trước công luận nên các cuộc họp “hội viên”, lý lịch cán bộ, sự đi lại hoạt động, công tác của đảng viên, an ninh quốc phòng, kinh tế, tài chánh quốc gia v.v. hội kín này phải giữ bí mật. Người của đảng có thể len lỏi đi các nơi, có tai mắt khắp chốn, cấu kết với thế lực hội kín đa quốc gia, biết trước những đầu mối đe dọa nên họ luôn có kế hoạch đối phó v.v. Tổ chức một bộ máy hiểm hóc như vậy và vận hành trong bóng tối mới không chế được toàn xã hội, mà trường hợp Việt Nam là một điển hình. Người ngoài tổ chức đừng mong chi lọt vào guồng máy nội bộ của hội kín để dòm ngó, phá hoại sự sống còn của một băng đảng lưu manh lạc đường vào lịch sử. Tóm lại, chính sự khác biệt nhau trong phương cách tổ chức và hoạt động, giữa công khai và bí mật nên cộng sản ở Việt Nam luôn chiếm lợi thế trước những đối thay của thời cuộc. Hơn thế nữa, những người Việt Nam từng chiến đấu hoặc sẽ tiếp tục đối đầu với cộng sản, từ người có nhiều kinh nghiệm chính trị tới kẻ có học thức cao v.v. vẫn còn hiểu biết rất mơ hồ về hội kín ở Âu Châu. Vẫn tin rằng phương Tây, nơi các thể chế “dân chủ” với “tam quyền phân lập” được ra đời, là mẫu mực lý tưởng nhất về cấu trúc của những chính phủ pháp trị, công bằng và minh bạch... nhưng người Việt chống cộng lại không biết hầu hết các chính phủ ở Âu Châu, ở nước Mỹ đều được lập ra bởi những cá nhân hoạt động bí mật trong thế giới... hội kín như Tam Điểm; Thợ Đá Tự Do; Sáng Tuệ v.v.

“Tam quyền phân lập”, như nước Mỹ chẳng hạn, gồm Lập Pháp; Hành Pháp; Tư Pháp, cả ba đều vận hành độc lập, kiểm soát lẫn nhau nên không thể có lãnh tụ độc tài, phe nhóm độc quyền. Nhìn bên ngoài thì thấy rõ ràng như vậy nhưng bên trong thì không phải như vậy! Hãy nhìn cho kỹ vào hình cái tháp (quốc huy thứ hai) sẽ thấy trong đó có tới hai hình tam giác chớ chẳng phải một. Cái lớn ở dưới không có đỉnh nhọn, nó bị cắt ngang thành hình “tam giác” có bốn góc! Tách biệt ra hẳn ở trên cao lại có thêm một hình tam giác nhỏ hơn. Chính hình tam giác nhỏ trên đỉnh mới là nơi nắm hết quyền lực chính trị, quốc phòng, tài chính, kinh tế Liên Bang Mỹ. Đặc biệt hơn dù nó tách ra khỏi cấu trúc (chính phủ) bên dưới nhưng vẫn thấy và kiểm soát tất. Đó là thông điệp mà hội Tam Điểm và Sáng Tuệ gửi gắm vào đó từ ngày đầu họ lập ra nước Mỹ, khó mà tin “tam quyền phân lập” ấy.

Cộng sản ở Việt Nam cũng có cấu trúc tổ chức hình tam giác như thế, vì lẽ hội kín Sáng Tuệ là cha đẻ của các đảng cộng sản. Họ cũng có ba góc cạnh căn bản bao bọc tất cả là Chính Trị; An Ninh; Quân Sự. An ninh (công an) và quân sự là hai yếu tố bảo vệ nền tảng cho đảng, từ dưới thấp nhất (xã hội) lên nơi cao nhất và bao bọc toàn khối (nội bộ). Chính trị ở chóp đỉnh là nơi kiểm soát hết tất cả, nhưng nó cũng tách biệt khỏi toàn khối và cấp dưới đừng mong biết gì về nó, đó là “bộ chính trị”, nơi quy tụ những đảng viên trung thành nhất, hiểu biết rõ nhất về sự vận hành của đảng, những kẻ nhẫn tâm tàn ác nhất, về nhân cách, học vấn, kiến thức v.v. là con số không! Đó là một bọn vô lại có được quyền lực nhờ các biến loạn lịch sử và biết giết người không run tay. Hôm nay những kẻ sát nhân đó cũng diện “com lê”, cũng thắt “cà vạt” như ai... nhưng bản chất lưu manh, quỷ quyệt trong đầu họ vẫn còn nguyên như thời đi làm loạn. Nếu có ai mong rằng cộng sản ở Việt Nam sẽ thay đổi chính sách, cải cách chính trị, mở rộng tự do, dân chủ, nhân quyền v.v. cũng như mơ tổng thống Mỹ là người Tàu, thủ tướng Tàu là người Nhật, giáo hoàng người Phi Châu. Những ai nuôi dự tính sẽ soạn kiến nghị, thư ngỏ này nọ để gửi cho cái đảng đó thì xin quý vị nên dành thời giờ “cầm đàn khảy tai trâu” vẫn tốt hơn. Những ai đã hoặc sẽ đem kiến thức khoa học, kinh nghiệm nghề nghiệp của mình về nước hợp tác với cộng sản với hy vọng họ sẽ học hỏi, cải thiện xã hội, dân chúng được nhờ v.v. xin các vị đó nên thôi làm chuyện “gởi vàng vào tay cướp”! Tất cả các niềm tin, nỗ lực nói trên đều vô ích vì không thực tế (ở đây chúng tôi không nói tới thành phần về nước hưởng thụ hay kiếm tiền nhờ bằng cấp).

Đôi với thứ cộng sản rác rưởi, cặn bã như cộng sản ở Việt Nam, đừng mong chúng từ bỏ quyền lực, và cũng đừng mong rằng các “áp lực” quốc tế làm họ kiêng dè, tuân thủ các “luật lệ” về quyền dân sự. Hơn ai hết, nhóm chóp bu cộng sản biết rất rõ nền tảng, cấu trúc các chính quyền ở Âu Châu, Mỹ chỉ là một thứ xã hội chủ nghĩa “dễ thở” hơn, “dễ nhìn” hơn với lớp áo tư bản. Hơn thế nữa, tất cả đều cùng một lò mà ra như cộng Việt, cùng có chung một “sư tổ” là ông Adam Weishaupt nên dĩ nhiên phải chống lưng lẫn nhau, cùng chơi trò tung hứng bàn cờ chính trị trên sự thống khổ của nhân loại nói chung, của dân tộc Việt Nam nói riêng. Cộng sản trên đất nước chúng ta họ không sợ một

“chính phủ” nào trên thế gian này! Họ chỉ lo hai điều là: “ ***tinh thần quật khởi trong tâm thức của người dân Việt Nam rất mãnh liệt, tuy bị đè nén nhưng vẫn còn đó***”. Sách sử còn nhắc nhở: mỗi lúc dân tộc Việt Nam cùng đứng lên thì to mạnh như ngoại bang cũng phải chạy lùi. Nhưng họ thì không còn nơi nào để chạy. Điều lo thứ hai: “ ***tinh thần đó sẽ được đánh thức, mà người Việt ở hải ngoại là nguồn tác động chính***”. Họ thì không thể ra ngoài kiểm soát hết được (trừ phi chủ nhà đồng lõa).

[Trang này bỏ trống]

MỘT CÁI NHÌN KHÁI QUÁT VỀ HỘI KÍN Ở ÂU CHÂU THỜI TRUNG CỔ

oOo

Từ đầu thế kỷ thứ 5 sau Tây lịch đến cuối thế kỷ thứ 15, Âu Châu trải qua Thời Trung Cổ (Medieval Time, 5 AD - 16 AD) dưới sức mạnh của thần quyền là giáo hội Công Giáo La Mã (Roman Catholic). Thời này còn bị gọi là Thời Tăm Tối (Dark Age). Trong giai đoạn đó rất nhiều hội kín thành lập. Ban đầu là tín đồ của những đạo cổ xưa hơn như thờ mặt trăng, mặt trời, vũ trụ, lửa, đá v.v. nhưng nay bị cấm. Họ tuy bị quan binh La Mã buộc phải cải đạo nhưng một số vẫn lén lút tụ hội, thực hiện các buổi lễ của tôn giáo mình trong bí mật. Kế đó là các sắc dân chống lại sự chiếm đóng của La Mã cũng lập hội kín. Rồi những người có kiến thức khoa học, lịch sử, thiên văn, triết lý v.v. tùy theo lãnh vực mà lập hội kín để học hỏi, bàn luận những sai lầm của tòa thánh Vatican. Và lúc bấy giờ, ai bị bắt vì tham gia hội kín sẽ tử hình. Nhưng không vì thế mà dập tắt được “phong trào” hội kín, họ sống chui núp khắp nơi trong lãnh thổ đế quốc La Mã. Ngoài ra trước khi có hai đế quốc La Mã và Hy Lạp, đã có một hội kín ra đời ở Ai Cập hơn 2,000 năm trước Tây lịch, đó là hội Thợ Đá (the Mason, hội kín Tam Điểm xuất xứ từ hội này). Hội kín Thợ Đá là tổ chức đáng sợ, đáng nể nhất đối với hai đế quốc nêu trên vì hội viên toàn là những bộ óc uyên bác nhất, thông thái nhất của Ai Cập. Vì vậy có không ít giới quý tộc, trí thức, quân nhân La Mã cũng lén xin tham gia để mong được học hỏi các bí ẩn nằm trong... hình tam giác (“kim tự tháp”).

Đến đầu thế kỷ thứ 16 tới thứ 17 thì xã hội Âu Châu bắt đầu giai đoạn Phục Hưng (Renaissance Era, cuối Tk 15 đến 17 AD) mở đầu cho Thời Hiện Đại (Modern Time). Vào lúc này giới trí thức, quý tộc, tu sĩ v.v. như bừng tỉnh khi tìm học lại những giá trị văn hóa của hai nền văn minh La-Hy, từ kiến trúc, toán học, quân sự cho tới triết lý, thiên văn, sử thi, hội họa v.v. Giáo hội tuy nghiêm khắc và cứng rắn hơn, nhưng không thể cấm cản được hoàn toàn việc lén lút tự tìm hiểu, nghiên cứu của giáo dân trong xã hội. Quyền lực của tòa thánh Vatican bắt đầu suy giảm. Hội kín mọc ra như nấm, các quán ăn ở hầm đá, hầm rượu, kể cả gầm cầu, nhà kho v.v. đêm đêm chập kín đủ hạng người của xã hội Âu Châu. Họ tụ tập bàn luận đủ thứ chuyện trên đời, kể cả đọc thơ, xướng hát. Có những người thay nhau đứng trên bục cao để tranh luận, hay nói lên ý tưởng mới mẻ của mình về xã hội, nhân văn, khoa học v.v. hoặc táo bạo hơn là đọc những bài diễn văn bốc lửa để kết tội giới thượng lưu, quý tộc và “giáo triều” Vatican. Chính ở các nơi đó mà Châu Âu rồi sẽ có thêm những triết gia, khoa học gia và cả các nhà... cách mạng!

Từ những năm trong 1650 tới giữa thế kỷ thứ 18 là Thời Khai Sáng (Age of Enlightenment, 17-18 AD) rồi tới cuộc Cách Mạng Kỹ Nghệ (Industrial Revolution, 1750-1850). Những hội kín của nông nô, tá điền cũng được lập ra nhằm chống lại giới

địa chủ quý tộc hoặc chủ đất tinh lẻ. Công nhân của thời kỹ nghệ mới khai sinh cũng thành lập hội kín để đối đầu với tầng lớp thượng lưu giàu có làm chủ nhà máy.

Hội kín Sáng Tuệ ra đời vào lúc này, ngoài thiếu số trí thức khá giả nằm trên chóp đỉnh của hội, ba lực lượng chính mà họ nhắm vào để tuyên truyền, thu nạp là công nhân, nông dân và giới du côn, trộm cướp. Giai đoạn này trong xã hội Âu Châu đã có rất nhiều hội kín, có đủ loại lý tưởng mà họ theo đuổi, đủ thứ phe phái và... hệ phái thoát ra từ hội gốc. Vì vậy trong thế giới ngầm cũng đã xảy ra một cuộc chiến tranh khốc liệt mà sử sách không nói tới là “Chiến Tranh Giữa Các Hội Kín” (Secret Societies War). Những hội kín có nguồn gốc xa xưa về vấn đề tín ngưỡng lần hồi bị đào thải. Các hội lập ra để chống lại giáo hội Công Giáo La Mã thì bị phân hóa thành nhiều hệ phái, hoặc bị lấn lướt và sáp nhập vào những hội kín... mạnh tiền và bạo tay hơn. Mỗi sáng bước ra đường, người dân Âu Châu thường phải bước qua những xác người bị giết chết bí ẩn bằng dao, bằng giầy siết cổ, bao vải đen bao kín đầu v.v., chưa nói tới các cái chết vì bị đốt nhà, thuốc độc và thuốc nổ. Đó là những hình ảnh dễ nhìn thấy nhất trong cuộc chiến tranh giành quyền lực của các hội kín. Quyền lực của tòa thánh Vatican bị loại hẳn ra khỏi các vương triều. Sân khấu chính trị ở Âu Châu nay các vai trò chính là những ông hoàng, bà chúa, quý tộc, trí thức và... hội kín. Tuy nhiên, dù có sự tranh giành ảnh hưởng giữa các hội kín lan ra ngấm ngấm như một cơn dịch, có nhiều tổ chức bị truy diệt, bị xóa tên nhưng riêng một hội kín không ai có thể đụng tới được là hội Thợ Đá (the Mason), “hoàng đế” của tất cả các hội kín. Hội này cũng có nhiều hệ phái, kể cả Tam Điểm và một hệ phái ra đời tại Anh là hội kín Thợ Đá Tự Do (the Freemason), một thế lực lập ra Liên Bang Mỹ.

Tóm lại, Âu Châu từ thế kỷ thứ 5 tới cuối thế kỷ thứ 15 đã có nhiều hội kín ra đời vì áp lực đè nén xã hội của giáo hội Công Giáo. Kiến thức hiểu biết về cổ sử, nhân văn, khoa học v.v. phần lớn đều nằm trong tay giới tu sĩ trung thành với giáo hội. Do đó giới trí thức, người có hiểu biết buộc phải thành lập hay gia nhập hội kín để thỏa mãn sự học hỏi, nghiên cứu riêng cho mình, họ không còn sợ bị cầm đoán và trừng phạt bởi các giáo luật của hội thánh. Từ đầu thế kỷ thứ 16 kéo dài tới cuộc cách mạng kỹ nghệ (1750-1850), bên cạnh những xáo trộn của xã hội như dịch bệnh, chiến tranh, triều đại nào đó bị lật đổ v.v. thì giới trí thức cũng tỏa sáng với những phát kiến mới mẻ nhất trong nhiều lãnh vực... mà người châm ngòi cho cuộc thoát ly trí tuệ ra khỏi ảnh hưởng giáo hội là nhà thám hiểm hàng hải Christopher Columbus (31/10/1451- 20/5/1506, gốc Ý Đại Lợi nhưng thần phục Tây Ban Nha). Sau đó là những nhân vật xuất chúng mà các tư tưởng, công trình của họ làm đổi thay sâu rộng xã hội loài người đến tận hôm nay. Tiêu biểu như:

Francis Bacon (22/1/1561 - 9/4/1626, triết gia người Anh);

Galileo Galilei (15/2/1564 - 8/1/1642, nhà thiên văn học, toán học, triết gia Ý Đại Lợi);

Rene Descartes (31/3/1596 - 11/2/1650, triết gia Pháp);

Thomas Willis (27/1/1621 - 11/11/1675, nhà khoa học Anh);
Robert Boyle (25/1/1627 - 31/12/1691, nhà khoa học, triết gia Anh);
John Owen (1616 - 24/8/1683, giáo sư thần học Anh);
Richard Lower (1631 - 17/1/1691, nhà thiên nhiên học, bác sĩ Anh);
John Locke (29/8/1632 - 28/10/1704, triết gia Anh);
Robert Hooke (28/7/1635 - 3/3/1703, triết gia Anh);
Isaac Newton (25/12/1643 - 20/3/1727, nhà thiên văn, vật lý, toán học, thần học Anh);
Francois Marie Arouet (Voltaire là bút danh, 21/11/1694 - 30/5/1778, triết gia Pháp);
Charles-Louis de Secondat, Baron de La Brede et de Montesquieu (18/1/1689 - 10/2/1755, nhà tư tưởng, triết gia Pháp);
Jean Jacques Rousseau (28/6/1712 - 2/7/1778, triết gia Thụy Sĩ);
Georg Wihelm Friedrich Hegel (27/8/1770 - 14/11/1831, triết gia Đức);
Immanuel Kant (22/4/1724 - 2/2/1804, triết gia Đức);
Adam Smith (5/6/1723 - 17/7/1790, triết gia Tô Cách Lan);
Charles Robert Darwin (12/2/1809 - 19/4/1882, nhà thiên nhiên học Anh);
Friedrich Wihelm Nietzsche (15/10/1844 - 25/8/1900, triết gia Đức) v.v.

Những người nêu trên, dĩ nhiên họ cũng phải vào hội kín như bao trí thức cùng thời tại Âu Châu, nhưng phần lớn đã gia nhập vào **hội Thợ Đá (the Mason**. Hội Thợ Đá có nguồn gốc ở Ai Cập, len lỏi vào Âu Châu hoạt động đã lâu đời và lạc mất đầu mỗi chôn xa xăm. Họ cũng không rõ lắm người xưa vì sao lập ra tổ chức này. Mãi tới năm 1717, khắp Âu Châu chỉ còn 4 phân bộ được coi là “già” nhất trong làng hội kín, họ đã tổ chức một cuộc họp tại Luân Đôn, nước Anh và bầu ra một Tổng Bộ, đổi tên thành **Thợ Đá Tự Do (the Freemason)**. Sau đó tại mỗi nước cũng lập ra một tổng bộ, nhưng hệ thống quyền lực của hội này đều nằm ở nước Anh. Hội viên của nó là giới hoàng gia, quý tộc, chủ ngân hàng, kỹ nghệ v.v. chiếm đa số. Tính tới nay, 2012, khắp thế giới có hơn 7 triệu hội viên Thợ Đá Tự Do, nước Mỹ chiếm gần 4 triệu. Toàn cầu họ có hơn 40,000 phân bộ và 200 tổng bộ. Tuy có hơn 7 triệu hội viên nhưng chỉ có khoảng 600 người mới biết các bí mật về hội kín đó).

Hội kín Sáng Tuệ do ông **Adam Weishaupt** lập ra ngày 1/5/1776 ở vùng Baravia thuộc Phổ (Đức), là vào giai đoạn máy móc kỹ nghệ mới được khai sinh tại Âu Châu. Như đã trình bày sơ qua ở phần đầu, cũng vì mang lòng oán hận về chuyện Dòng Tên bị bức tử vào ngày 21/7/1773 bởi Đức Giáo Hoàng Clement XIV, ông ta lập hội kín này với mục đích trả thù xã hội. Với tham vọng lật đổ, đảo lộn tất cả những nền móng truyền thống cũ, từ thần quyền đến thế quyền, và thiết lập một trật tự mới mà mơ ước lớn nhất của ông là con người phải tuyệt đối được tự do. Vì thế ông đưa ra bản cương lĩnh với 6 điểm chính được coi là mới mẻ, hấp dẫn và táo bạo nhất trong thế giới hội kín vào lúc đó.

Chúng ta thử xem lại 6 điểm này của hội Sáng Tuệ:

(1): Lật đổ hết tất cả các triều đại quân chủ trên toàn cầu. Trấn áp hết các hình thức chính phủ nào khác nếu có trong tương lai (Vô chính phủ).

(2): Tước bỏ quyền làm chủ đất đai và những gì có trên mặt đất của người dân (Vô tài sản, chống tư hữu).

(3): Bỏ luôn quyền thừa kế gia tài (Vô đạo đức).

(4): Cấm tiết lòng yêu thương quê hương đất nước của riêng mình, xóa bỏ những khái niệm về quốc gia, dân tộc (Vô tổ quốc).

(5): Thiết lập một nền giáo dục chung cho trẻ em (Vô văn hóa, tuyên truyền). Dẹp luôn sự tôn kính trong gia đình, cấm hẳn vấn đề lễ lạc, cưới hỏi (Vô gia đình).

(6): xóa bỏ hết tất cả các thứ tín ngưỡng, tôn giáo đang có trên thế giới (Vô tôn giáo).

Đọc xong 6 điều này, chúng ta thấy đảng cộng sản ở Việt Nam hiện giờ vẫn còn làm rất giỏi bài học đó của “đại sư tổ”, người tạo ra cái quái thai cộng sản cách đây 236 năm!

***“Dân ngu, nước khô. Thời như vậy?
Người sáng, đất vui. Thế mới hay”!
(Trộm).***

Con người Âu Châu “sơ khai”, sau giấc ngủ dài cả ngàn năm dưới bóng đêm của thế quyền và thần quyền, khi thức tỉnh (Phục Hưng) và nhận chân ra sự thật (Khai Sáng) họ chẳng còn chi để mất thì chuyện tổ quốc, gia đình, đạo đức, văn hóa, chính phủ, tài sản có mất cũng không sao! Mọi thứ sẽ là của chung cho những ai cùng sống trên quả đất này. Lý tưởng quá! Vậy là người ta xin vô hội Sáng Tuệ khá đông từ những ngày đầu. Lễ tuyên thệ nhập hội tổ chức trong bí mật với các nghi thức rất trịnh trọng. Những người gia nhập buổi đầu là giới chủ nhân kỹ nghệ, chủ ngân hàng, luật sư, trí thức v.v. Họ mau chóng trở thành nhóm chóp đỉnh trong hội (cái đầu). Nhưng đọc kỹ lại 6 điều trên thì thấy toàn là chuyện khó làm đối với người giàu sang và có học. Muốn thực hiện được “lý tưởng” đó, chỉ có cách duy nhất là không ra mặt công khai, bỏ tiền ra thuê mướn hoặc kết nạp người nhẹ dạ, kẻ nghèo khổ, giới côn đồ vô lại, bọn trộm cắp lưu manh v.v. và đưa họ vào các kế hoạch đi tạo biến loạn như đốt trường, phá chợ, ném thuốc nổ, ám sát viên chức, khiêu khích nhà cầm quyền, biểu tình, đình công, xúi nông dân phá hủy nông sản, nổi loạn v.v. Một khi phía công quyền ra tay đàn áp, sẽ là cái cớ để hội kín Sáng Tuệ kêu gọi một cuộc tổng nổi dậy hoặc một cuộc cách mạng. Các thành phần vừa kể sẽ là nền tảng (hai chân), là động lực vận hành chính cho tổ chức mỗi khi đi làm loạn. Tầng hạ cấp

đó hội Sáng Tuệ cần rất đông nhưng cũng sẽ đào thải rất nhiều vì họ chỉ là lớp lót đường. Chỉ có một con số rất nhỏ trong tầng đáy đó mới được đưa lên cấp cao hơn, nếu kẻ đó có những tính cách đặc biệt khác người, nhất là phải trung thành và kín miệng. Hầu hết các cơ cấu quan trọng nhất trong hội đều lọt vào tay nhóm quyền lực ở chóp đỉnh. Các vị trí quan trọng thấp hơn cũng được giao cho tay chân tin cậy, người thân của nhóm ở trên cao.

Lúc bấy giờ ở những nước như Nga; Phổ; Pháp; Anh; Tây Ban Nha; Ý Đại Lợi v.v. có khá nhiều nhà máy, khu kỹ nghệ... phun khói mịt mù. Các khu phố, xóm nhà lụp xụp tồi tàn cũng mọc lên gần đó, nơi những người thợ thợ trong bụi khói cùng với bệnh tật, trộm cướp, gái mãi dâm lui tới thường xuyên. Giới nông dân bỏ ruộng đồng dồn về thành phố kiếm việc làm, không có việc thì lang thang phiêu bạt, gặt gì làm nấy hoặc túng quá cũng làm liều, kẻ cả được mang danh là đi làm... cách mạng. Những cuộc đời bất hạnh đó, là nguồn cung cấp nhân lực dồi dào nhất cho các hội kín. Là nơi những tâm hồn mộc mạc, ít học, thiếu thốn rất dễ bị thu hút bởi các lý luận về nhân sinh, cuộc sống và lý tưởng... cách mạng!

Con đường cách mạng lối đó cũng chính là con đường mà anh Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh) đã đi làm... cách mạng. Thế rồi ông chết đi, nhưng để lại trên quê hương Việt Nam một băng đảng hội kín với vô số những tội ác ngập đầu. Những kẻ sống bằng bạo lực, cướp chủ quyền đất nước của dân tộc Việt Nam nhưng mạo xưng là đi làm cách mạng, là giải phóng quê hương!

Kính mời bạn đọc trở lại phần nói về hội Sáng Tuệ.

Giữa tháng 7/1785: Một hội viên Sáng Tuệ bị sét đánh chết lúc trên đường đi tới vùng Silesia, tỉnh Bavaria thuộc Phổ (Bắc Tiệp Khắc, Tây Nam Ba Lan ngày nay). Nhà chức trách địa phương cho khám xác nạn nhân, họ tìm được một bức thư quan trọng giấu trong người. Đây là một bức thư tối mật mà hội Sáng Tuệ gửi đến các phân bộ chuẩn bị cho ngày “tổng nổi loạn”, do tổng bộ tổ chức nhiều nơi ở Bavaria. Chính quyền liền báo động trong toàn tỉnh. Họ tung ra nhiều cuộc lùng bắt hội viên Sáng Tuệ suốt 14 tháng. Ngay cả thủ lĩnh, ông Adam Weishaupt cũng không chạy thoát.

Năm 1786: Hàng trăm hội viên cao cấp của Sáng Tuệ bị đưa ra tòa Bavaria xét xử. Hầu hết đều bị kết tội âm mưu gây bạo loạn, phản nghịch với bản án là tử hình, trong đó có cả ông thủ lĩnh. Sau khi các bản án được công bố, các hội viên cũ của Dòng Tên, giới quý tộc, chủ ngân hàng, kỹ nghệ đã ráo riết vận động ân xá cho ông Adam W. nên bản án được đổi thành trục xuất, đuổi ra khỏi Bavaria. Ông ta chọn Thụy Sĩ, nơi lúc ấy được coi là “thủ đô” của hội kín, những hội có “máu mặt” nhất Âu Châu. Ở Thụy Sĩ ông Adam W. được coi là thượng khách của giới giàu có, quý tộc và cả những mục sư theo đạo Cải Cách đang nghiên rằng thế sống chết với Vatican. Ông cũng được các trường đại học

mời thuyết giảng về ý tưởng toàn cầu hóa với một chính phủ duy nhất cho loài người, một quân đội duy nhất, một ngân hàng độc nhất, xóa bỏ thuyết quốc gia cục bộ, phá vỡ biên giới giữa các nước, dẹp hết tôn giáo, v.v.

Năm 1789: Tổng Bộ Thợ Đá (the Mason) Anh thành lập ở Trung Hoa một Phân Bộ Tam Điểm gọi là Hội Tam Hoàng, có liên quan mật thiết với chùa Thiệu Lâm. Mục đích lập phân bộ này là tạo biến động để gây thêm khó khăn cho triều đình Mãn Thanh.

Sau vụ toan làm loạn bị đổ bể ở Bavaria đế quốc Phổ năm 1785, hội kín Sáng Tuệ được sự chú ý của giới chủ nhân kỹ nghệ tại Âu Châu mà Thụy Sĩ là chốn họ gặp gỡ, nơi ông Adam Weishaupt sống lưu vong. Lần này, Tổng Bộ Trung Ương Sáng Tuệ (the Illuminati - Grand Central Lodge) hành động cẩn thận hơn, vì mục tiêu sắp tới sẽ là một triều đại “yếu ớt” ở Âu Châu. Và họ đã chọn nước Pháp để làm thí nghiệm lần đầu cho tư tưởng “liên tiếp gây bạo loạn sẽ cướp được chính quyền”! (Tư tưởng này vào lúc đó lại thích ứng với tầng lớp công, nông nghèo khổ đang muốn nổi loạn, nó đã thành một “phong trào” có chiều hướng lây lan khắp Âu Châu. Về sau, Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản đã dựa vào ý tưởng đó để soạn nên một cuốn “binh thư” gọi là “Chiến Lược Chiến Tranh Cách Mạng”, ông Nguyễn Tất Thành (HCM), học viên của Trường Đại Học Công Nhân Phương Đông là người học rất thuộc lòng cuốn “binh thư” đó).

Trong tháng 5/1789: hội Sáng Tuệ bắt đầu tung ra vài cuộc tập trung người đi biểu tình và đốt phá ở thủ đô Ba Lê, Pháp. Trong lúc này, triều đình vua Louis XVI (23/8/1754 - 21/1/1793, lên ngôi 1774, thuộc giòng tộc Bourbon) phải lo đối phó với giới trí thức và nhà giàu, họ đòi hỏi về quyền dân sự của người dân Pháp mà họ là “đại diện”!

Ngày 14/7/1789: hàng ngàn người do hội Sáng Tuệ xúi giục khích động, rầm rộ kéo tới nhà tù Bastille ở thủ đô Pháp với cuốc, xẻng, cào cỏ, gậy gộc, dao, búa... súng và thuốc nổ. Họ tấn công và chiếm được nơi đây, chém đầu viên sĩ quan chỉ huy và giải thoát tù nhân, mở màn cho “Cuộc Cách Mạng Pháp” (the French Revolution 1789 - 1799. Vua Louis XVI tuy vẫn được tại vị và chấp nhận nhiều đòi hỏi của phe “cách mạng”, nhưng trước áp lực của họ ngày càng tăng nên năm 1791 ông bỏ trốn và bị bắt đưa về ngục thất tại Ba Lê. Ngày 20/1/1793, vua Louis XVI bị “cách mạng” xử tội chết, ông bước lên máy chém ngày hôm sau (21/1) mà đoạn đầu đài được dựng ngay giữa đường phố thủ đô nước Pháp).

Ngay sau khi cuộc “cách mạng” đẫm máu đó thành công, một trong các lãnh tụ của biến cố này nhưng không thuộc hội kín Sáng Tuệ, ông Jean Pierre Louis de la Roche du Maine Marquis de Luchet (1740 - 1792)... đã cho phổ biến một bản tin trong hội riêng của mình, do ông ta viết để báo động với hội viên nội bộ: ... “Cuộc cách mạng của chúng ta từ đầu đã bị dàn dựng trong bí mật bởi hội kín Sáng Tuệ. Nay cuộc cách mạng ấy đã bị họ sang đoạt và đang thao túng. Hội kín này là một tổ chức ghê gớm hơn những gì người ta biết

về nó. Châu Âu không phải mục tiêu của Sáng Tuệ... mà toàn thế giới! Vũ khí chính của nó là tư tưởng của Adam Weishaupt, họ còn được trang bị súng, thuốc nổ, ám sát, bắt cóc, tổng tiền và các kế hoạch xúi nông dân, thợ thuyền nổi loạn cho tới khi nhà cầm quyền sụp đổ. Những kẻ đứng đầu hội kín Sáng Tuệ gồm các quý tộc giàu có, chủ nhà băng, kỹ nghệ v.v. là lớp người cả đời chưa từng đổ mồ hôi để đổi chén cơm, manh áo”... (bản văn này chỉ luân lưu trong nội bộ một hội kín, giới “công, nông”... nghèo và dốt không hề biết họ bị “cách mạng” lợi dụng).

Ngày 7/8/1814: Đức Giáo Hoàng Pius VII (1740 - 1823) ban một Giáo Lệnh cho phép Dòng Tên hoạt động trở lại, cũng như được trả đầy đủ các lệ luật riêng đã có trước đó của dòng tu này. Lúc biết tin, khắp Âu Châu xôn xao rồi sóng gió nổi lên, mạnh mẽ nhất là quý tộc, nhà giàu và khoa bảng đã kết án tòa thánh Vatican cố tình dung dưỡng “đứa con hư hỏng” của mình. Những quốc gia Tây-Bắc Âu Châu tự nhận mình là người “Bên Này-Núi” (Cis-Montanes, dãy núi Alps), họ gọi các nước thường trung thành với tòa thánh ở Đông-Nam Âu Châu là kẻ “Bên Kia-Núi” (Ultra-Montanes). Xin xem lại phần cuối của Ngày 21/7/1773 ở đầu bài).

[Trang này để trống]

SỰ RA ĐỜI CỦA QUÁI VẬT QUỐC TẾ CỘNG SẢN

oOo

Với “Các vĩ nhân gần như luôn là những kẻ xấu” (“Great men are almost always bad men”).

“Quyền lực dẫn tới sự tha hóa và quyền lực tuyệt đối là thối nát tuyệt đối” (“Power tends to corrupt and absolute power corrupts absolutely”).

(John Emerich Edward Dallberg - Acton, 10/1/1834 - 19/6/1902, còn được biết là (Sir) Lord - John Acton, một sử gia và chính trị gia người Anh).

Trong năm 1836: Một chàng sinh viên 18 tuổi lúc đang học ở trường Đại Học Bá Linh, đã được nhận vào Câu Lạc Bộ Tiến Sĩ (the Docter Club), một hội kín tổ chức trong các trường đại học để tìm những người có những ý tưởng nổi bật, táo bạo v.v. Họ đã tìm được ông Karl Heinrich Marx (5/5/1818 - 14/3/1883, tên thật trong tiếng Do Thái là Moses Mordecai Marx Levy).

Năm 1841: Karl H. Marx được một hội viên cao cấp của Câu Lạc Bộ Tiến Sĩ giới thiệu với Hội của Sự Công Chính (the League of the Just, còn được biết dưới tên khác là the League of Just Men, Hội Những Người Công Chính, là một hệ phái vòng ngoài của hội kín Dân Ba Lê Ngoài Pháp Luật (the Parisian Outlaws League), và cái hội vòng ngoài “vô pháp luật” này cũng chỉ là một lớp vỏ bên ngoài của hội Sáng Tuệ. Người giới thiệu K.H. Marx làm quen hội kín đó là ông Moses (Moshe) Hess, 21/1/1812 - 6/4/1875, một triết gia Do Thái và cũng là người giữ một vai trò quan trọng trong việc đảo ngược các luận điểm của triết gia G. W. F Hegel, từ “tinh thần (yếu tố con người) là yếu tố chủ đạo của lịch sử” biến thành “vật chất là yếu tố chủ đạo”. Ông ta nhận xét về K. H. Marx như sau: ... “*Tiến Sĩ Marx, đó là tên một thần tượng của tôi, người còn rất trẻ nhưng sẽ cho đám chính trị và tôn giáo thời trung cổ ném mùi cái chết của họ*”... (“*Dr. Marx, that is the name of my idol, is still a very young man who will give medieval religion and politics their death blow*”...), cuốn The Portable Karl Marx, trang 22, tác giả Eugene Kamenka, xb 1983). Sau này một nhà phân tích tâm lý và tâm thần học gốc Thụy Sĩ là Carl Gustav Jung (26/7/1875 - 6/6/1961) đã nói về K. H Marx như sau: ... “*Marx còn chắc chắn sẽ đuổi thượng đế ra khỏi thiên đường của ông, và kể cả sẽ kiện ông ta*”... (“*Marx will surely chase god from his heaven, and will even sue him*”... (trang 144, cuốn Mystery 666, Don E. Stanton, xb 1977). (Xem đến đây, bạn đọc sẽ không còn thấy khó hiểu vì sao một hội kín mẹ luôn lập ra các hội con ở vòng ngoài, bí mật hoặc công khai. Có làm như vậy mới vừa che dấu được đầu não chính, vừa càng dễ bị được nhiều người, dễ qua mặt công luận cũng như nhà cầm quyền sở tại. Cộng sản ở Việt Nam cũng tổ chức hết

như vậy từ ngày họ mới hoạt động trên đất nước này, cũng lập ra nhiều hội bình phong bên ngoài để phân tán, làm suy yếu những tổ chức không cộng sản, vừa gạt gẫm thêm nhiều người nhẹ dạ đút đầu vô rọ).

Năm 1843: Karl H. Marx tới Ba Lê, Pháp để học thêm môn kinh tế. Tại đây ông ta làm quen và kết bạn với ông Friedrich Engels (28/11/1820 - 5/8/1895, công dân Anh gốc Đức-Do Thái, một kỹ nghệ gia, triết gia, nhà khoa học xã hội. Hơn thế nữa, ông F. Engels còn là hội viên cao cấp của hội kín Thợ Hồ Tự Do (the Freemason) và là Ủy Viên Trung Ương của Ủy Hội Tam Điểm (the Trilateral Commission) mà cả hai Tổng Bộ Trung Ương (Central Grand - Lodge) của hai hội kín này đều đặt tại Anh. Ông F. Engels thực ra đã được hội kín sắp đặt để làm quen với K. H. Marx. Qua đó họ có thể tác động, khuyến khích K. H. Marx thăng hoa thêm trí tuệ, chịu ngòi xuống viết ra những lý thuyết gian dối mà hội kín đang âm mưu lường gạt loài người. Và để giúp K. H. Marx được yên tâm nghiên cứu và “sáng tác”, thông qua ông F. Engels, hội kín cung cấp bạc tiền để ông này đủ sống một cách tương đối nhưng không có tiền dư. Đây là nguyên nhân làm cho K. H. Marx phải bị lệ thuộc vào hội kín ở Anh vì ông thường bị thiếu hụt tiền để trang trải cho cuộc sống. Từ một chàng trai trẻ 18 tuổi đời, có một bộ óc thông minh, chịu khó học hỏi, nghiên cứu v.v. nhưng do thiếu kinh nghiệm xã hội, ít từng trải cuộc đời nên bị rơi vào cái bẫy của hội kín do lớp quý tộc, chủ nhân kỹ nghệ giàu có ở Anh bày ra. Kết quả là hậu thế sau này, tới nay cũng còn bị mắc lừa vì cứ nguyên rủa ông K. H. Marx là cha đẻ của tai họa cộng sản, nhân loại không thể thấy thủ phạm chính vì đã bị che mắt rất tinh vi).

Đầu năm 1844: K. H. Marx rời nước Pháp theo ông F. Engels qua Anh sống trong hai năm ở nhà ông này để “học hỏi” thêm (gia thế ông F. Engels thuộc lớp giàu có, cha mẹ từ Đức sang Anh lập nghiệp, lúc đó họ đang làm chủ một nhà máy kéo sợi bông vải ở Lancashire).

Năm 1846: “Hội Của Sự Công Chính” đổi tên thành Hội Cộng Sản (the Communist League) và mở “đại hội” lần thứ nhất. Nhân dịp này hội cũng “chính thức” nhận hai ông F. Engels và K. H. Marx làm hội viên. Vậy là một trang sử đẫm máu của loài người sắp được diễn ra mà triều đình nước Anh là thủ phạm chính, khi họ qua tay giới quý tộc, chủ nhân kỹ nghệ, ngân hàng v.v. dàn dựng một học thuyết lừa bịp nấp dưới cái tên “chủ nghĩa xã hội” hoặc gọi nôm na là “cộng sản” (cộng hết tài sản của loài người vào tay một chính quyền duy nhất).

Năm 1847: Hội Cộng Sản mở “đại hội” lần thứ hai ở Luân Đôn. Hai ông K. H. Marx và F. Engels được giao trách nhiệm viết bản cương lĩnh hành động cho Hội Cộng Sản. Hai người phải viết theo tài liệu của hội và chịu sự hướng dẫn cũng như giám sát của Ủy Ban Trung Ương. Ngoài ra Hội Cộng Sản cũng đưa ra thời hạn biên soạn, họ khuyến cáo hai người phải hoàn tất bản cương lĩnh trước ngày 1/2/1848 (sở dĩ có chuyện thúc hối như

vậy vì lúc đó hội kín Sáng Tuệ đã lập xong một kế hoạch “tổng nổi loạn” khắp Âu Châu, do các hội con con vòng ngoài như cộng sản, tam điểm, thợ đá v.v. ở từng địa phương cùng phát động sau ngày 1/2/1848. Những nơi họ tổ chức xúi dân nổi loạn gồm có: Bender, Thụy Sĩ ngày 1/3, Vienna, Áo ngày 12/3, Parma, Ý ngày 13/3, Venice, Ý ngày 22/3, Luân Đôn, Anh ngày 10/4, nhiều nơi ở Tây Ban Nha ngày 7/5, Naples, Ý ngày 15/5, đặc biệt ở Pháp ngày 23/2 để châm ngòi cho cách mạng Pháp lần thứ ba hay còn gọi là “Cuộc Cách Mạng Tháng Hai” (February Revolution, 23/2/1848 - 2/12/1848), trước đó cũng đã xảy ra cuộc cách mạng lần thứ hai trong năm 1830, gọi là “Cuộc Cách Mạng Tháng Bảy” (July Revolution). Về mặt tổng thể, âm mưu nổi loạn của các hội cộng sản đã diễn ra đúng như kế hoạch. Tuy nhiên họ đã bị thất bại nặng nề vì chính quyền các nơi vẫn còn đủ sức mạnh để đè bẹp những cuộc bạo loạn. Trở lại chuyện biên soạn bản cương lĩnh mà hai người nêu trên nhận trách nhiệm trước Hội Cộng Sản. Thực ra hai ông không cần phải suy nghĩ nhiều lắm về nội dung cần phải viết. Cái gọi là “tài liệu” mà Ủy Ban Trung Ương trao cho họ chính là bản cương lĩnh với 6 điểm hành động của hội kín Sáng Tuệ, do người sáng lập là ông Adam Weishaupt công bố ngày 1/5/1776. Vì thế, hai “danh nhân” lừng lẫy của cộng sản là F. Engels và K. H. Marx chỉ việc ngồi xuống sửa lại văn phong, thuật ngữ của bản cương lĩnh đó cho hợp với thời đại, và thêm vào bốn điều nữa mà Hội Cộng Sản đã chỉ thị.

Ngày 1/2/1848: Bản Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản bằng tiếng Đức (das Manifest der Kommunistischen Partei) được công bố khắp Âu Châu, vài ngày sau bản tiếng Anh (the Manifesto of the Communist Party) cũng công bố và cả hai bản đều không đề tên tác giả (đã gọi là viết mượn thì làm sao để tên người viết được chớ). Bản Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản gồm có 10 điểm chính như sau:

- (1): Bỏ quyền làm chủ đất đai và đưa tất cả các loại đất vào mục đích công cộng.**
- (2): Đánh thuế (hoặc sẽ thực hiện thêm) nặng vào các lợi tức thu nhập.**
- (3): Đánh thuế vào quyền thừa hưởng gia tài.**
- (4): Tịch thu hết tài sản của di dân và phản loạn.**
- (5): Tập trung hết các nguồn tín dụng tài chánh của quốc gia vào tay chính phủ, và chỉ có “nhà nước” mới được quyền giữ toàn bộ tổng sản lượng quốc gia.**
- (6): Đặt hết vấn đề giao thông như hàng hải, đường bộ và những lãnh vực truyền thông như báo chí, bưu điện, sách, in ấn, xuất bản v.v. vào dưới sự kiểm soát của chính phủ.**

(7): Sự hoạt động của các nhà máy và dụng cụ sản xuất phải do “nhà nước” quản lý. Đưa nông nghiệp vào đất bỏ không và cách khai thác đất phải thuộc một kế hoạch chung.

(8): Bình đẳng trách nhiệm cho tất cả những người lao động. Thiết lập một đội ngũ công nhân cho nền kỹ nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp.

(9): Phối hợp giữa nông nghiệp và công nghiệp. Từ từ xóa bỏ sự ngăn cách giữa quốc gia và đô thị bằng sự phân bố dân số đồng đều hơn.

(10): Lập nền giáo dục miễn phí cho trẻ em với hệ thống trường công lập. Cấm dùng trẻ em lao động trong các nhà máy như hiện tại (1848). Phối hợp giữa giáo dục và kỹ nghệ sản xuất.

(Hội cộng sản, tuy là con đẻ của hội kín Sáng Tuệ, nhưng từ năm 1776 tới 1848 cũng đã hơn 70 năm. Trong thời gian đó xã hội Âu Châu đã có lắm đổi thay, kể cả dân trí nơi thành thị và nhận thức ở nông thôn của người dân, nói chung không còn quá “ngu” như trước. Sự thật này buộc cộng sản phải sửa lại 6 điểm hành động của “sư tổ” Adam Weishaupt. Nếu cứ khư khư giữ các điểm như “lật đổ hết các loại chính phủ”, “tận diệt hết tôn giáo”, “phá nát những nền tảng đạo lý gia đình”, “cấm yêu tổ quốc” v.v. thì nó quá trắng trợn, khó hấp dẫn được dư luận nên về lâu dài cộng sản khó thực hiện được mục đích. Tuy nhiên, nếu đọc kỹ từng điểm trong bản tuyên ngôn nói trên của cộng sản, người ta vẫn thấy thấp thoáng đâu đó cái hồn ý tưởng của ông Adam Weishaupt. Nghĩa là lợi dụng sự ngây thơ của kẻ có học, lợi dụng sự ngu dốt của người nghèo khổ, ít học (công nông), lợi dụng sự hung hăng, tàn bạo của bọn côn đồ lang bạt để tạo nên một sức mạnh rồi gây biến loạn xã hội để cướp đoạt chính quyền. Hơn thế nữa, 10 điểm trong bản tuyên ngôn đó là bản đưa ra ngoài công khai. Trong thực tế, 6 điều chính của hội kín Sáng Tuệ vẫn được các đảng cộng sản áp dụng trong bí mật. ***Cộng sản ở Việt Nam là một ví dụ điển hình của cơn dịch bệnh là hội kín đi cướp quyền lực, nay đang còn giấu mặt sau cái gọi là “có công giải phóng, giành độc lập cho đất nước”!? Có công hay không, lịch sử cũng đã sáng tỏ rồi!***)

Ngày 28/9/1864: Được sự hậu thuẫn của giới quý tộc và lớp giàu có tại Anh; Pháp; Đức; Thụy Sĩ; Tây Ban Nha v.v., cũng như được bí mật yểm trợ từ các hội kín, hai ông F. Engels và K. H. Marx công bố sự thành lập Hội Thợ Thuyền Quốc Tế (the International Workingmen Association, có thể đọc là Hội Công Nhân Quốc Tế).

Trong các năm từ 1864 đến 1872: Khoảng thời gian này, do thường có nhiều hội viên Hội Thợ Thuyền Quốc Tế lui tới họp kín ở Geneva, Thụy Sĩ nên người ta khám phá ra hội này trong bí mật còn có tên Đệ Nhất Quốc Tế Cộng Sản (the First Communist International, đọc gọn hơn là Quốc Tế Một (the First International). Quốc Tế Cộng Sản

Một nửa kín nửa hở ra mặt làm ồn ào ở Âu Châu một thời gian, tới năm 1876 họ rút vào bí mật để tái tổ chức, chuẩn bị cho các đợt bạo loạn dữ dội hơn trong tương lai.

Tính đến tháng 3/1865: Đã có hơn 20 hội kín không cộng sản ở khắp Âu Châu xin tham gia và sáp nhập với Hội Thợ Thuyền Quốc Tế. Tiêu biểu có những hội kín quý tộc lẫn khùng bỏ sau đây xin gia nhập: the Marianne; the Freres de la Republique of Lyons - Marseilles; the Fenians of Ireland; the Carbonari v.v.

Năm 1868: Bản Tuyên Ngôn Đảng Cộng Sản được in lại và công bố lần thứ hai. Lần này chính thức đổi tên là Tuyên Ngôn Cộng Sản (the Communist Manifesto), tên của ông Karl Heinrich Marx cũng được ghi vào bản tuyên ngôn mới này.

Ngày 10/11/1868: Tại Sài Gòn Việt Nam, hội kín Tam Điểm qua Tổng Bộ - Pháp (Grand Loge de France, GLDF) cho thành lập một phân bộ Tam Điểm trên xứ sở này, được nấp dưới cái tên là phân bộ Đông Phương Thức Tỉnh (Le Reveil de l'Orient) với 18 hội viên ban đầu, người trưởng phân bộ là Ủy Viên Hải Quân Michel Ember (1837-?). Sau đó, vì thấy trước sự trù phú, lợi lộc về lâu dài của ba quốc gia mà họ xâm lăng và cai trị là Việt Nam; Lào; Cam Bốt, tổng bộ ở Pháp cho thành lập thêm ở Ba Lê phân bộ Đại Đông Phương thuộc Pháp (Grand Orient de France, GODF, phân bộ này cũng có vài hệ phái như Liên Đoàn Hoàn Vũ (La Federation Universelle, LFU); Nhân Quyền (Droit Human, DH) v.v. Sau này ông Nguyễn Tất Thành (HCM) gia nhập hệ phái La Federation Universelle của GODF tại Ba Lê ngày 14/6/1922. Tới ngày 7/7/1922, phòng nhì Pháp và các sở chính trị thuộc Toàn Quyền Đông Pháp đều được báo cáo đầy đủ việc này). Những ngày đầu phân bộ Đông Phương Thức Tỉnh chỉ nhận những người Pháp, sau đó mới mở rộng sự kết nạp cho người Việt Nam, trong đó có những vị nổi tiếng như các ông:

Bùi Quang Chiêu, GLDF (1872-1945);
Cao Sĩ Tấn, GLDF (1893-1974);
Cao Triều Phát, GLDF (1889-1956);
Đặng Trung Chũ, FB3 (Cao Đài,?);
Đỗ Hữu Bư, GLDF (?);
Đỗ Hữu Trí, GLDF (?);
Dương Văn Giáo, GLDF (1892-1945);
Hoàng Minh Giám, GODF (1904-1995);
Lê Lan, DH (?);
Lê Thanh Y, GODF (?);
Lê Thước, GLDF (?);
Minh Luen, GODF (?);
Thang, GLDF (?);
Nguyễn Công Chiêu, GODF (?);

Nguyễn Văn Thịnh, GLDF (?);
Nguyễn Văn Vĩnh, DH (1882-1936);
Nguyễn Xuân Đại, GLDF (?);
Phạm Huy Lực, DH (?);
Phạm Quỳnh, GLDF (1892-1945);
Phan Anh, GODF (1912-1990);
Tạ Thu Thâu, FB3 (1906-1945);
Trần Nguyên Hạnh, GODF (?);
Trần Quang Nghiêm, FB3 (?);
Trần Trọng Kim, GLDF (1883-1953);
Trần Văn Lợi, GODF (?);
Trần Văn Thy, GLDF (?);
Trịnh Đình Thảo, GLDF (1901-1986);
Trương Kế An, GODF (?);
Vũ Đình Hòe, GODF (1912-2011);
Vương Quang Như, GLDF (1902-?);
Vương Tư Đại, GODF (?) v.v.

Giải thích riêng về chữ FB3 nêu trên: Đầu năm 1945, tổng bộ Tam Điểm ở Mỹ móc nối được một hội viên Tam Điểm là ông Tạ Thu Thâu nên một hội ái hữu Tam Điểm thân với Mỹ được bí mật thành lập tại Tây Ninh vào năm này. Lúc đó Đại Tá William Donovan (1/1/1883-8/2/1959) tuy là Giám Đốc Phòng Công Tác Chiến Lược (Office of Strategic Service, OSS, tiền thân Cục Tình Báo Trung Ương sau này, CIA-Central Intelligence Agency) nhưng ông đặc biệt đảm trách tình báo riêng cho khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Bên cạnh ông W. Donovan còn có hai người quan trọng nữa cũng đang hoạt động tại khu vực nói trên là Trung Tướng Joseph Stilwell (19/3/1883 - 12/10/1946), đại diện cao cấp của Mỹ cho Thống Chế Tưởng Giới Thạch (31/10/1887 - 5/4/1975) của Cộng Hòa Trung Hoa Dân Quốc và Đại Tá Claire Chennault (6/9/1893 - 27/7/1958), Chỉ Huy Trưởng Không Đoàn Cọp Bay (Flying Tigers Air-Wing) đang hoạt động ở Côn Minh. Phía Mỹ bước đầu lập hội ái hữu Tam Điểm ở Tây Ninh là để có “nội tuyến” theo dõi quân đội Nhật Bản ở phía Nam, Việt Nam. Cả ba vị nêu trên đều là hội viên cao cấp của tổng bộ Tam Điểm Liên Bang Mỹ. Nên khi ba người lập ra nhóm Tam Điểm riêng cho khu vực Á Châu - Thái Bình Dương, họ đã lập ra một ám danh là Huynh Đệ Tự Do 3 (Free Brothers 3) để chỉ riêng những người Việt Nam nào được họ kết nạp trong khu vực này, từ đó mới có ám tự là **FB3** như trường hợp các ông Đặng Trung Chử (Cao Đài); Trần Quang Nghiêm; Tạ Thu Thâu. Trường hợp ông Hồ Chí Minh thì không nằm trong nhóm Tam Điểm FB3, vì ông ta được “khai thị” nhập hội từ năm 1922 ở bên Pháp. Tuy nhiên, sự kiện ông HCM được xếp đặt gặp ông C. Chennault tại Côn Minh rồi được ông này giới thiệu cộng tác với OSS dưới bí danh Lucius, bí số 19, được giúp đỡ vũ khí, huấn luyện v.v. đều bắt nguồn từ tin (bị) là phe ông ta cứu được viên phi công Mỹ ở Cao Bằng trong tháng 1/1945 (Trung úy William Shaw). Đó là chuyện láo do Mỹ và Việt

Cộng phia ra. Lý do ông HCM được nhóm FB3 giúp là vì, trên tất cả, họ là “Huynh Đệ” Tam Điểm với nhau (đó là luật của hội kín này) cũng như Mỹ đã giúp nhóm Tam Điểm tại Tây Ninh. Nếu Mỹ quả thật lòng muốn giúp một lực lượng nào đó để đối phó với Nhật ở miền Bắc Việt Nam. Tại sao họ không giúp cho những nhóm khác lúc đó cũng có đại diện ở Côn Minh; Trùng Khánh thuộc lực lượng của các ông Hồ Học Lãm (1883-?); Nguyễn Hải Thần (1878-1959) và Vũ Hồng Khanh (1898-1995)?? Hội kín chúng nó cấu kết với nhau để cướp nước Việt Nam là như vậy đó!).

Năm 1884: Luân Đôn nước Anh, hai vợ chồng Beatrice Potter Webb (2/1/1858 - 30/4/1943) và Sidney James Webb (13/7/1859 - 13/10/1947) cùng với ông George Bernard Shaw (6/7/1856 - 2/11/1950) lập ra một hội kín có tên Hội Fabian (the Fabian Society). Cả ba người này vốn là hội viên của Sáng Tuệ cũng như Tam Điểm, nhưng nay lập riêng thêm hội Fabian vì họ muốn vươn cánh tay nối dài từ chính trường nước Anh tới tận chính trường nước Mỹ. (Hội kín Fabian không thu nạp hội viên thuộc thành phần nghèo khổ, thất học hay còn đồ vô lại, hội chỉ chọn giới thượng lưu trong xã hội Anh như quý tộc vương triều, chủ ngân hàng, chủ kỹ nghệ, giới khoa bảng, trí thức nổi tiếng, luật sư, thương gia v.v. Cương lĩnh của hội Fabian cũng giống như hội Sáng Tuệ là tham vọng làm chủ toàn thế giới, nhưng lại khác ở chỗ nó không trực tiếp tổ chức gây bạo loạn. Tuy nhiên Fabian sẵn sàng cho các hội kín khác vay tiền có điều kiện khi “cách mạng thành công”! Nếu hội kín Sáng Tuệ được xem như cha đẻ của Liên Bang Mỹ (thiết kế cấu trúc chính quyền), thì hội kín Fabian chính là mẹ đẻ của quốc gia này (thao túng chính trường). Chiến lược của hội kín Fabian là kiên nhẫn, thực hành rất chậm qua nhiều giai đoạn, có thể mất vài thế hệ và chấp nhận tốn kém tài chính cho mục tiêu lâu dài. Vì vậy biểu tượng ban đầu mà hội Fabian chọn là hình một con rùa, sau đó đổi thành hình một con chó sói khoác áo choàng lông cừu và đi bằng hai chân. Biểu tượng ấy hàm ý sự hoạt động của Fabian là chậm nhưng chắc chắn, tuy hiền lành bên ngoài nhưng có nanh vuốt ở bên trong (cộng sản quốc tế ra đời từ đây với lớp áo “tư bản”).

Tới năm 1900, hội kín Fabian cho lập ra ngoài công khai một tổ chức chính trị mang tên Ủy Ban Đại Diện Lao Động (the Labour Representation Committee - LRC), nhưng năm 1906 thì cái “ủy ban” toàn những kẻ chưa từng đỡ mồ hôi vì lao động đó lại đổi tên là Đảng Lao Động Anh (the British Labour Party - BLP). Nào đã hết đâu! Bên cạnh Đảng Lao Động Anh, hội kín Fabian cũng cho vay tiền để một nhóm khác lập ra Đảng Bảo Thủ (the Conservative Party - CP) để tạo ra hai đối cực chính trị tại nghị trường nước Anh. Công chúng bên ngoài cứ tưởng đó là hai tổ chức đối lập nhau, nhưng đó là sự che mắt công luận vì thật ra bên trong cả hai đều có cùng cha mẹ là hội kín Fabian. Đó cũng là trường hợp của hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ ở Mỹ, lúc tranh cử thì đấu đá nhau, nhưng phe nào sau khi thắng cử rồi đều cũng phải làm theo ý của kẻ giàu có bỏ tiền ra cho mình tranh cử, và những kẻ như vậy đều thuộc hội kín Sáng Tuệ hoặc Tam Điểm. Vấn đề hai đảng ở Anh và ở Mỹ cử người ra tranh cử (thủ tướng, tổng thống) thì không có sự gian lận. Hội kín để hai đảng tự do chọn người xuất sắc nhất của mình, sau cùng

thì để dân chúng bầu ra một người. Và bất cứ người nào sau khi đắc cử, nếu muốn yên vị hay được thêm nhiệm kỳ nữa thì phải làm theo sách lược của thế lực tiền bạc trong bóng tối đã từng làm chủ chính trường Anh và Mỹ. Vì thế, Bảo Thủ hay Lao Động (Anh), Dân Chủ hay Cộng Hòa (Mỹ), Đảng hay Nhà Nước (Việt Cộng)... gì gì đó thì dù tuy hai cũng vẫn là một, là hai mặt khác nhau của một đồng tiền như trò chơi sấp ngửa. Nhưng trò chơi ấy độc ác ở chỗ, cái nơi để họ tung đồng tiền lên rồi rơi xuống lật lên một mặt, đó là cái lưng của người dân làm lưng cực khổ cả đời để đóng thuế nuôi chúng nó, và còn phải cảm ơn thế lực ma quỷ đó cho mình được tự do... đi bầu, tự do ngôn luận, tự do đi làm và đủ thứ tự do... trong một cái lồng son mà không ai thấy. Vậy **Fabian** có nghĩa là chi? Ấy là tên của một viên tướng rất giỏi chiến thuật đánh lên sóng vào thời đế quốc La Mã. Tên đầy đủ của ông ta là **Quintus Fabius Maximus Verrucosus**, biệt danh Cunctator (275-203 trước lịch Tây). Lúc đó quân đội “nhà nghề” lừng danh của đế quốc La Mã cứ bị thua xiềng niềng, khắp đế quốc bị tấn công đốt phá bởi quân đội Phoenician rất giỏi nghề vượt biển, thuộc “vương quốc” thành phố Carthage (nay là nước Tunisia, Bắc-Châu Phi). Viên tướng tổng tư lệnh quân đội Phoenician là ông Hannibal Barca (247-183 BC) thành lập một hạm đội hải quân dũng mãnh, có thể chở cả voi sang tấn công La Mã (nước Ý Đại Lợi ngày nay). Quân đội La Mã cứ mỗi lần ra mặt giao chiến thì bị thua vì không chịu nổi đoàn voi chiến xung trận của quân Phoenician. Viên tướng La Mã là Fabius phải dùng chiến thuật đánh lén. Đêm đêm mò tới doanh trại Phoenician đốt phá rồi bỏ chạy... và cũng làm voi của đối phương chạy tán loạn. Đợt lúc quan binh của Phoenician đang nhón nháo dọn dẹp doanh trại thì phía La Mã đem quân tới đánh úp. Mỗi khi họ đi đánh lén thì cho đốt phá hai ba nơi nên quân Phoenician không thể tiếp cứu với nhau, cũng có khi tướng Fabius lén đem quân đi vòng đường biển tới tấn công vào hậu phương của địch là thành phố Carthage. Chiến thuật đánh lén kiểu đó sau cùng cũng làm phía Phoenician thua trận và bị La Mã thôn tóm. Hội kín Fabian chọn tên viên tướng ấy để nói lên cương lĩnh hoạt động của mình là giấu mặt và đánh lén. Cộng sản ở Việt Nam cũng học mưu chước đánh lén này, nhưng vì học không thuộc bài nên đánh đâu thua đó là như vậy).

Năm 1888: Quốc Tế Cộng Sản 1 sau vài năm vắng tiếng nay hoạt động trở lại ở các nước như Thụy Sĩ; Đức; Pháp; Bỉ; Nga; Anh v.v. Cũng trong năm này, họ chọn một bài hát riêng cho các tổ chức cộng sản là bài Quốc Tế Ca (the Internationale. Nền nhạc vốn được soạn từ năm 1871 ở Pháp bởi ông Eugene Pottier (1816-1887). Phần lời được viết trong năm 1888 cũng tại Pháp do ông Pierre Degeyter (8/10/1848 - 27/9/1932). Ông này sau bị kiện bởi chính người em trai là Adolphe Degeyter (1858 - 15/2/1917). Người em thừa rằng lời nhạc được hai anh em viết chung chứ không phải một người. Sau rốt, tòa tuyên bố cho ông anh được hưởng quyền là tác giả Quốc Tế Ca (chỉ riêng phần lời bài hát, còn phần nhạc thì thân nhân người soạn được thừa hưởng. Để được “độc quyền” hát bài Quốc Tế Ca, các hội cộng sản khắp nơi mỗi năm phải [trả] 500 quan Pháp cho những người thừa hưởng tác quyền).

Năm 1889: Một nhóm quý tộc, trí thức, chủ nhà băng, thương gia v.v. tổ chức một cuộc họp ở Geneva, Thụy Sĩ và tuyên bố họ là đại diện của Đệ Nhị Quốc Tế Cộng Sản (the Second Communist International). Phong trào Quốc Tế Cộng Sản 2 cũng đánh trống thổi kèn âm ỹ vài năm rồi âm thầm đến Nga hoạt động.

Năm 1895: Hai hội viên Quốc Tế Cộng Sản 2, và cũng là hội viên hội Sáng Tuệ là ông Lev (Leon) Davidovich Bronstein, bí danh Trotsky (7/11/1879 - 20/8/1940) và Vladimin Ilyich Ulyanov Nikolai, bí danh Lenin (10/4/1870 - 21/1/1924) cùng 9 người đồng hội thành lập Đảng Lao Động Dân Chủ Xã Hội (the Social Democratic Labor Party, tiền thân đảng cộng sản Nga sau này).

Tháng 7/1903: Ở thủ đô Brussels vương quốc Bỉ, trong đại hội lần thứ 2, để dứt khoát chọn đường đi làm... cách mạng... cho mình, Đảng Lao Động Dân Chủ Xã Hội Nga bị chia làm hai lối rẽ. Phe theo ông V. Lenin thì nhất định “làm cách mạng cần có bạo lực”, sau khi cướp được chính quyền cũng “tập trung vào trung ương đảng tất cả các quyền” và phải “truyền bá, yểm trợ bạo lực cách mạng đi khắp thế giới”! Phe theo ông L. Trotsky thì “làm cách mạng không nhất thiết phải cần bạo lực”, nếu thành công phải “phân tán quyền lực cho đồng đều để tránh sự độc tài toàn trị của đảng hay của một cá nhân”, nên chú tâm “phát triển quốc gia trước khi nghĩ đến phạm vi thế giới”! Buổi họp kéo dài trong căng thẳng và hai phe cãi nhau như mổ bò. Phe ông L. Trotsky phần đông là nhà giàu, học giả, trí thức nên cãi không lại phe ông V. Lenin, phần lớn là côn đồ, vô lại, một bọn lưu manh đầu trộm đuôi cướp trong số dân Nga lang bạt tại Âu Châu. Đến lúc mệt và quá nhức đầu, trong nhóm ông L. Trotsky có 7 người đứng lên bước ra ngoài phòng họp. Ngay lập tức, ông V. Lenin cho người chặn cứng cánh cửa đã đóng đồng thời yêu cầu những người còn lại bỏ phiếu quyết định. Kết quả phe ông V. Lenin “thắng lớn” nhờ “lâu la” đông hơn phe kia. Cuộc họp chấm dứt với hơn một nửa số ghế trong Ủy Ban Trung Ương lọt vô tay phe dùng bạo lực đi làm cách mạng. Họ cũng được quyền giữ ngân quỹ nội bộ và chiếm luôn tờ báo “Sự Thật” (Prawda) của đảng. Kể từ năm này, trong đảng cộng sản Nga mới có hai chữ “Số Đông” (Bolshevik, bolshistvo, số nhiều) và “Số Thưa” (Menshevik, menshinstvo, số ít). Phe thắng thế nhờ sự tinh ranh của ông V. Lenin, phe Bolshevik, sau này tới thời ông Iosif (Joseph) Vissarionovich Dzhugashvili, bí danh Stalin (21/12/1879 - 2/3/1953) còn được biết tới là phe “Cộng Sản Toàn Nga” (All - Russian Communist). Với sức mạnh của bạo lực và bạo loạn, phe Bolshevik đã chiếm nước Nga năm 1917.

Tháng 11/1904: Ông V. Lenin cùng 7 người thân cận nhất của nhóm “bolshevik” tới Luân Đôn tìm sự giúp đỡ. Họ đã gặp được ông James Ramsey MacDonald (12/10/1866 - 9/11/1937), người đang là thủ lĩnh Fabian trong bóng tối, đứng đầu Ủy Ban Đại Diện Lao Động (1906 là Đảng Lao Động Anh) ngoài công khai và sau này sẽ là thủ tướng Anh trong hai nhiệm kỳ (1924-1935, lúc được làm thủ tướng, ông ta đưa nhiều hội viên cao cấp của Fabian vào giữ các chức vụ quan trọng trong chính phủ, kể cả người sáng lập hội

kín Fabian là ông Sidney James Webb cũng làm Bộ Trưởng Lao Động)! Trong các cuộc họp giữa hai bên, phía cộng sản được đại diện Fabian cam kết sẽ yểm trợ tài chánh cho một cuộc cách mạng tại đế quốc Nga. Trước mắt, trong thời gian ở Luân Đôn họ được sử dụng Nhà Thờ Huynh Đệ (Brotherhood Church) làm nơi hội họp. Họ còn được giúp trước 3,000 bảng anh để tiêu xài từ một công dân Mỹ giàu có (gốc Đức-Do Thái), chủ hãng xà bông là ông Joseph Fels (1853-1914).

Đầu tháng 1/1905: Nhóm cộng sản ở Luân Đôn cùng ông V. Lenin đi Thụy Sĩ, từ đây họ xâm nhập vô Nga để chuẩn bị một kế hoạch biểu tình quy mô mà chắc chắn sẽ bị đàn áp bởi nhà cầm quyền. Đó là điều họ mong đợi để có cơ đẩy mạnh tuyên truyền, phát triển lực lượng và gây sự chú ý trước dư luận ở Âu Châu (vào lúc này, các chi bộ cộng sản (đảng Lao Động Dân Chủ Xã Hội) ở Nga tuy nhiều nhưng tổ chức kết hợp còn lỏng lẻo, không đồng nhất. Chưa kể tới hai phái “Bols” và “Mens” đang “hục hặc” với nhau. Họ cần phải làm để đảng viên cơ sở học thêm kinh nghiệm và phát triển tổ chức.

Ngày 22/1/1905: Khoảng 30,000 người dân Nga gồm giới công nhân kỹ nghệ, hỏa xa, mỏ than v.v. cùng với gia đình của họ tập trung biểu tình trong ôn hòa tại thủ đô Saint Petersburg (Petrograd). Đoàn người vừa đi vừa hát vang những bài ca yêu nước, họ nhắm hướng Cung Điện Mùa Đông mà tiến tới với mục đích sẽ trao các kiến nghị, yêu sách cho Nga Hoàng Nicholas II (18/5/1868 - 17/7/1918, có thể ghi là Sa Hoàng (Czar). Suốt cuộc tuần hành, đoàn biểu tình không gặp sự cản trở nào từ cảnh sát, binh lính nhưng lúc đến trước quảng trường của Cung Điện Mùa Đông thì họ đối mặt với một lực lượng cảnh sát, quan binh đang cầm súng đứng chờ. Ngay lập tức, đủ các loại súng chĩa thẳng bắn xối xả vào đám đông làm mọi người kinh hoàng bỏ chạy tán loạn. Khắp Âu Châu rúng động khi biết được tin này. Sau đó chính quyền Nga đưa ra con số có 96 người chết và 333 người bị thương. Riêng phía chống đối thì cho biết có hơn 4,000 người bị giết, nhưng theo những người nghiên cứu riêng thì ước tính chừng hơn 1,000 người bị chết vì đạn hoặc do giẫm đạp [*lên nhau*] lúc hỗn loạn xảy ra. Biến cố này là một tác động quan trọng nhất để đưa những làn sóng căm phẫn, bất bình lên cao thêm những năm sau và kéo theo sự sụp đổ của đế quốc Nga. Dĩ nhiên kẻ thủ đắc nhiều nhất chính là bọn xúi giục, kích động dân chúng biểu tình nhưng ẩn nấp dưới danh xưng là những nhà cách mạng cộng sản. Sách sử Nga gọi sự kiện bi thảm đó là ngày “Chủ Nhật Máu Me” (the Bloody Sunday - 1905). Trong cuốn “Unseen Hand - An Introduction to the Conspiratorial View of History”, Publius Press, Arizona xuất bản năm 1985, ở trang 101 tác giả Ralph Epperson ghi như sau: ... *“Perhaps the most crucial event in the Russian Revolution occurred in the spring of 1905, when the British Fabian Society, a non-violent revolutionary group, met the Bolsheviks, a violent revolutionary group, in London, England. It was at this meeting that loans were arranged between the two groups so that the Bolsheviks could start their revolution. Joseph Fels, a member of the Fabian Society and a wealthy American soap manufacturer, loaned the Bolsheviks large sums of money, as did other members of the Fabian”* ... (“*Có lẽ sự kiện then chốt nhất dính líu tới cuộc*

Cách Mạng Nga trong mùa xuân 1905, là khi Hội Fabian Anh, một nhóm cách mạng-không bạo động, gặp gỡ những kẻ Bolshevik, nhóm làm cách mạng bạo động, tại Luân Đôn, Anh. Trong cuộc tiếp xúc đó tiền cho vay đã được thỏa thuận giữa hai bên để nhóm Bolshevik có thể phát động cuộc cách mạng của họ. Joseph Fels, một hội viên của Fabian và cũng là một dân Mỹ giàu có làm chủ hãng xà phòng, đã cho đám Bolshevik vay một khoản tiền lớn, các hội viên khác của Fabian cũng làm như vậy” ...).

Tháng 2/1905: Ông L. Trotsky lên về Nga rồi tới ẩn thân ở thành phố Kiev, nơi ông ta có cả một nhà máy in (máy móc đem về từ Anh, Mỹ) truyền đơn, bản tin và được đặt dưới một căn hầm kín đáo. Tại đây ông L. Trotsky đã viết rất nhiều, gần như mỗi ngày, nên khắp các ngõ ngách ở Nga các đảng viên cộng sản đọc được nhận xét về biến cố vừa qua của một lãnh tụ cộng sản, phe Menshevik, ông ta bắt đầu đưa ra ý kiến rằng “**biểu tình trong ôn hòa sẽ bị thất thế trước nòng súng của kẻ cầm quyền**”. Như vậy lập trường cách mạng bất bạo động của ông L. Trotsky đã có sự thay đổi qua chủ trương bạo động của ông V. Lenin. Sau hai tháng ẩn nấp ở Kiev, ông L. Trotsky cho di chuyển các phương tiện in ẩn tới thủ đô Saint Petersburg. Giữa tháng 5/1905, cảnh sát và mật thám phát giác sự có mặt của ông L. Trotsky trong thành phố nên họ tung ra nhiều đợt truy lùng, buộc ông ta phải trốn qua Phần Lan hoạt động (vào lúc đó hai vương quốc Phần Lan, Ba Lan v.v. còn đang là “thuộc địa” của đế quốc Nga).

Ngày 3/12/1905: Toàn bộ nhóm lãnh đạo cộng sản Menshevik ở Phần Lan bị cảnh sát bao vây bắt gọn, kể cả ông L. Trotsky. Sang năm 1906 cả nhóm bị đưa ra tòa nhưng chỉ bị truy tố với tội “ủng hộ bọn phản nghịch có vũ trang”. Vì vậy nhóm ông không ai bị treo cổ hoặc lên máy chém, họ chỉ bị đưa đi lưu đày và ông L. Trotsky thì phải tới vùng Obdorsk, Siberia ở Đông-Bắc nước Nga).

Tháng 1/1907: Trên đường đi đày bằng xe lửa, nhờ sự giúp sức của các đảng viên cộng sản ông L. Trotsky đã trốn thoát ở ga Berezov rồi được bí mật chở tới Thụy Sĩ. Tại đây ông đi tiếp đến nước Anh và kịp dự hội nghị lần thứ năm của Đảng Lao Động Dân Chủ Xã Hội tổ chức ở Luân Đôn. Tại Nga, nhà cầm quyền đã phát lệnh truy nã đi các nơi, họ treo giải thưởng thật cao cho những ai bắt được một trong hai người là V. Lenin và L. Trotsky (riêng ông J. Stalin thì đang bị lưu đày tại Siberia).

Tháng 6/1907: Hai ông V. Lenin và L. Trotsky cùng 17 ủy viên trung ương đảng đã tổ chức nhiều cuộc họp với ông James Ramsey MacDonald, với các đại diện của giới chủ nhân kỹ nghệ tại Âu Châu, Liên Bang Mỹ. Họ đã được cam kết sẽ có nguồn yểm trợ tài chánh, cho vay lâu dài - cho không trước mắt, nhằm đẩy mạnh các hoạt động tạo biến loạn cho tới khi “cách mạng thành công” ở nước Nga.

Tháng 10/1907: Cả hai lãnh tụ Menshevik và Bolshevik rời nước Anh tới Thụy Sĩ, nơi các ngân hàng đã nhận nhiều nguồn tiền đổ vô trương mục dưới tên những người xa lạ

mà chỉ có hai người này biết. Sau khi ghé Thụy Sĩ, họ lên đường đi các nơi, lui tới như con thoi giữa các nước Pháp; Áo; Đức; Ba Lan; Bảo Gia Lợi; Hung Gia Lợi v.v. thành lập thêm nhiều chi bộ địa phương cho đảng Lao Động Dân Chủ Xã Hội (tiền thân của những đảng cộng sản ở Đông Âu sau này). Họ cũng gởi nhiều nghị quyết, chỉ thị, mệnh lệnh và kể cả tiền tới Phần Lan; Nam Tư; Nga cho các chi bộ cộng sản tại địa phương cố gắng thu nạp thêm nhân sự, tích lũy vũ khí, đạn dược, thuốc nổ v.v. và sẵn sàng chờ lệnh của trung ương.

Tháng 1/1912: Hai phe cộng sản mở hội nghị tại Cracow, Ba Lan. Dù hai bên vẫn còn bất đồng về phương cách làm cách mạng, nhưng một nghị quyết chung cuộc cũng được đưa ra là hai phe vẫn cần sự đoàn kết để tiến tới mục tiêu là lật đổ Nga Hoàng. Sau hội nghị, ông V. Lenin đi Thụy Sĩ còn ông L. Trotsky thì tới Vienna của đế quốc Áo-Hung và tiếp tục tung ra nhiều bài viết kết án đế quốc Nga.

Ngày 28/6/1914: Một vụ ám sát làm chấn động Âu Châu đã xảy ra ở Bosnie, Nam Tư (vương quốc Serberia). Hai nạn nhân là Hoàng Tử - Công Tước nước Áo Franz Ferdinand (18/12/1863 - 28/6/1914) và vợ là Quận Chúa Sophie Chotek (1/3/1868 - 28/6/1914, tên đầy đủ là Sophie Maria Josephine Albina Chotek von Chotkow unk Wognin) khi họ đến thăm vương quốc này. Thủ phạm là một nhóm 6 người và kẻ chỉ huy là người gốc Bosnie. Quan trọng hơn họ thuộc một hội kín có tên Bàn Tay Đen (the Black Hand), một tổ chức khủng bố vòng ngoài của cộng sản hoạt động tại Nam Tư. Vụ ám sát này đã đưa Âu Châu vào biển lửa.

Ngày 28/7/1914: Chiến Tranh Thế Giới Lần Thứ Nhất (First World War hay World War I (28/7/1914 - 11/11/1918) được châm ngòi khi đế quốc Áo-Hung công bố lời tuyên chiến đối với vương quốc Nam Tư. Chiến cuộc đã xảy ra suốt bốn năm, làm thiệt mạng 10 triệu người lính, 7 triệu người dân, gần 20 triệu người bị thương cùng với sự tham chiến của các nước như: Áo-Hung Gia Lợi; Nga; Pháp; Đức; Ý Đại Lợi; Montenegro; Luxembourg; Albania; Nam Tư; Bảo Gia Lợi; Lỗ Ma Ni; Bỉ; Hy Lạp; Đế Quốc Ottoman (Thổ Nhĩ Kỳ); Anh cùng chư hầu thuộc địa là Úc Đại Lợi; Gia Nã Đại; Tân Tây Lan; Ấn Độ; Liên Hiệp Nam Phi... rồi cả hai nước ở xa lắc cũng bị cuốn vào cuộc chiến là Mỹ và Nhật Bản).

Ngày 3/8/1914: Ông L. Trotsky phải bỏ trốn khỏi Vienna (Áo) chạy sang nước trung lập là Thụy Sĩ. Ông ta sợ phải mang họa vào thân vì đế quốc Nga đã tham chiến chống lại đế quốc Áo-Hung.

Ngày 5/9/1914: Ông V. Lenin cũng trốn tới Thụy Sĩ, bí mật hoạt động tại hai thành phố Bern và Zurich.

Ngày 19/11/1914: Ông L. Trotsky đến nước Pháp sống gần hai năm và chú tâm tới tuyên truyền trong giới công nhân. Tới ngày 31/3/1916, ông ta bị chính quyền Pháp trục xuất vì các hoạt động cho cộng sản. Bí quá ông L. Trotsky phải tới Tây Ban Nha nhưng cũng bị nước này trục xuất vào ngày 25/12/1916. Sau cùng ông ta lên tàu đi Mỹ, tới Nữ Ước ngày 13/1/1917 và ở lại đây cho tới khi xảy ra cách mạng ở bên Nga.

Ngày 28/2/1917: Nga Hoàng Nicholas II chấp nhận thoái vị, sau khi chứng kiến một cuộc biểu tình vĩ đại mà người tham dự đông hơn 350,000 người gồm công nhân, binh lính, thương gia v.v. mà hơn một nửa có súng đạn. Và có thể sẽ dữ dội hơn trong những ngày tới. Ông vua hết thời không còn sự chọn lựa, trước sự đòi hỏi của người dân (bị “cộng sản” và “tư bản” xúi giục), chế độ phong kiến ở Nga cuối cùng cũng tới hồi chấm dứt.

Ngày 15/3/1917: Một Chính Phủ Lâm Thời được thành lập giữa cảnh đình công, biểu tình, bạo loạn v.v. xảy ra tràn lan trong lãnh thổ đế quốc. Hoàng tử Georgy Yevgenyevich L'vov (30/1/1861 - 7/3/1925) được bầu làm thủ tướng (Tuy vậy tình hình vẫn không được khả quan hơn nên tới ngày 21/7/1917, một nhà hoạt động xã hội, ông Aleksandr Kerensky (4/5/1881 - 11/6/1970) được chọn làm thủ tướng. Ông này vừa nhậm chức đã ra lệnh ân xá cho những tù nhân chính trị thuộc loại nguy hiểm nhất của phong trào cộng sản, kể cả hủy bỏ các lệnh truy nã đối với hai ông V. Lenin và L. Trotsky. Ông này thật tình làm theo “lời khuyên” của những chủ ngân hàng, chủ các công ty ở Anh; Mỹ và Thụy Sĩ. Họ “khuyên” rằng nếu muốn cứu vãn tình thế, tái lập trật tự ở Nga chỉ có cách cho những người cộng sản được tự do hoạt động. Giới nông dân và thợ thuyền sẽ nghe lời hai người đó hơn là các mệnh lệnh đưa ra từ chính phủ lâm thời).

Ngày 27/3/1917: Ông L. Trotsky rời Liên Bang Mỹ về nước. Cùng đi với ông có 275 người Nga được tuyển mộ tại các khu phố nghèo nàn của thành phố Nữ Ước, họ thuộc thành phần du đảng, cướp của, giết người v.v. tại thành phố chật chội này. Ông L. Trotsky rời cảng Nữ Ước trên chiếc tàu buôn SS Christiana, trực chỉ cảng Petrograd của Nga. Nhưng lúc tàu ghé bến cảng Halifax, tỉnh bang Nova Scotia thì ông ta và đoàn tùy tùng bị nhà chức trách Gia Nã Đại bắt giữ sau khi cảnh sát lên tàu khám xét hành lý. Cảnh Sát Gia Nã Đại cho biết lý do bắt ông L. Trotsky vì ông này mang thông hành chính thức của Mỹ nhưng lại là một công dân Nga. Hơn nữa, họ còn tìm được trên \$10,000.00 đô la tiền mặt giấu trong các va ly, một tấm chi phiếu trị giá 1 triệu đô được ký tặng cho ông V. Lenin, người ký là giám đốc ngân hàng chi nhánh Nữ Ước, ông William B. Thompson (1860-1941(?), công dân Mỹ gốc Anh-Do Thái), và cũng là hội viên cấp lãnh đạo thuộc ngân hàng Chase National Bank của ông John Davison Rockefeller, Jr (29/1/1874 - 11/5/1960), một chi phiếu khác ký cho ông V. Lenin vay một số tiền lên tới 20 triệu đô la, người ký là ông Jacob Henry Schiff (10/1/1847 - 25/9/1920, công dân Mỹ gốc Đức-Do Thái, tên thật Jakob Heinrich Schiff), một trong vài ông trùm của tập đoàn ngân hàng Mỹ Kuhn Loeb and Co; JP. Morgan Chase; Wells Fargo v.v., vài chi phiếu lật vạt khác từ những ngân hàng nhỏ của Anh; Đức hoạt động ở Mỹ cũng ký tặng hai ông V.

Lenin và L. Trotsky một số tiền lên tới 5 triệu đô la! Thế nhưng, chính phủ Mỹ đã ngầm ngầm vận động thẳng với triều đình nước Anh, vậy là lệnh từ Luân Đôn gửi qua thì chính quyền Gia Nã Đại chẳng còn lý do gì để cầm chân ông L. Trotsky ở bến tàu Halifax (Mười lăm năm sau, vào ngày 10/6/1932, một dân biểu Mỹ (Cộng Hòa) là ông Louis Thomas McFadden (25/7/1876 - 1/10/1936), Chủ Tịch Ủy Ban Hạ Viện về Ngân Hàng và Tiền Tệ Liên Bang (Chairman of the United States House Committee on Banking and Currency)... đã đem sự thật này ra trình bày trong 25 phút trước quốc hội của... chú Sam! Ông đã chỉ đích danh thủ phạm tiếp tay cho dịch họa cộng sản là các nhà tài chính ở Wall Street. Họ cấu kết với các ngân hàng trung ương ở Châu Âu, chuyển tiền cho Bolshevik làm cách mạng tại Nga với sự thông đồng từ Thống Đốc Đoàn của Tư Dụng Liên Bang (Board of Governors of the Federal Reserve, xin lưu ý là các thống đốc ngân hàng, không phải thống đốc tiểu bang, cơ cấu Tư Dụng Liên Bang (Federal Reserve) là do các ngân hàng tư nhân lập ra, chẳng phải của... chính phủ Mỹ dù nó có chữ “liên bang” dính trong đó). Dân biểu Louis Thomas McFadden còn vận động tổ chức điều tra vụ này sâu rộng hơn, và vì làm căng quá nên bốn năm sau ông bị chết thật bí ẩn trong một bệnh viện. Báo chí Mỹ từ đấy cũng không dám hó hé nhắc tới sự kiện này nữa... cho tới năm 1964, một cuốn sách được in ra để tố cáo hết các trò ma muôi của “chính phủ vô hình” tại Mỹ là cuốn “Chẳng Ngán Gọi Đó Là Phản Quốc” (None Dare Call It Treason, Liberty Bell Press, xb 1964). Tác giả là ông John A. Stormer, một cựu quân nhân trong Chiến Tranh Đại Hàn, nguyên Chủ Tịch Liên Đoàn Tuổi Trẻ Cộng Hòa Missouri (Chairman of the Missouri Federation of Young Republicans), ủy viên Ủy Ban Cộng Hòa Tiểu Bang Missouri (Republican State Committee of Missouri). Ông này khôn hơn, sau lúc sách được xuất bản và trở thành quả bom tấn nổ vang trong xã hội Mỹ thì ông bỏ... đi tu, thành một vị mục sư Tin Lành hiền khô từ thuở ấy. Thêm vào đó là báo chí Mỹ “nỗ lực” hướng dẫn dư luận chú tâm tới vấn đề Việt Nam (1964/1965) suốt ngày đêm, tội ác nhờ đó cũng bị lấp che vào quên lãng. Trong cuốn sách đó, nơi trang 28 tác giả ghi rằng: ... “*In 1916-1917, Leon Trotsky was in exile in America. In New York, he recruited, financed, and trained a cadre of gangsters and hoodlums. Transported to Russia, this hard core of cutthroat shock troops was used by Lenin and Trotsky to sieze control of the shaky Kerensky Republic*”... (“Trong 1916-1917, Leon Trotsky sống lưu vong ở Mỹ. Tại Nữu Ước, ông ta tuyển mộ, lo tiền, và huấn luyện cho một đám toàn du đảng và lưu manh. Chở tới Nga, bọn cô hồn cốt cán bạo binh chuyên cắt cổ này được Lenin và Trotsky dùng đoạt kiểm soát cái nền Cộng Hòa đang rung chuyển của Kerensky”). Ê chề hơn, ở trang 27 ông John A. Stormer còn phán một câu chắc nịch: ... “**Every Communist country in the world literally has a “Made in USA” stamp on it**”... (“**mỗi nước cộng sản trên thế giới thiệt ra nó được đóng dấu lên đó là “Chế Tạo tại USA**”).

Ngày 16/4/1917: Ông V. Lenin cùng 32 thuộc hạ đi xe lửa về tới Ga Phần Lan (Finland Station) ở Petrograd. Ông ta đến trên một toa tàu đặc biệt, bọc thép kiên cố và được canh gác, bảo vệ bởi một toán lính Đức đưa tới tận biên giới. Ông trở về Nga lần này công khai và kín đáo mang theo 10 triệu mác (marks) tiền Thụy Điển. Ngoài ra(marks) các

nhà tài chính khổng lồ ở Anh; Mỹ; Pháp; Đức cũng đã chuyển vô một ngân hàng Thụy Điển 22 triệu mác cho ông ta vay để... “lo toan” các hoạt động tại Nga, và còn dài dài. Nguồn tiền to lớn mà hai ông V. Lenin; L. Trotsky có để đi làm cách mạng đến từ: J.P. Morgan & Co. Rockefellers; Max Warburg; Alfred Milner - Rothschild; Harriman - Rockefeller - Vanderlip; Paul Warburg - Jacob Schiff; Goldman Sachs v.v. (trong vòng bốn năm từ 1918 tới 1922 sau khi “cách mạng” thành công, cộng sản Nga đã chuyển đợt đầu 600 triệu rúp (roubles) tiền vàng cho ngân hàng Kuhn. Loeb & Company của ông Jacob Schiff).

... (Vài dữ kiện về hội kín Fabian và Thợ Hồ Tự Do ở nước Nga: Trong một chừng mực nào đó, cộng đồng các sắc dân tại Âu Châu vẫn âm thầm coi dân Nga có nguồn gốc từ Đông-Bắc Á Châu (chủng Mongoloid phương Bắc), qua các đợt di dân về hướng Tây và Nam thời thượng cổ họ đã tiếp xúc, lai giống với chủng Caucasoid ở hướng Bắc và Đông - Châu Âu ngày nay. Định kiến đó cũng được dân Âu dành cho nước Thổ Nhĩ Kỳ ở hướng Đông-Nam Châu Âu. Người dân tại quốc gia này vóc dáng hơi giống như dân Âu, vẫn còn vài sắc tộc “cổ cự” Caucasus (Caucas), cũng nằm trong Khối Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (North Atlantic Treaty Organization - NATO) v.v. nhưng vẫn bị coi là gốc Á (chưa nói tới sự khác biệt trong tín ngưỡng), một xứ sở “trắng không ra trắng, vàng không ra vàng” cũng như dân Nga ở hướng Bắc. Trong thực tế, từ xa xưa cho tới nay xã hội nước Nga nói chung đời sống vẫn thấp hơn xã hội vùng còn lại của Âu Châu. Có một sự cách biệt rõ ràng trong giao tiếp văn hóa giữa hai xã hội, có thể ngoài vấn đề “chúng lai” còn có những bất lợi như lãnh thổ quá rộng lớn, nằm xa về hướng Bắc, giá lạnh, ngôn ngữ v.v. nên nước Nga tới nay vẫn còn đi sau Âu Châu trong nhiều lãnh vực, kể cả vấn đề... hội kín. Tính đến năm 1800, nước Nga chỉ có vài hội kín của thương nhân và thảo khấu, chưa có hội kín chống triều đình, tôn giáo, xã hội v.v. như tại Âu Châu. Tới năm 1814, những hội kín bạo động hoặc không bạo động ở Âu Châu mới có dịp len lỏi vào Nga, là lúc liên quân ba đế quốc Áo-Phổ-Nga phá vỡ phòng tuyến Ba Lê, Pháp ngày 30/3/1814. Sau một ngày của chiến thắng đó, Sa Hoàng Alexander I (23/12/1777 - 1/12/1825); Hoàng Đế (Phổ) Frederick William III (3/8/1770 - 7/6/1840); Hoàng Tử (Áo) Karl Philipp F. Schwarzenberg (18/4/1771 - 15/10/1820) cùng cỡi ngựa dẫn đầu đoàn quân chiến thắng đi vô kinh đô Ba Lê diễn binh trước mắt dân Pháp (riêng hoàng đế bại trận, Napoleon Bonaparte (15/8/1769 - 5/5/1821) sau đó bị đưa đi “an trí” ở đảo Elba, không xa bờ biển phía Tây Ý Đại Lợi. Ông ta “ngoan ngoan” ở đây đúng 300 ngày, trốn thoát về Ba Lê ngày 26/2/1815, tái lập quân đội và uy quyền, “tung hoành” thêm 100 ngày chinh chiến nữa mới chịu thua ở trận Waterloo ngày 18/6/1815. Lần này liên quân đầy ông Napoleon B. đi thật xa xuống tận ngoài khơi phía Tây-Nam Châu Phi. Cự hoàng đế Pháp sống ở đảo Saint Helena (thuộc Anh) và không ngờ mình bị đầu độc thạch tín, ông qua đời ngày 5/5/1821).

Theo sau vó ngựa của Nga trên đất Pháp là những nhà trí thức, khoa bảng, người giàu có và kể cả những kẻ phiêu lưu, bọn đầu cơ chính trị người Nga. Họ muốn tìm hiểu thêm về

nước Pháp nên đã tới và dĩ nhiên phải liên lạc, giao thiệp riêng với những người có cùng sự hiểu biết, có kiến thức thích hợp với mình. Qua sự giao tiếp, họ mới biết tới thế giới hội kín ở Âu Châu, có người được bí mật nhận làm hội viên và đem về Nga truyền bá trong xã hội. Đó là trường hợp của ba ông V. Lenin; L. Trotsky; J. Stalin v.v.

Từ năm 1814 đến 1914, trong lãnh thổ đế quốc Nga có khoảng 20 phân bộ (chi bộ), hơn 400 phân tổ (tiểu tổ hạ tầng cơ sở) của khoảng 5 hội kín khác nhau có tổng bộ tại Châu Âu. Riêng hội kín Thợ Hồ Tự Do ở Anh thì hoạt động mạnh nhất, có uy tín và ảnh hưởng nhất trong “làng” hội kín ở Nga. Từ năm 1860 về sau, hội Thợ Đá Tự Do đã lập hai phân bộ Ngôi Sao Phương Bắc (Northern Star Lodge) và Ngôi Sao Phương Nam (Southern Star Lodge) ở Nga, tổ chức thu nạp hội viên cũng như Âu Châu, kể có tiền hoặc có địa vị trong chính quyền thì nắm quyền lãnh đạo, kể có ăn học, trí thức, khoa bảng cũng ở trong nhóm chỉ huy nhưng có giai đoạn, họ sẽ bị đào thải sau khi bị tổ chức lợi dụng cho mục đích tuyên truyền, thu hút công chúng là giới nông dân, thợ thuyền, người ít học, bọn côn đồ vô lại, bọn phiêu lưu lợi dụng cách mạng để tiến thân. Cả ba nhân vật “lịch sử” nêu trên của cộng sản đều là hội viên Thợ Đá Tự Do, phân bộ Ngôi Sao Phương Nam từ năm 1890, sau đó là hội kín Sáng Tuệ vào khoảng năm 1895. Nói chung, cuộc Cách Mạng Nga 1917 dù được đánh trống thổi kèn là “công lao” của cộng sản Nga, nhưng thực chất là do sự dàn dựng của hội kín Anh và Mỹ, nhất là hội Fabian cũng như tài phiệt Mỹ đã bỏ tiền ra cho hai ông V. Lenin và L. Trotsky làm “cách mạng”. Có tới hàng chục bộ sách nói tới chuyện này, chẳng hạn như cuốn “Russia 1917” mà tác giả là ông George Katkov đã tóm tắt sự kiện đó như sau: *“There is no doubt,... that a widespread net of conspiratorial organizations modeled on Freemasons lodges worked for revolution in Russia, and played a decisive role in the formation of the first Provisional Government”* ... (“Không còn nghi ngờ gì nữa, đã có một mạng lưới lan tỏa trong các tổ chức âm mưu kiểu phân bộ Hội Đá Tự Do đã làm trong cách mạng ở Nga, và giữ một vị trí quyết định trong sự tạo ra Chính Phủ Lâm Thời lần thứ nhất”). (Trong bạn đọc có ai muốn tìm hiểu thêm về sự kiện nêu trên, cũng như về nền “Cộng Hòa” Pháp, sự ra đời của nước Mỹ, xin tìm đọc thêm nơi những cuốn tiêu biểu như: “Before the Storm”, Baron C. Wrangell - Rokassowsky, Italy, Tipo - Litografia Ligure. “Building Communism - American Opinion”, Gary Allen. “The Rockefeller Syndrome”, Ferdinand Lundberg, “The Rockefeller: An American Dynasty”, Peter Collier and David Horowitz).

Ngày 1/5/1917: Đề phô trương thanh thế, tạo thêm hỗn loạn hoang mang trong xã hội và cũng nhằm răn đe Chính Phủ Lâm Thời của Ông A. Kerensky, cộng sản Nga đã cho tổ chức nhiều cuộc biểu tình rầm rộ ở các thành phố lớn, đồng thời xúi giục tiếp tục đình công trong kỹ nghệ sản xuất và hỏa xa. Nhà cầm quyền càng thêm rối bời, bất lực dù đã cho biết sẽ có bầu cử vào ngày 25/11/1917 (ngày 1/5 mà cộng sản cho biểu tình ở đây được rêu rao bên ngoài là ngày “quốc tế lao động”, nhưng thật ra ở bên trong thì hai ông V. Lenin, L. Trotsky muốn gởi một tín hiệu báo tin cho hội kín Sáng Tuệ và Fabian biết họ đã sẵn sàng làm đúng theo ước muốn của hai hội này (thời cổ đại, có nhiều sắc dân ở

Tây và Nam-Âu thường tổ chức lễ hội, vui chơi đón ngày tàn Xuân lập Hạ (theo cách tính của lịch mặt trời là ngày 1/5). Hoa, quả trong các buổi lễ được họ dâng lên cho một thần nữ với ý nghĩa phụ nữ là hiện thân cho sự đơm hoa kết trái, sanh nở v.v. để bắt đầu cho một cuộc sống sung túc và ấm áp. Đến khi đế quốc La Mã thu phục những sắc dân đó, họ không dẹp bỏ phong tục này mà còn chấp nhận nó như một phần văn hóa của mình. La Mã vì thế có Nữ Thần Flora, tượng trưng cho các loại hoa, quả và mùa Xuân-Hạ. Nhưng tới ngày 1/5/1776 sau Tây lịch thì ông Adam Weishaupt thành lập hội kín Sáng Tuệ ở Phô (Đức), và ngày này lại trở thành ngày thiêng liêng của các hệ phái thuộc Sáng Tuệ cũng như Tam Điem về sau. Vào ngày 1/5/1886, ở quảng trường Haymarket thành phố Chicago Liên Bang Mỹ, một cuộc biểu tình ôn hòa và có diễn thuyết được tổ chức nhằm đòi hỏi quyền được làm mỗi ngày 8 giờ của giới công nhân. Cuộc biểu tình kéo dài tới ngày 4 tháng 5 với số công nhân tham dự lên tới hơn 300,000, cảnh sát buộc phải xuất hiện để giải tán. Một kẻ vô danh đã ném thuốc nổ vào toán cảnh sát có mặt nơi biểu tình làm chết 1 cảnh sát viên và hơn 50 thường dân bị thương. Cảnh sát Chicago bắt đầu nổ súng vào đám đông biểu tình, tới nay vẫn không có một con số rõ rệt về thương vong do cảnh sát gây ra. Ngày 14/7/1889, ở Ba Lê Quốc Tế Cộng Sản II ra nghị quyết công nhận ngày 1/5 là ngày lễ “Quốc Tế Lao Động”, đồng thời kêu gọi một cuộc biểu tình trên toàn thế giới vào ngày 1/5/1890 để tưởng niệm biến cố công nhân bị đàn áp ở Haymarket, Chicago nước Mỹ. Ngày lễ “**Quốc Tế Lao Động**” theo kiểu cộng sản bắt đầu có từ đây. **Và cho dù có biện minh cách nào đi nữa thì ngày 1/5 vẫn là ngày sinh cha đẻ của cộng sản, hội kín Sáng Tuệ).**

Từ tháng 5 đến tháng 9/1917: Các toán “xung kích quyết tử” của ông V. Lenin được tung ra hoạt động trong bí mật. Họ đã thực hiện hàng trăm vụ bắt cóc, thủ tiêu hoặc ám sát v.v. mà nạn nhân là những viên chức trong Chính Phủ Lâm Thời, trong các phe phái ôn hòa, dân túy mà cộng sản cho là... bọn “phản động”. Một làn sóng sợ hãi bao trùm lên các thành phố lớn ở Nga, nhất là tại Petrograd. Thủ tướng Kerensky phải nhượng bộ tới mức để cho cộng sản nắm luôn hai lực lượng quân sự ở Petrograd và Moscow (Mạc Tư Khoa). Có một số đông trong nghị trường đã từ chức, một số khác từ khước tham gia chính trường dù cuộc bầu cử đã gần kề. Những kẻ cầm đầu các toán “quyết tử” của ông V. Lenin chính là nhóm 275 người do ông L. Trotsky mượn và huấn luyện ở Mỹ. Toán “cô hồn cốt cán bạo binh chuyên cắt cổ” đó, sau sẽ trở thành cán bộ lãnh đạo trung kiên hàng đầu mà ông V. Lenin chọn để lập ra ba tổ chức sát nhân lớn nhất ở Nga là:

1. **CHEKA** (Chrezvychaynaya Komissiya - Ủy Ban Đặc Trách, Extraordinary Commission. Cheka là cách đọc tắt theo tiếng Nga, cơ quan này còn có tên khác là Ủy Ban Đặc Trách Toàn Nga về Chiến Đấu Chống Phản Cách Mạng và Phá Hoại - All Russia Extraordinary Commission for Combating Counter-Revolution and Sabotage);

2. **KGB** (Komitat Gosudarstvennoi Bezopasnosti - Committee for the State Security, Ủy Ban An Ninh Nhà Nước);
3. **GRU** (Glavnoye Razvedyvatelnoye Upravlenie - Soviet Military Intelligence, Tình Báo Quân Sự Sô Viết).

Trong tháng 10/1917: Khắp nước Nga gần như tê liệt, công nhân đình công, biểu tình liên miên, nông dân nổi loạn cướp những kho chứa lương thực, lính tráng lũ lượt đào ngũ v.v. Ông A. Kerensky cho phân phát vũ khí vào tay công nhân ở thành phố Petrograd để tự vệ, mà cán bộ cộng sản thì nhà máy nào cũng có nên thợ thầy vác súng theo cộng sản luôn.

Trong hai ngày 6 và 7/11/1917: Cộng sản đưa ra những đoàn biểu tình có vũ trang, khối đàn mịt mù khắp Petrograd. Ông A. Kerensky không dám ra mặt và buộc phải trốn khỏi thành phố. Sau đó vượt biên giới, bắt đầu cuộc sống lưu vong khi ông tới Pháp và ở đây tới năm 1940 (tại Pháp ông kết hôn với bà Lydia “Nell” Tritton, một cựu kỹ giả Úc Đại Lợi, năm 1940, trước mối đe dọa của Đức hai ông bà xin di dân tới Mỹ và định cư tại tiểu bang Pennsylvania. Năm 1945, hai người qua Úc Đại Lợi ở đến khi bà mất ngày 10/4/1946 thì ông trở về Mỹ. Ông Alexander Kerensky qua đời ở nhà riêng trong thành phố Nữ Ước ngày 11/6/1970. Một nhà thờ Chính Thống Nga ở đây từ khước việc làm lễ và mai táng ông. Họ cho rằng ông là hội viên hội kín Thợ Hồ Tự Do, hơn nữa ông cũng có một phần trách nhiệm vì để nước Nga rơi vào tay cộng sản. Một nhà thờ Chính Thống khác của di dân Nam Tư ở địa phương cũng không nhận làm lễ. Sau cùng thì hài của ông được máy bay chở tới Anh và ông được yên nghỉ tại xứ sở... lẩm “sương mù” này).

Ngày 7/11/1917: Nước Nga kể như hoàn toàn lọt vào tay hội kín Âu-Mỹ qua trung gian của nhóm “cộng sản toàn Nga” (bolsheviks), do một hội viên Sáng Tuệ và Thợ Đá Tự Do cầm đầu là ông V. Lenin.

Ngày 8/11/1917: Trong một bài diễn văn trước các đảng viên cao cấp, ông V. Lenin tuyên bố bãi bỏ quyền làm chủ đất đai. Tất cả đất của nông dân, địa chủ, kỹ nghệ, nhà thờ v.v. sẽ bị tịch thu và đặt dưới quyền kiểm soát của “nhà nước sô viết”. Cũng từ giai đoạn này, khối “cộng sản toàn Nga” bắt đầu vẽ ra bản sơ đồ về các ban, ngành, cục, phòng, sở, khối, ủy ban v.v. cho sự vận hành của đảng, dự kiến trong tương lai sẽ rất quy mô. ***Những người thiết kế về tổ chức nội bộ đảng dựa vào mô hình hoạt động của hội kín Sáng Tuệ thuở trước, nghĩa là “nhái” theo cách tổ chức của giáo hội Công Giáo La Mã từ trên xuống dưới***, họ chỉ cần thêm vào các cơ cấu mới để đáp ứng với nhu cầu thực tế, nhưng phải là một kiểu mẫu hợp lý nhất, hữu hiệu nhất không chỉ riêng cho đảng cộng sản Nga, mà còn cho những đảng cộng sản tại các nước khác trong tương lai. Tới thời ông J. Stalin, cấu trúc hoàn chỉnh về tổ chức nội bộ của đảng cộng sản Nga có thể

thấy được qua vài nét chính như sau: Nếu giáo hội Công Giáo có vị trí cao nhất là Đức Giáo Hoàng, thì đảng cộng sản có Tổng Bí Thư, cạnh giáo hoàng có một ban cố vấn với vài vị Hồng Y phụ giúp những vấn đề quan trọng, cộng sản có Bộ Chính Trị. Tòa thánh Vatican có một Hội Đồng Hồng Y, cộng sản cũng lập ra Ủy Ban Trung Ương Đảng. Cứ vậy mà “nhái” theo xuống tận cấp thấp nhất là Giáo Xứ với một vị Linh Mục, chịu trách nhiệm về phần hồn cho giáo dân trong khu vực mình, thì cấp thấp nhất của cộng sản là Bí Thư một Chi Bộ cấp xã. Nếu có ai muốn theo đạo Công Giáo, người đó cần phải học giáo lý về đạo với sự hướng dẫn của linh mục hay các thầy, các vị trong hội đồng giáo xứ địa phương, người học được gọi là tân tòng trong tương lai, lúc rửa tội phải lấy tên thánh người đỡ đầu thành tên thánh của mình. Ngược lại, ai thích cộng sản thì được gọi là cảm tình viên, muốn theo cộng sản phải học sơ đẳng về chính trị qua sự hướng dẫn của những đảng viên cấp ủy ở chi bộ cơ sở (xã), người theo học lúc này được gọi là đối tượng đảng, khi làm lễ tuyên thệ vào đảng thì tên người giới thiệu được ghi vô hồ sơ đảng tịch của người đó như một người đỡ đầu. Việc xưng tội giữa giáo dân và chủ chăn cũng được cộng sản “nhái” theo là tự phê (bình), tự kiểm (thảo) và hồ sơ ghi các “phê và kiểm” loại đó chỉ có cấp đảng ủy biết, cũng như sự phạm tội và sám hối của một giáo hữu khi kể ra chỉ có người linh mục đó biết mà thôi v.v. Do có những sự “hơi” giống nhau như vậy trong tổ chức giữa công giáo và cộng sản, nên có người cho rằng cộng sản chỉ là sự lộn trái lại của đạo công giáo mà người chủ xưởng ban đầu là ông Adam Weishaupt.

Ngày 14/1/1918: Sau khi đọc diễn văn ở hội trường Petrograd, ông V. Lenin ra xe ngồi phía sau tài xế, bất ngờ trong đám đông có người nổ súng bắn vào xe. Người ngồi kế bên dù bị thương vẫn cố gắng đè ông ta sát xuống sàn xe và nằm phủ lên trên, nhờ vậy ông V. Lenin mới thoát chết.

Đêm 16 rạng 17/7/1918: *Toàn gia đình Nga Hoàng Nicholas II (18/5/1868); Hoàng Hậu Alexandra Feodorovna Romanova (6/6/1872) đã bị ông V. Lenin ra lệnh giết chết và chôn xác phân tán nhiều nơi, không để lại dấu vết.* Ngoài hai ông bà, những người bị giết chung gồm có một hoàng tử, bốn công chúa, người liên lạc của vua, nàng hầu của hoàng hậu, trọn gia đình bác sĩ riêng và nguyên gia đình của người đầu bếp. Sau ngày thoái vị, 15/3/1917, gia đình cựu hoàng về sống ở Dinh Alexander thuộc thành phố Tsarskoye Selo, phía Nam Petrograd khoảng 24 km. Sau đó họ được “chính quyền cách mạng” đưa đi quản thúc tại Dinh Thống Đốc thành phố Tobolsk tỉnh Tyumenoblast. Ngày 30/4/1918, Ông V. Lenin chỉ thị đàn em đưa gia đình cựu hoàng Nga đến nhà (kỹ sư) Ipatiev tại thành phố lớn thứ tư của Nga là Yekaterinburg rồi ra lệnh giết hết vào ngày tháng nêu trên. Mãi tới năm 1979, nơi vùi xác những nạn nhân ấy tình cờ được tìm thấy bởi một nhà khảo cổ nhưng cộng sản Nga ra lệnh cấm không ai được nhắc tới chuyện này. Đến tháng 1/1998, di cốt các nạn nhân mới chính thức được khai quật ở vài địa điểm khác nhau, mẫu xương được gửi tới những phòng thí nghiệm để phân tích, so sánh DNA rồi được xác nhận đúng là của gia đình cựu hoàng Nicholas II. Ngày 1/10/2008, tòa Án Tối Cao của Liên Bang Nga (Russia Federation) mới công bố gia đình hoàng đế

Nicholas II là nạn nhân của hành vi đàn áp chính trị và phải phục hồi danh dự cho họ. (nhân chuyện tàn sát gia đình cựu hoàng đế Nga, chúng tôi xin ghi thêm vài chi tiết về cái chết của ông L. Trotsky để bạn đọc thấy thêm bản chất lợi dụng trí thức rồi đào thải hoặc “truy cùng, diệt tận” của những “con” người cộng sản. Sau ngày ông V. Lenin qua đời, phe “cộng sản toàn Nga” do ông J. Stalin cầm đầu khởi sự dùng mọi thủ đoạn để loại ông L. Trotsky ra khỏi quyền lực. Từ năm 1925 tới 1927, họ tập trung vây cánh phê phán ông L. Trotsky đủ chuyện, nhưng quan trọng nhất là họ đem các việc cũ ra kết tội ông ta:

- *Tội lớn nhất là “lập trường” không rõ ràng, “tư tưởng” không dứt khoát trước kẻ thù của “giai cấp vô sản” là tư bản.*
- *Tội lớn thứ hai là đi ngược lại “đường lối” đấu tranh của “đồng chí Lenin vĩ đại”.*
- *Tội lớn thứ ba là làm “chia rẽ” sức mạnh trong nội bộ đảng, làm chậm trễ ngày “thành công” của cách mạng v.v. và v.v.*

Ngày 20/10/1927, ông L. Trotsky bị mất ghế trong “bộ chính trị” và loại ra khỏi ủy ban trung ương đảng.

Ngày 12/11/1927, ông Trotsky bị tước “đảng tịch” (ra khỏi đảng) và toàn gia đình bị đưa đi “an trí ở thành phố Alma Ata, Kazakhstan vào ngày 31/1/1928 (ông J. Stalin không dám ra tay tàn độc vì uy tín và ảnh hưởng của ông L. Trotsky trong đảng cộng sản Nga còn rất lớn).

Ngày 5/2/1929, Gia đình ông L. Trotsky bị trục xuất ra khỏi nước Nga, cả nhà lên xe lửa đi tới thủ đô Istanbul Thổ Nhĩ Kỳ xin tạm trú.

Năm 1933, thủ tướng Pháp là Edouard Daladier (1884-1970) mời ông L. Trotsky đến Pháp sống với điều kiện không được đặt chân tới thủ đô Ba Lê. Ông L. Trotsky vui vẻ nhận lời, ông đến Pháp ở được hai năm thì dọn nhà đi Na Uy năm 1935. Năm 1937, vì cộng sản Nga làm áp lực “ngoại giao” nên chính phủ Na Uy “yêu cầu” ông ta nên rời khỏi nước họ. Cả Âu Châu thờ ơ, chỉ có duy nhất tổng thống Mễ Tây Cơ Lazaro Cardenas (21/5/1895 - 19/10/1970) thật lòng có lời mời nếu ông L. Trotsky không chê đất nước họ còn nghèo. Gia đình ông L. Trotsky xuống tàu đến Mễ Tây Cơ ngày 7/9/1937, họ sống trong một căn nhà kín cổng cao tường tại khu vực Coyoacan thủ đô Mexico City. Ở Mễ Tây Cơ chưa được bao lâu, trong năm 1938 ông L. Trotsky đã tuyên bố thành lập Đệ Tứ Quốc Tế Cộng Sản (the Fourth Communist International) và tố cáo nước Nga đã rơi vào tay “chủ nghĩa Stalin” (Stalinism-Stalinist). (Ở một nước Việt Nam xa xôi cũng có những người bị cuốn hút vào tinh thần cách mạng không bạo lực của Đệ Tứ Quốc Tế, rồi các vị ấy cũng bị phe cộng sản của ông Nguyễn Tất Thành dán cái nhãn là “Tờ-Rốt-

Kít” (Trotskyist-Trotskyism) và họ lần lượt bị ám sát, thủ tiêu, đó là các ông Phan Văn Hùm (1902-1946); Tạ Thu Thâu (1906-1945); Nguyễn An Ninh (1900-1943, chết trong tù Côn Đảo vì bị tù nhân cộng sản hành hạ). Tận bên Nga, J. Stalin chịu hết nổi nên quyết định bằng mọi giá phải giết cho được ông L. Trotsky, nói cho đúng hơn là giết người bịt miệng.

Ngày 5/5/1939, ông L. Trotsky dọn tới nhà mới số 19 Avenida Viena, cũng khu Coyoacan phía Nam thành phố, sau khi cho sửa sang lại để thành nơi cũng thuộc loại “kín cổng cao tường”.

Ngày 24/5/1940, toán cảm tử của ông J. Stalin đặt chân tới Mexico City, họ trang bị vũ khí gọn, nhẹ và được chỉ huy bởi tay đồ tể lòng danh của Nga là ông Iosif Romualdovich Grigulevich (5/5/1913 - 2/6/1988). Cuộc tấn công chớp nhoáng vào nhà ông L. Trotsky diễn ra trong ngày 24/5 đúng như kế hoạch nhưng thất bại vì ông ta thoát chết. Chưa nản, ông J. Stalin thực hiện tiếp lần ám sát thứ hai.

Ngày 20/8/1940, một sát thủ lọt vào tận văn phòng với cái búa rìu giấu trong người, ông L. Trotsky bị chém trúng một búa vào đầu nhưng vẫn kịp ôm và vật lộn với kẻ sát nhân. Tới lúc này thì người cận vệ bên ngoài cửa mới nghe tiếng động nên chạy vào tiếp cứu, anh ta không chế được thủ phạm và toan bắn chết thì ông L. Trotsky đưa tay cản: ... **“đừng giết hẳn, hãy để hẳn trả lời trước pháp luật cho công chúng biết mặt thật của kẻ sai hẳn đến đây”** Chính phủ Mỹ Tây Cơ đã cấp tốc đưa ông L. Trotsky vô bệnh viện cứu chữa, nhưng vì vết thương quá nặng và bị mất nhiều máu nên ông qua đời ngày hôm sau, 21/8/1940. Riêng sát thủ Ramon Mercader (7/2/1913 - 18/10/1978, gốc cộng sản Tây Ban Nha được Nga tuyển chọn) bị tòa án Mỹ Tây Cơ kết tội sát nhân chính trị và lãnh 20 năm tù. Sau khi mãn án, năm 1961 ông R. Mercader về đến Nga và được ông Nikita Khrushchev đón tiếp trang trọng, được thưởng “Huân Chương Lenin”, được KGB phong danh hiệu là “Anh Hùng Liên Bang Sô Viết”).

30/8/1918: Ông V. Lenin đến dự một cuộc hội thảo của công nhân tổ chức ở hội trường Moscow. Lúc bước ra ngoài chuẩn bị lên xe đi về ông bị một phụ nữ bắn ba phát vào người. Viên đạn thứ nhất trúng cánh tay, viên thứ hai chạm nhẹ dưới cằm và ghim vào cổ, viên thứ ba trúng một người đàn bà bên cạnh. Ông ta được cấp tốc đưa về phòng riêng của mình trong Điện Cẩm Linh ở Mạc Tư Khoa (Moscow Kremlin Palace). Các bác sĩ Nga cố gắng cứu được mạng ông ta nhưng đầu đạn vẫn còn nằm trong cổ, tới ngày 24/4/1922, đầu đạn mới được lấy ra nhờ cuộc giải phẫu của một bác sĩ Đức nổi tiếng, từ đó về sau sức khỏe ông V. Lenin suy yếu hẳn và phải ngồi trên xe lăn đến khi qua đời vào ngày 21/1/1924. (Cũng như các “lãnh tụ” khác của cộng sản, ông V. Lenin chết đi cũng để lại nhiều huyền thoại. Đối với chúng tôi, huyền thoại lớn nhất mà ông V. Lenin tạo ra là một câu trả lời của ông vào năm 1922 trước câu hỏi hóc búa từ đảng viên là... **“tại sao tư bản yểm trợ chúng ta?”** Ông V. Lenin đã nói lấp liếm như sau: ... **“Quan**

trọng nhất, chúng ta cần phải ổn định kinh tế của mình. Nếu không có máy móc, phương tiện của tư bản, chúng ta khó hoàn thành trong thời gian ngắn về ‘thí nghiệm’ này. Khi tới thời điểm treo cổ bọn tư bản, chúng sẽ vì ham lợi mà giành nhau bán cho chúng ta sợi dây thòng lọng. Trước mắt tư bản sẽ cung cấp phương tiện qua sự yểm trợ kỹ thuật và dụng cụ mà chúng ta không có, bọn chúng sẽ xây dựng kỹ nghệ chiến tranh cho mình để các cuộc chiến đấu trong tương lai chúng ta mới có riêng nguồn tiếp liệu. Nói cách khác, bọn tư bản đang làm cái việc sửa soạn cho cái chết của chính họ....” Đây là huyền thoại lớn nhất không những của ông V. Lenin mà còn của các “lãnh tụ” cộng sản vì:

(A): Hội kín Sáng Tuệ, Thợ Đá Tự Do, Tam Điểm v.v. dưới lớp áo “tư bản” đã đưa vốn cho “quốc tế cộng sản” lập ra nơi thí nghiệm (ở Nga) là để so sánh với xã hội “cộng sản quốc tế” (ở Mỹ), cũng do họ lập ra từ năm 1776. Hội kín (tức “tư bản” Âu Châu) sẽ theo dõi cả hai thứ cộng sản này, giữa chế độ toàn trị tuyệt đối (Nga) và chế độ toàn trị có giới hạn (Mỹ) nhằm tìm ra cũng như tích lũy được sự lợi và hại giữa hai xã hội đó để đi từng bước tới tham vọng thiết lập một chính phủ toàn cầu (hội kín đã lập ra nào Hội Quốc Liên (Liên Hiệp Quốc sau này); Tòa Án Quốc Tế; Ngân Hàng Thế Giới; Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế; Cảnh Sát Quốc Tế v.v. cũng trong âm mưu toàn cầu hóa). Vì thế các đảng cộng sản “lon ton” khác chỉ là thứ tay sai nằm trong cuộc thí nghiệm đó (cộng sản ở Việt Nam là một điển hình), họ không đi làm “cách mạng” để cứu người giúp đời như đã rêu rao, họ là những kẻ lợi dụng vào thế thời hỗn loạn (do hội kín tạo ra) để làm “cách mạng” cho chính bản thân mình, nếu may mắn còn sống và thành công thì sẽ có được quyền lực trong xã hội. Những chữ như “độc lập, tự do, hạnh phúc, giải phóng v.v.” chỉ là cục mồi tuyên truyền, dụ dỗ những người nhẹ dạ.

(B): Một khi “tư bản” bỏ ra số vốn lớn như vậy cho “vô sản” (V. Lenin) làm thí nghiệm (như lời ông ta thú nhận), dĩ nhiên họ phải nắm chắc cái đầu của anh “vô sản” đó, từ phần hồn tới phần xác. Và đã gọi là thí nghiệm thì kẻ bỏ tiền ra sẵn sàng dẹp bỏ vấn đề “nghiên cứu” đó bất cứ lúc nào. Sau hơn 70 năm làm “thí nghiệm”, hội kín chỉ thấy toàn hận thù, ngu dốt, lừa dối, yếu kém, oán than v.v. trong xã hội toàn trị của “quốc tế cộng sản”, hơn thế nữa, việc “thí nghiệm” đã vượt khỏi tầm kiểm soát của họ với sự ra đời của cộng sản Tàu và Bắc-Hàn, nên “tư bản” hội kín phải dẹp bỏ cái “lò thí nghiệm” máu me đó từ ngày 9/11/1989 (ngày bức tường Bá Linh bị đập bỏ) đến ngày từ chức 25/12/1991 của ông Mikhail Sergeyevich Gorbachev (Cộng Hòa Liên Bang Xã Hội Chủ Nghĩa Sô Viết-Nga bị giải tán). Nói tóm lại, từ các ông Joseph Vissarionovich Stalin (18/12/1878 - 5/3/1953); Nikita Sergeyevich Khrushchev (15/4/1894 - 11/9/1971); Leonid Ilyich Brezhnev (19/12/1906 - 10/11/1982) cho tới mấy ông như M. K. Gorbachev; Ronald Wilson Reagan (6/2/1911 - 5/6/2004); George Herbert Walker Bush; Boris Nikolayevich Yeltsin (1/2/1931 - 23/4/2007); William Jefferson “Bill” Clinton; Vladimir Vladimirovich Putin, v.v. chỉ là những con cờ mà “tư bản” chọn đưa ra cho tiến trình “thí nghiệm” và “thí bỏ” của họ bởi những kẻ vừa nêu tên đều nằm trong các hội kín như

Sáng Tuệ; Tự Do; Tam Điểm v.v. mà đầu não của nó nằm ở một xứ sở “sương mù” là triều đình nước Anh và “ngân hàng” Thụy Sĩ. Kính thưa vong linh ông V. Lenin: Nếu ông đã thừa nhận mình (Nga) làm “thí nghiệm” nhờ tiền của “tư bản”. Vậy làm sao ông có thể treo được cổ bọn “tư bản” chứ? Đúng là chuyện huyền thoại, cũng như “chuyện huyền thoại” về một anh Nguyễn Tất Thành lang bạt đi... “tìm đường cứu nước” với tờ đơn xin vô học trường đào tạo công chức của thực dân Pháp, “chuyện huyền thoại” cũng như đảng cộng sản của ông ta “giành độc lập” và “giải phóng” quê hương với kết cuộc như hiện nay vậy! Thật là điểm nhục và ê chề cho những “danh nhân”, “vĩ nhân” một thời được nhân loại tôn xưng!

Ngày 2/3/1919: Ông V. Lenin tuyên bố sự thành lập Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản, văn phòng đặt ở khách sạn Lux, thành phố Mạc Tư Khoa (the Third Communist International, ngắn gọn hơn có thể đọc Comintern Đệ Tam, là chữ ghép lại từ chín mẫu tự đầu của hai danh từ vừa kể). Ngay lập tức, Quốc Tế Cộng Sản 3 có nhiều tổ chức khắp thế giới xin gia nhập và trở thành hội viên, họ thuộc các nước sau đây:

Đảng Xã Hội Anh;
Đảng Lao Động Xã Hội Anh;
Công Nhân Kỹ Nghệ Thế Giới Anh;
Công Nhân Kỹ Nghệ Thế Giới Úc Đại Lợi;
Công Nhân Kỹ Nghệ Thế Giới Mỹ;
Liên Hiệp Công Nhân Kỹ Nghệ Quốc Tế Mỹ;
Đảng Lao Động Xã Hội Mỹ;
Đảng Xã Hội Mỹ;
Hội Spartacus Đức;
Đảng Cộng Sản Áo và Đức;
Đảng Công Nhân Cộng Sản Hung Gia Lợi;
Đảng Cộng Sản Ba Lan;
Đảng Cộng Sản Phần Lan;
Đảng Cộng Sản Estonia;
Đảng Cộng Sản Latvia;
Đảng Cộng Sản Lithuanian;
Đảng Cộng Sản Byelorussia;
Đảng Cộng Sản Ukraine;
Đảng Dân Chủ Xã Hội-Tiếp Khắc;
Đảng Dân Chủ Xã Hội và Lao Động Bảo Gia Lợi;
Đảng Dân Chủ Xã Hội Lỗ Ma Ni;
Đảng Dân Chủ Xã Hội Nam Tư;
Đảng Cánh Tả Dân Chủ Xã Hội Thụy Điển;
Đảng Lao Động Na Uy;
Nhóm Klassekampen Đan Mạch;

Đảng Cộng Sản Hòa Lan;
Đảng Lao Động Bỉ;
Các nhóm phái Xã Hội và Liên Kết Pháp;
Đảng Dân Chủ Xã Hội Thụy Sĩ;
Đảng Xã Hội Ý Đại Lợi;
Đảng Công Nhân Xã Hội Tây Ban Nha;
Đảng Xã Hội Bồ Đào Nha;
Những tổ chức “công nhân cách mạng” của Ái Nhĩ Lan;
Vài nhóm thuộc phái Xã Hội Nhật Bản;
Đảng Công Nhân Xã Hội Trung Hoa;
Liên Hiệp Công Nhân Đại Hàn v.v. và v.v.

Quốc Tế 3 sau này vẫn tiếp tục có thêm hội viên mới, kể luôn Đảng Cộng Sản ở Việt Nam, trước khi Quốc Tế 3 tuyên bố ngưng hoạt động vào ngày 15/5/1943 vì lý do đang bận đánh Phát Xít Đức. Trong thực tế, Đệ Tam Comintern sau năm 1945 vẫn âm thầm hoạt động vì tôn chỉ (bị) của nó là “yểm trợ cách mạng thế giới” và “cộng sản hóa toàn cầu”. Có như vậy nên từ năm 1945, cả cộng Tầu lẫn cộng Việt mới có súng đạn để đi làm loạn. Cơ cấu mà Quốc Tế Cộng Sản 3 thành lập để thế họ làm tiếp công việc đó là Cục Thông Tin Cộng Sản (the Communist Information Bureau Cominform), thành lập ngày 5/10/1947 tại thủ đô Warsaw Ba Lan. Tới năm 1956, Cominform âm thầm dọn văn phòng về Nga hoạt động đến năm 1980 thì giải tán.

Ngày 21/4/1921: Đệ Tam Quốc Tế Cộng Sản cho thành lập ở Mạc Tư Khoa một Ủy Ban Phương Đông (the Eastern Committee, có người gọi là Đông Phương Bộ) và Trường Đại Học Thợ Thuyền Phương Đông (the Eastern Worker University, the University of the Toilers of the East, cũng có người ghi là Trường Đại Học Công Nhân Phương Đông), hiệu trưởng là ông Karl Bernhardovic Radek (31/10/1885 - 19/5/1939) và có hơn 130 giảng viên chính trị. Trường này tới ngày 21/10/1921 mới chính thức “khai giảng”, nó chiếm một diện tích gần bốn mẫu tây bao gồm một nhà thờ (bị tịch thu) làm hội trường chính, 6 dãy nhà cho “học viên” lưu trú dài hạn trong hơn hai năm, khu nhà bếp, nhà vệ sinh, bệnh xá, nhà kho, một thư viện có hơn 40,000 cuốn sách chọn lọc (tuyên truyền là chính), trường còn được cấp riêng một miếng đất rộng khoảng 50 mẫu tây, cách Mạc Tư Khoa chừng 60 km hướng Đông Nam để “học viên” phải... “vừa học vừa làm” mà có lương thực nuôi chính mình. Ngày khai giảng trường này có khoảng 800 học viên thuộc hơn 50 sắc dân trên thế giới, nhưng nhiều nhất vẫn là gốc Đông-Á rồi tới Trung-Á; Trung-Nam Châu-Mỹ; Bắc Châu Phi và Đông Châu Âu. Những người học tại đây được nuôi ăn, cấp áo quần miễn phí, mỗi tháng còn được cấp mỗi người 5 rúp để tiêu xài vặt bên ngoài, học viên cũng lập ra một tờ tuần báo là tờ “Người Phương Đông” (the Easterner). Phí tổn hoạt động cho trường này, mỗi năm Đệ Tam Quốc Tế chi ra một số tiền hơn nửa triệu rúp (một số tiền khá lớn vào thời đó). “Tài liệu học tập” quan trọng nhất ở trường “đại học” này là phương pháp lý luận, nghĩa là nhồi nhét vào đầu người

học cách nói chuyện thật hay, hay đến mức “một kẻ đàn độn “tốt nghiệp” ở đây có thể nói như một nhà thông thái” về “Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật sử quan” (the Materialism dialectics and Materialism historic). Những bài học kế tiếp là dạy cách đi làm... cách mạng mà không cần bằng cấp khoa bảng, chẳng cần vốn liếng trí thức căn bản mà chỉ cần biết khéo léo xúi người khác gây biến loạn giùm mình. Những bài học kế theo là phương thức tổ chức nhân sự, từ các tổ, toán, nhóm ở cấp thấp nhất lúc ban đầu cho đến các phường, hội, mặt trận, lên tới khung sườn của một đảng chính trị về sau. Cách thiết kế một khung sườn của đảng cũng đòi hỏi sự hiểu biết về sắp đặt chông chéo, đan kẽ nhau, cái này kiểm soát được cái kia, cái kia theo dõi cái nọ mà không có cái nào biết được mình cũng đang bị theo dõi. Khi khung sườn của tổ chức (đảng) đã thành tựu, đảng viên chỉ bám vào đó để hoạt động, sự vận hành của toàn hệ thống cứ vậy mà chạy đều đều. Đảng viên nào đi lệch hướng của cấu trúc chắc chắn sẽ bị lãnh một hậu quả khốc liệt, không những cho mình mà cho cả người thân, vì họ bị ràng buộc bởi những lời thề độc địa, dễ sợ nhất lúc tuyên thệ vào đảng. Cạnh các “bài học” nêu trên còn có dạy những cách làm khủng bố, từ khủng bố trắng (công khai) qua tới khủng bố đen (bí mật) và khủng bố xám (xúi kẻ khác làm giúp) và khủng bố không nhất thiết phải bằng mã tấu, súng đạn hay thuốc nổ mà trà trộn vào hàng ngũ địch, viết văn, làm báo, nghệ thuật v.v. nhằm đối kháng với địch cũng là một hình thức khủng bố, khủng bố bằng văn hóa v.v. và v.v. Trường Đại Học Thợ Thuyền Phương Đông hoạt động tới cuối năm 1939 thì đóng cửa. Đóng cửa vì nhu cầu phát triển đô thị của Mạc Tư Khoa, nên trường phải phân tán về thủ đô các nước chư hầu trong Liên Bang Xô Viết, nấp dưới nhiều tên khác nhau để tiếp tục dạy cách đi làm cách mạng bằng bạo lực, tới năm 1970 nó mới chính thức bị dẹp vì Liên Xô đã hết sạch tiền. Những người Việt Nam trong thời hỗn loạn đó vào đây học cũng đông, ví dụ như:

Ông Nguyễn Tất Thành (nấp dưới tên chôm là Nguyễn Ái Quốc) khóa 1922-1924;
Trần Phú (1904-1931) khóa 1927-1930;
Lê Văn Dục (Lê Hồng Phong, 1902-1942) khóa 1928-1931;
Hà Huy Tập (1906-1941) khóa 1929-1932;
Nguyễn Thị Vịnh (Nguyễn Thị Minh Khai, 1910-1941) khóa 1934-1936;
Trần Văn Giàu (1911-2010) khóa 1931-1933;
Bùi Công Trừng (1905-1986) khóa 1927-1929;
Dương Bạch Mai (1904-1964) khóa 1929-1932 v.v.

[Trang này bỏ trống]

KẾT LUẬN

oOo

Những người kể trên, là những cá nhân nổi bật nhất trong giai đoạn tiên khởi đã thiết kế nên khung sườn cho đảng cộng sản ở Việt Nam, mà lớp đảng viên hậu thế mới có chỗ bám vào đó để tàn phá, đục khoét đất nước đến tận hôm nay, 2012. Trừ ông Nguyễn Tất Thành, những người còn lại trong nhóm kể trên đều là kẻ có học (trường Tây, trường Tàu) trước khi là người “cộng sản”. Nhưng trước tất cả, họ là những người thật sự có tấm lòng đối với quê hương lúc dân tộc bị lâm than, tui nhục dưới cái ách thực dân. Những vị đó đã hiến dâng trái tim, lý tưởng của mình một cách chân thành khi đi tìm một phương kế có thể đập tan xích xiềng của kẻ thống trị trên đất nước. Tiếc thay họ đã trao đời mình cho một “học thuyết” không bao giờ có thật, một kịch bản dàn dựng về “chủ nghĩa” được bàn tay phù thủy của hội kín Áu Châu vẽ vờ ra dưới ngòi bút cao ngạo của ông trí thức Karl H. Marx, và chính ông này tới lúc nhắm mắt cũng còn ngây thơ không biết kiến thức mình bị lợi dụng, bị lừa. Vì là trí thức, nên phải biết ý thức giữa đúng và sai, việc nào thiện và điều gì là ác. Đối với “cộng sản”, đã có học thức và còn nhận thức được Chân-Thiện-Mỹ của lẽ sống, dứt khoát người đó không thể chung đường với kẻ nương theo lửa cách mạng và dùng bạo lực để mưu tìm quyền lực. Vì lẽ đó, các vị nêu trên đã bị những kẻ vô lại, lưu manh lợi dụng giai đoạn đầu đến khi khung sườn của tổ chức đã thành hình, sau đó họ bị chúng mượn tay thực dân Pháp loại ra dần bằng các thủ đoạn bần tin cho địch biết nơi cư trú, nơi hội họp, chỗ lui tới, nguồn gốc bản thân, hoặc lợi dụng vào chữ “lập trường” để bỏ tù, giết lén, bỏ đói, cô lập (tới đời con cháu) v.v. như Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947); Phan Khôi (1887-1959); Hữu Loan (1916-2010); Nguyễn Mạnh Tường (1909-1997) v.v. Và dù có những trí thức nào đó còn giữ lại trong nội bộ thì cũng bị vô hiệu hóa, có chức danh to nhưng chẳng có thực quyền, đó là trường hợp của các ông Võ Giáp (Võ Nguyên Giáp); Trần Văn Giàu; Bùi Công Trùng; Trương Gia Triều (Trần Bạch Đằng (1926-2007); Nguyễn Văn Trán (1914-1998); Dương Bạch Mai (chết vì thuốc độc khi dám nói trước “quốc hội”: ... “đảng cai trị đất nước như kiểu trại lính”...), v.v.

Nói tóm lại cho gọn, ***con đường mà ông Nguyễn Tất Thành (Hồ Chí Minh 189?-1969) đi “tìm đường cứu nước” quả là con đường bi đát cho cả một dân tộc.*** Theo sau ông gồm những học trò không cần học thêm chữ như Nguyễn Công Viễn (Lâm Đức Thọ, 1890-1947); Nguyễn Trọng Cảnh (Trần Quốc Hoàn, 1916-1986); Nguyễn Kim Thành (Tố Hữu, 1920-2002); Phan Đình Khải (Lê Đức Thọ, 1911-1990); Đặng Xuân Khu (Trường Chinh, 1907-1988); Lê Văn Nhuận (Lê Duẩn); Nguyễn Công (Đỗ Mười); Phạm Văn Thiện (Phạm Hùng, 1912-1988); Lê Đức Anh; Văn Tiến Dũng (1917-2002) v.v. Cái đảng mà các ông giương cờ đỏ đi trên máu xương của giống nòi, cấu trúc của nó từ đầu được thiết kế theo khuôn mẫu ở Nga, mà Nga thì học theo sự hướng dẫn của ông Adam Weishaupt và ông này đã nói... ***“chỉ có bạo lực mới chiếm được quyền lực”***.... Vì thế cái đảng “cộng sản” mà ngày nay đang tiếp tục đè đầu dân tộc Việt Nam, từ nguyên thủy, nó đã được tạo ra vì mục đích bạo lực thì mỗi ngày càng tích lũy thêm nhiều bạo lực, cuối

cùng sẽ thành nơi tập trung, ẩn nấp của một thiểu số nhiều mưu trí và tàn độc nhất chỉ biết duy trì bạo lực để tồn tại. Với nguyên tắc đối kháng là: số ít dùng bạo động để thu phục số đông, vì vậy, cái đảng đó buộc phải đi tới giai đoạn chót là sẽ đối diện với số đông tới phiên mình lấy bạo động khuất phục số ít! Nhưng khổ cho các ông là càng sợ vì tội ác thì càng bám chặt vào cái khung sườn đó. Và càng ôm cứng thì sự lừa dối thêm chồng chất, tội ác cũng dày thêm cho tới lúc các ông ra đi. Hôm nay cái khung sườn mục nát ấy, cái cỗ máy bạo hành có từ thế kỷ thứ 18 đó, dù được vá vúi, bung bít, che đậy, sơn phết đủ thứ lên trên nhưng nó không thể che dấu được một sự thật là, càng ngày người ta càng thấy có thêm nhiều những hành động côn đồ, phi luân, vô liêm sỉ, từ bọn du côn thuê mướn ngoài đường cho tới lớp chóp bu trong đảng, những kẻ ngồi ghế “lãnh đạo” của quốc gia và ngồi trên đầu của một dân tộc. Một đảng được lập ra với nền tảng là lừa dối và bạo tàn, đương nhiên từ dưới lên đến nóc cũng phải “xây dựng đảng” theo “đường lối” gian manh và tàn bạo. Còn gì để nói nữa?

Còn chó! Hôm nay, 2012, những “cán bộ” cao cấp trong đảng cộng sản ở Việt Nam, như “truyền thống”, họ giữ luôn các chức vụ cấp cao trong “chính quyền” dân sự, cũng là cánh tay bên ngoài của đảng. Lớp người này phần lớn là con là cháu của thế hệ “cán bộ” thời đảng mới tượng hình, hoặc thời chiến tranh từ 1945 đến 1975. Đó là những Nông Đức Mạnh; Tô Huy Rứa; Đỗ Hữu Ca; Nguyễn Tấn Dũng; Nguyễn Phú Trọng; Phan Văn Khải; Nguyễn Minh Triết v.v. mà tư cách, trình độ, khả năng của họ ra sao thì dư luận thế giới cũng đã thấy rõ rồi: “họ là những “đại diện” tiêu biểu cho “chính phủ” của một quốc gia, cũng chức tước rành rang, cũng “com lê cà vạt” đảng hoàng nhưng họ không che giấu được bản chất lưu manh, côn đồ hạ cấp trong giao thiệp và lời ăn tiếng nói”. Họ được đảng cho kế thừa và núp bóng theo “sự nghiệp” cách mạng của cha, chú họ trong quá khứ mà cha, chú họ đã sai lầm và tạo nhiều tội ác từ ngày cộng sản có mặt ở Việt Nam. Vì lẽ đó, sai lầm cứ nối theo sai lầm, nói láo-làm dối vẫn tiếp tục tạo ra sự gian trá và nguy hiểm, tội ác cứ triền miên sinh ra tội ác v.v., và tới nay những tai họa ấy đã chiếm hết các ngõ ngách trong nội bộ đảng, tệ hại hơn, nó còn lây nhiễm ra toàn xã hội mà người dân Việt Nam phải gánh chịu trong nhục nhã trước công luận quốc tế. Vậy mà, những người được coi là cấp “lãnh đạo” trong đảng, dù đã thấy hết sự thật cay đắng và ê chề trong “lịch sử” của đảng, nhưng họ vẫn cứ tiếp tục tung hô “bác và đảng” đã có công “giành độc lập, giải phóng” đất nước, “đảng là nơi quy tụ những đứa con trung thành và xuất sắc nhất tổ quốc, “đảng luôn bảo vệ quê hương tổ quốc” và “kẻ thù nào cũng đánh thắng” v.v. và v.v!

Để kết thúc bài biên khảo này, chúng tôi có một câu hỏi thật ngắn, rất đơn giản, để xin hỏi hết tất cả đồng bào Việt Nam và kể cả những đảng viên cộng sản đang hoạt động trên đất nước này. Câu hỏi ấy chắc chắn trong lương tâm từng người dân nước Việt sẽ có câu trả lời, cũng như sẽ thấy chân tướng thật sự đảng là ai?

“NẾU ĐẢNG CỘNG SẢN Ở VIỆT NAM QUẢ QUYẾT RẰNG: SỰ RA ĐỜI VÀ TỒN TẠI CỦA ĐẢNG LÀ DO BIẾT GIƯỜNG CAO NGỌN CỜ YÊU NƯỚC, ĐÃ HY SINH

VÀ CHIẾN ĐẤU VÌ DÂN, VÌ NƯỚC. NÊN ĐẢNG RẤT XỨNG ĐÁNG LÀ NGƯỜI TIẾP TỤC LÃNH ĐẠO VÀ XÂY DỰNG TỔ QUỐC VIỆT NAM”.

“VẬY THÌ NGAY LÚC NÀY ĐÂY, CHÚNG TÔI, NHỮNG NGƯỜI DÂN NƯỚC VIỆT, YÊU CẦU ĐẢNG CỘNG SẢN Ở VIỆT NAM HÃY CHỨNG MINH, HÃY TRUNG BẰNG CỐ ĐỀ CHÚNG TÔI THẤY LÒNG YÊU NƯỚC ĐÓ NHƯ TRONG QUÁ KHỨ MÀ ĐẢNG NHIỀU LẦN XÁC NHẬN”? HÃY TRẢ LỜI ĐI!

“NẾU KHÔNG CHỨNG MINH ĐƯỢC BẰNG LỜI NÓI HAY HÀNH ĐỘNG, THÌ LÚC THÀNH LẬP CHO TỚI HÔM NAY, ĐẢNG CỘNG SẢN TẠI VIỆT NAM KHÔNG HỀ CÓ LÒNG YÊU NƯỚC, CHẴNG CÓ TÌNH NGHĨA GÌ ĐỐI VỚI QUÊ HƯƠNG DÂN TỘC, MÀ ĐẢNG THẬT RA CHỈ LÀ MỘT PHƯƠNG TIỆN, LÀ NƠI TẬP TRUNG NHỮNG KẸ LƯỜNG GẠT, LỢI DỤNG LÒNG YÊU NƯỚC CỦA ĐỒNG BÀO RỒI CƯỚP ĐOẠT ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM CỦA CHÚNG TÔI”!

Kính thưa bạn đọc,

Chúng tôi là những người lính, tuổi thanh xuân phải bước ra chiến trường lửa đạn và tiếp theo là tù đày khổ sai vì cộng sản, vốn liếng trí thức vì thế chẳng được cao rộng như những người may mắn được học hành đầy đủ ở hậu phương.

Chúng tôi tuy cố gắng hết mình để hoàn tất bài biên khảo này, nhưng chắc chắn vẫn có nhiều thiếu sót trong việc tham khảo, tìm kiếm tài liệu v.v. để ghi chép cho đầy đủ như chúng tôi mong muốn. Xin bạn đọc thông cảm, lượng thứ cho các chi tiết, dữ kiện nào đó mà chúng tôi ghi chép thiếu hoặc không chính xác. Chúng tôi rất mong muốn nhận được sự đóng góp những ý kiến của quý vị, hãy lên tiếng nếu có người thấy được chỗ nào sai để bài biên khảo này được hoàn chỉnh hơn, được đầy đủ thêm nữa cho thế hệ trẻ có điều kiện hiểu rõ hơn về giai đoạn khốc liệt nhất, tang thương nhất trong lịch sử Việt Nam. Chúng tôi cũng mong quý vị cùng giúp sức phổ biến bài biên khảo này đến khắp chốn, nhất là giúp đưa đến tận tay đồng bào ở trong nước, nơi rất thiếu thốn các tài liệu, dữ kiện v.v. để biết thêm về nguồn gốc thật sự của cộng sản ở Việt Nam.

Riêng vấn đề sách tham khảo (liệt kê phía dưới), các loại sách mà chúng tôi có sẽ không bao giờ có trong các thư viện chính thức của những “chính phủ” ở Âu Châu và nước Mỹ. Đơn giản chỉ vì chẳng có thứ chính phủ nào muốn dân chúng biết được các thủ đoạn đen tối của họ, vì vậy sách chúng tôi có là do mua tại tiệm, mua trên mạng toàn cầu và tác giả là những trí thức, học giả, khoa bảng tên tuổi nổi bật qua các công trình nghiên cứu riêng của họ, mà nhà cầm quyền cấm không đưa vào thư viện. Cách tốt nhất, bạn đọc có thể tìm theo tựa sách để xem trên mạng, nếu muốn mua riêng hãy liên lạc với tác giả nơi trang nhà của tựa sách.

Chào kính trọng.

*Chép xong trong đêm tầm tối 30 tháng 4, rạng sáng ngày 1 tháng 5/2012.
Thay mặt nhóm biên soạn.
Biệt Động Quân Đổ Như Quyên.*

NGUỒN THAM KHẢO: Để tìm hiểu thêm về vấn đề hội kín Âu-Mỹ mà chúng tôi trích dẫn, ngoài các tựa sách đã ghi trong nội dung, xin đọc thêm ở những cuốn:

1. *Prince of Darkness*, Grant R. Jeffrey, 1994.
2. *And the Truth Shall Set You Free*, David Icke, 2001.
3. *The Biggest Secret*, David Icke, 2000.
4. *Secret Societies of Americas Elite*, Steven Sora, 2003.
5. *Conspiracies and Secret Societies*, Brad Steiger và Sherry Steiger, 2006.
6. *Secrets of the Temple*, William Greider, 2007.
7. *Up Against the American Myth*, Tom Christoffel-David Finkelhor-Dan Gilbarg, 1970.
8. *Who Stole The American Dream?*, Burke Hedges, 1992.
9. *Wake-Up America*, Robert L. Preston, 1975.
10. *Who Rules America?*, William G. Domhoff, 1967.
11. *Who Owns America?*, Walter J. Hickel, 1977.
12. *Who Running America?*, Thomas R. Dye, 1986.
13. *Rule By Secrecy*, Jim Marrs, 2001.
14. *Cloning of the American Mind*, B. K. Eakman, 1998.
15. *The Invisible Government*, David Wise và Thomas B. Ross, 1964.
16. *Freemasonry and its Ancient Mystic Rites*, C. W. Leadbeater, 1986.
17. *Freemasonry and its Etiquette*, William Preston và Campbell Everden, 2001.
18. *The New World Order*, Pat Robertson, 1991.
19. *America: What Went Wrong?*, Donald L. Barlett và James B Steele, 1992.
20. *Lies and the Lying Liars Who Tell Them*, Al Franken, 2003.

Để đọc thêm về các bí ẩn trong cuộc cách mạng ở Mỹ và Nga, xin tham khảo thêm ở:

21. *Secret History of the American Revolution*, Carl Van Doren, 1969.
22. *Presidents Above Party*, Ralph Ketcham, 1987.
23. *Russias Road to the Cold War*, Vojtech Mastny, 1979.
24. *Stalin - Triumph and Tragedy*, Dmitri Volkogonov, 1991.

Về giáo hội Công Giáo và đế quốc La Mã, tham khảo thêm nơi các cuốn:

25. *The Rise of the West*, William H. McNeill, 1963.
26. *The Romans, 850 B.C - 337 A.D*, Donald R. Dudley, 1993.

27. *The Christ Conspiracy*, Acharya. S, 1999.
28. *The Catholic Myth*, Andrew M. Greeley, 1997.
29. *The Vatican Connection*, Richard Hammer, 1982.

Tìm hiểu thêm về Tư Dụng Liên Bang, xin đọc:

30. *The Federal Reserve and our Manipulated Dollar*, Martin A. Larson, 1978.
American Symbols - The Seals and Flags of the Fifty States, M. B. Schnapper, 1975.

Nguồn: Internet E-mail by Văn Nguyễn Dương chuyển

*Đăng ngày Thứ Tư, June 6th, 2014
Cập nhật hóa ngày Thứ Bảy, February 21, 2014: tăng khô chữ & điều chỉnh PDF file
Ban Kỹ Thuật Khóa 10A-72/SQT/ĐĐ, ĐĐ11/TĐ1ND, SĐND, QL-VNCH*